Kinh Tiểu Bộ - tập 3 [Trưởng Lão Tăng kệ và Trưởng Lão Ni kệ] (HT Thích Minh Châu dịch)

Kinh Tiểu Bộ (HT Thích Minh Châu & GS Trần Phương Lan dịch)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 1 of 353

KINH TIỂU BỘ
Khuddaka Nikaya
“The Short Passages”
Hòa Thượng Thích Minh Châu Dịch Việt
MỤC LỤC TIỂU BỘ KINH - TẬP III

3.1 TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ

CHƯƠNG I - MỘT KỆ

PHẨM MỘT

(I) Subhùti (Thera. 1)
(II) Mahàkotthita (Thera. 1)
(III) Kankha-revata (Thera. 2)
(IV) Punna Mamtàniputta (Thera. 2)
(V) Dabba (Thera. 2)
(VI) Sìla- Vaniya (Thera. 2)
(VII) Bhalliya (Thera. 2)
(VIII) Vìra (Thera. 2)
(IX). Pilinda-Vaccha (Thera. 2)
(X) Punnamàsa (Thera. 3)
PHẨM HAI

(XI) Cùlagavaccha (Thera. 3)
(XII) Mahàgavaccha (Thera. 3)
(XIII) Vanvaccha (Thera. 3)
(XIV) Sìvaka (Thera. 3) (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha).
(XV) Kunda Dhàna (Thera. 3)
(XVI) Belatthasìsa (Thera. 3)
(XVII) Dàsaka (Thera. 4)
(XVIII) Singàlar-Pitar (Thera. 5)
(XIX) Kula (Thera. 4)
(XX) Ajita (Thera. 4)
PHẨM BA

(XXI) Nigrodha (Thera. 4)
(XXII) Cittaka (Thera. 4)

(XXIII) Gosàla (Thera. 5)
(XXIV) Sugandha (Thera. 5)
(XXV) Nandiya (Thera. 5)
(XXVI) Abhaya (Thera. 5)
(XXVII) Lomasakangìya (Thera. 5)
(XXVIII) Con Trai Của Jambugàmika (Thera. 5)
(XXIX) Hàrita (Thera. 5)
(XXX) Ittiya (Thera. 5)
PHẨM BỐN

(XXXI) Gahvaratìrya (Thera. 6)
(XXXII) Suppiya (Thera. 6)
(XXXIII) Soopaka, Một Tỷ-Kheo Trẻ Con (Thera. 6)
(XXXIV) Posiya (Thera. 6)
(XXXV) Sàmannakàni (Thera. 6)
(XXXVI) Con Của Kunmà (Thera. 6)

(XXXVII) Bạn Của Con Kumà (Thera. 6)
(XXXVIII) Gavampati (Thera. 6)
(XXXIX) Tissa (Thera. 6)
(XL) Vaddhamàna (Thera. 7)
PHẨM NĂM

(XLI) Sirivaddka (Thera. 7)
(XLII) Khadira - Vaniya (Thera. 7)
(XLIII) Sumangala (Thera. 7)
(XLIV) Sànu (Thera. 7)
(XLV) Ramnìyavihàrim (Thera. 7)
(XLVI) Samiddhi (Thera. 7)
(XLVII) Ujiaya (Thera. 8)
(XLVIII) Sanjaya (Thera. 8)
(XLIX) Ràmaneyyaka (Thera. 8)
(L) Vimala (Thera. 8)
PHẨM SÁU

(LI-LIV) Ghodhika, Subàhu, Valliya, Uttiya (Thera. 8)
(LV) Anjana -Vaniya (Thera. 9)
(LVI) Kutivihàrim (Thera. 9)
(LVII) Kutivihàrim (Thera. 9)
(LVIII) Ramaniyakutika (Thera. 9)
(LIX) Kosalavihàrim (Thera. 9)

(LX) Sivàli (Thera. 9)
PHẨM BẢY

(LXI) Vappa (Thera. 9)
(LXII) Vajji-Putta (Thera. 10)
(LXIII) Pakkha (Thera. 10)
(LXIV) Vimala- Kondanna (Thera. 10)
(LXV) Ukkhepakàta vaccha (Thera. 10)
(LXVI) Meghiya (Thera. 10)
(LXVII) Ekadhamma Savannìya (Thera. 10)
(LXVIII) Ekudàniya (Thera. 10)
(LXIX) Channa (Thera. 10)
(LXX) Punna (Thera. 11)
PHẨM TÁM

(LXXI) Vacchapàla (Thera. 11)
(LXXII) Atuma (Thera. 11)
(LXXIII) Mànava (Thera. 11)
(LXXIV) Suyàman (Thera. 11)
(LXXV) Susàrada (Thera. 11)
(LXXVI) Piyanjaha (Thera. 11)
(LXXVII) Hatthàroha- Putta (Thera. 12)
(LXXVIII) Mendasira (Thera. 12)
(LXXIX) Rakkhita (Thera. 12)
(LXXX) Ugga (Thera. 12)
PHẨM CHÍN

(LXXXI) Samitigutta (Thera. 12)
(LXXXII) Kassapa (Thera. 12)
(LXXXIII) Sìha (Thera. 12)
(LXXXIV) Nita (Thera. 13)
(LXXXV) Sunàga (Thera. 13)
(LXXXVI) Nàgita (Thera. 13)
(LXXXVII) Pavittha (Thera. 13)
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 3 of 353

(LXXXVIII) Ajjuna (Thera. 13) (LXXXIX) Devasabha (Thera. 13) (XC) Sàmidatta (Thera. 13)

PHẨM MƯỜI

(XCI) Paripunnaka (Thera. 13)
(XCII) Vijaya (Thera. 13)

(XCIII) Eraka (Thera. 14)
(XCIV) Mettajì (Thera. 14)
(XCV) Cakkupàla (Thera. 14)
(XCVI) Khandasumana (Thera. 14)
(XCVII) Tissa (Thera. 14)
(XCVIII) Abhaya (2) (Thera. 14)
(XCIX) Uttiya (Thera. 14)
(C) Devasabha (II) (Thera. 14)
PHẨM MƯỜI MỘT
(CI) Belatthakàni (Thera. 15)
(CII) Setuccha (Thera. 15)
(CIII) Bandhura (Thera. 15)
(CIV) Khitaka (Thera. 15)
(CV) Malytavambha (Thera. 15)
(CVI) Suhemanta (Thera. 15)
(CVII) Dhammasava (Thera. 15)
(CVIII) Phụ Thân Của Dhammasava (Thera. 15)
(CIX) Langha Rakkhita (Thera. 16)
(CX) Usabha (Thera. 16)
PHẨM MƯỜI HAI
(CXI) Jenta (Thera. 16)
(CXII) Vacchagotta (Thera. 16)
(CXIII) Vanavaccha (Thera. 16)
(XIV) Adhimutta (Thera. 16)
(CXV) Mahànàma (Thera. 16)
(CXVI) Pàràpariya (Thera. 17)
(CXVII) Yasa (Thera. 17)
(CXVIII) Kimliba (Thera. 17)
(CXIX) Vajji-Putta (Thera. 17)
(CXX) Isidatta (Thera. 17)
CHƯƠNG II - HAI KỆ
PHẨM MỘT
(CXXI) Utara (Thera. 18)
(CXXII) Pindola-Bhàradvàja (Thera. 18)
(CXXIII) Valliya (Thera. 18)
(CXXIV) Gangàtiriya (Thera. 18)
(CXXV) Ajina (Thera. 18)
(CXXVI) Melajina (Thera. 19)

(CXXVII) Ràdha (Thera. 19)
(CXXVIII) Suràdha (Thera. 19)
(CXXIX) Gotama (Thera. 19)
(CXXX) Vasabha (Thera. 19)
PHẨM HAI

(CXXXI) Mahàcunsa (Thera. 20) (CXXXII) Jotidàra (Thera. 20)

(CXXXIII) Herannakàni (Thera. 20)
(CXXXIV) Somamitta (Thera. 20)
(CXXXV) Sabbamitta (Thera. 20)
(CXXXVI) Mahàkàla (Thera. 21)
(CXXXVII) Tissa (Thera. 21)
(CXXXVIII) Kimbila (Thera. 21)
(CXXXIX) Nanda (Thera. 21)
(CXL) Sirimat (Thera. 21)
PHẨM BA

(CXLI) Uttara (Thera. 22)
(CXLII) Bhaddaji (Thera. 22)
(CXLIII) Sobhita (Thera. 22)
(CXLIV) Valliya (Thera. 22)
(CXLV) Vitàsoka (Thera. 22)
(CXLVI) Punnamàsa (Thera. 23)
(CXLVII) Nandaka (Thera. 23)
(CXLVIII) Bharata (Thera. 23)
(CXLIX) Bhàradvàja (Thera. 23)
(CL) Kanhadinna (Thera. 23)
PHẨM BỐN

(CLI) Migasìra (Thera. 24)
(CLII) Sivàka (Thera. 24)
(CLIII) Upavàna (Thera. 24)
(CLIV) Isidinna (Thera. 24)
(CLV) Sambula - Kaccàna (Thera. 24)
(CLVI) Khitaka (Thera. 25)
(CLVII) Sona - Potiriyaputta (Thera. 25)
(CLVIII) Nisabha (Thera. 25)
(CLIX) Usabha (Thera. 25)
(CLX) Kappata - Kura (Thera. 25)
PHẨM NĂM

(CLXI) Kumàra-Kassapa (Thera. 26)
(CLXII) Dhammapàla (Thera. 26)
(CLXIII) Brahmàlì (Thera. 26)
(CLXIV) Mogharàjam (Thera. 27)
(CLXV) Visàkha, Con Của Pancàlì (Thera. 27)
(CLXVI) Cùlaka (Thera. 27)
(CLXVII) Anupama (Thera. 27)
(CLXVIII) Vajjita (Thera. 27)
(CLXIX) Sandhita (Thera. 28)
CHƯƠNG III
PHẨM BA KỆ
(CLXX) Anganika Bhàradvàja (Thera. 29)
(CLXXI) Paccaya (Thera. 29)
(CLXXII) Bàkula (Thera. 29)
(CLXXIII) Dhaniya (Thera. 29)
(CLXXIV) Con Của Màtanga (Thera. 30)
(CLXXV) Khujja Sobhita (Thera. 30)
(CLXXVI) Vàrana (Thera. 30)
(CLXXVII) Passsika (Thera. 30)
(CLXXVIII) Yasoja (Thera. 30)
(CLXXIX) Satimattya (Thera. 31)
(CLXXX) Upàli (Thera. 31)
(CLXXXI) Uttarapàla (Thera. 31)
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 5 of 353
(CLXXXII) Abhibhùta (Thera. 31)
(CLXXXIII) Gotama (Thera. 32)
(CLXXXIV) Harita (Thera. 32)
(CLXXXV) Vimala (Thera. 32)
CHƯƠNG IV
PHẨM BỐN KỆ
(CLXXXVI) Nàgasamàla (Thera. 33)
(CLXXXVII) Bhagu (Thera. 33)
(CLXXXVIII) Sabhiya (Thera. 33)
(CLXXXIX) Nandaka (Thera. 33)
(CXC) Jambuka (Thera. 34)
(CXCI) Senaka (Thera. 34)
(CXCII) Sambhùta (Thera. 34)
(CXCIII) Ràhula (Thera. 35)

(CXCIV) Candana (Thera. 35)
(CXCV) Dhammika (Thera. 35)
(CXCVI) Sabbaka (Thera. 35)
(CXVII) Mudita (Thera 36)
CHƯƠNG V
PHẨM NĂM KỆ
(CXCVIII) Ràjadatta (Thera. 37)
(CXCIX) Subhùta (Thera. 37)
(CC) Girimànanda (Thera. 38)
(CCI) Sumana (Thera. 38)
(CCII) Vaddha (Thera. 38)
(CCIII) Nadikassapa (Thera. 39)
(CCIV) Gayà-Kassapa (Thera. 39)
(CCV) Vakkali (Thera. 39)
(CCVI) Vigitasena (Thera. 39)
(CCVII) Yasadatta (Thera. 40)
(CCVIII) Sonakutikanna (Thera. 40)
(CCIX) Kosiya (Thera. 41)
CHƯƠNG VI
PHẨM SÁU KỆ
(CCK) Uruvelà Kassapa (Thera. 42)
(CCXI) Tekicchakàrì (Thera. 42)
(CCXII) Mahà-Nàga (Thera. 43)
(CCXIII) Kulla (Thera. 43)
(CCXIV) Màlunkyaputta (Thera. 43)
(CCXV) Sappadàsa (Thera. 44)
(CCXVI) Kàtiyàna (Thera. 45)
(CCXII) Migajàla (Thera. 45)
(CCXVIII) Jenta (Thera. 45)
(CCXIX) Sumana (Thera. 46)
(CCXX) Nhàlaka - Muni (Thera. 46)
(CCXXI) Brahmadatta (Thera. 46)
(CCXXII) Sirimanda (Thera. 47)
(CCXXIII) Sabbhakàma (Thera. 47)
CHƯƠNG VII
PHẨM BẢY KỆ

(CCXXV) Lakuntaka-Bhaddiya (Thera. 49)
(CCXXVI) Bhadda (Thera. 50)
(CCXXVII) Sopàka (Thera. 50)
(CCXXVIII) Sarabhanga (Thera. 50)
CHƯƠNG VIII
PHẨM TÁM KỆ
(CCXXLX) Mahà-Kaccàyana (Thera. 52) (CCXXX) Sirimitta (Thera. 52) (CCXXXI) Mahà-Panthaka (Thera. 53)
CHƯƠNG IX
PHẨM CHÍN KỆ
(CCXXXII) Bhùta (Thera. 54)
CHƯƠNG X
PHẨM MƯỜI KỆ
(CCXXIII) Kàludàyin (Thera. 56)
(CCXXXIV) Ekavihàriya (Tissa Kumàra) (Thera. 57)
(CCXXXV) Mahà Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) (Thera. 58)
(CCXXXVI) Cùla-Panthaka (Thera. 59)
(CCXXXVII) Kappa (Thera. 59)
(CCXXXVIII) Upasena, Con Của Vanganta (Thera. 60)
(CCXXXIX) Gotama (Thera. 61)
CHƯƠNG XI
PHẨM MƯỜI MỘT KỆ
(CCXL) Sankicca (Thera. 62)
CHƯƠNG XII
PHẨM MƯỜI HAI KỆ
(CCXLI) Sìlavat (Thera. 63) (CCXLII) Sunìta (Thera. 63)
CHƯƠNG XIII
PHẨM MƯỜI BA KỆ
(CCXLIII) Sona-Kolivisa (Thera. 65)
CHƯƠNG XIV
PHẨM MƯỜI BỐN KỆ
(CCXLIV) Revata (Thera. 67) (CCXLV) Godatta (Thera. 67)
CHƯƠNG XV

PHẨM MƯỜI LĂM KỆ

(CCXLVI) Anna-Kondanna (Thera. 69) (CCXLVII) Udàyin (Thera. 69)

CHƯƠNG XVI

PHẨM HAI MƯƠI KỆ

(CCXLVIII) Adhimutta (Thera. 71)
(CCXLIX) Pàràpariya (Thera. 72)
(CCL) Kelakàni (Thera. 298)
(CCLI) Ratthapàla (Thera. 75)
(CCLII) Màlunkyaputta (Thera. 77).
(CCLIII) Sela (Thera. 78)
(CCLIV) Bhaddiya kàligodhàyaputta (Thera. 80)
(CCLV) Angulimàlà (Thera. 80)
(CCLVI) Anuruddha (Thera. 83)
(CCLVII) Pàràpariya (Thera. 84)
CHƯƠNG XVII

PHẨM BA MƯƠI KỆ

(CCLVIII) Phussa (Thera. 87) (CCLIX) Sàriputta (Thera. 89) (XXLX) Ananda (Thera. 91)

CHƯƠNG XVIII

PHẨM BỐN MƯƠI KỆ

(CCLXI) Mahà-Kassapa (Thera. 94)

CHƯƠNG XIX

PHẨM NĂM MƯƠI KỆ

(CCLXII) Tàlaputta (Thera. 97)

CHƯƠNG XX

PHẨM SÁU MƯƠI KỆ

(CCLXIII) Mahà-Moggallàna (Thera. 104)

CHƯƠNG XXI

PHẨM BẢY MƯƠI KỆ (Đại Tập)

(CCLXIV) Vangìsa (Thera. 109)

3.2 TRƯỞNG LÃO NI KỆ

PHẨM I TẬP MỘT KỆ

(I) Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên (Therì. 123) (II) Muttà (Therì. 123)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 8 of 353

(III) Punnà (Therì. 123)
(IV) Tissà (Therì. 123)
(V) Một Tissà Khác (Therì. 123)
(VI) Dhìra (Therì. 124)
(VII) Một Dhìra Khác (Therì. 124)
(VIII) Mittà (Therì. 124)
(IX) Bhadhà (Therì. 124)
(X) Upasanà (Therì. 124)
(XI) Muttà (Therì. 123)
(XII) Dhammadinnà (Therì. 124)
(XIII) Visàkhà (Therì. 124)
(XIV) Sumànà (Therì. 124)
(XV) Uttarà (Therì. 125)
(XVI) Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già (Therì. 125)
(XVII) Dhammà (Therì. 125)
(XVIII) Sanjhà (Therì. 125)
PHẨM II TẬP HAI KỆ

(XIX) Abhirùpa Nandà (Therì. 125)
(XX) Jentì (hay Jentà) (Therì. 125)
(XXI) Mẹ Của Sumangala (Therì. 126)
(XXII) Addhakasi (Therì. 126)
(XXIII) Città (Therì. 126)
(XXIV) Mettikà (Therì. 126)
(XXV) Mittà (Therì. 127)
(XXVI) Mẹ Của Abhayà (Therì. 127)
(XXVII) Abhaya (Therì. 127)
(XXVIII) Sàmà (Therì. 127)
PHẨM III TẬP BA KỆ

(XXIX) Một Sàmà Khác (Therì. 127)
(XXX) Uttama (Therì. 128)
(XXXI) Một Uttarà Khác
(XXXII) Dantikà
(XXXIII) Ubirì
(XXXIV) Sukkà (Therì. 129)
(XXXV) Sielà

(XXXVI) Somà (Therì. 129)
PHẨM IV TẬP BỐN KỆ
(XXXVII) Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà. (Therì. 130)
PHẨM V TẬP NĂM KỆ
(XXXVIII) Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh (Therì. 130)
(XXXIX) Vimala, Xưa Làm Một Kỹ Nữ (Therì. 131)
(VL) Sìha (Therì. 131)
(XLI) Sundarì Nandà (Therì. 132)
(XLII) Manduttara (Therì. 132)
(XLIII) Mittakali (Therì. 132)
(XLIV) Sakulà (Therì. 133)
(XLV) Sonà (Therì. 133)
(XLVI) Bhadda Kundalakess (Therì. 134)
(XLVII) Patàcàrà (Therì. 134)
(XLVIII) 30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Của Patàcàrà (Therì. 135)
(XLIX) Candà (Therì. 135)
PHẨM VI TẬP SÁU KỆ
(L) Năm Trăm Patàcàrà (Therì. 136)
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 9 of 353
(LI) Vàsitthi (Therì. 136)
(LII) Khemà (Therì. 137)
(LIII) Sujàtà (Therì. 137)
(LIV) Anopanà (Therì. 138)
(LV) Mahàpajàpatì Gotamì (Therì. 138)
(LVI) Guttà (Therì. 139)
(LVII) Vijjayà (Therì. 139)
PHẨM VII TẬP BẢY KỆ
(LVIII) Uttarà (Therì. 140) (LIX) Calà (Therì. 141) (LX) Upacàlà (Therì. 141)
PHẨM VIII TẬP TÁM KỆ
(LXI) Sìsupacàlà (Therì. 142)
PHẨM IX TẬP CHÍN KỆ
(LXII) Mẹ Của Vaddha
PHẨM X TẬP MƯỜI KỆ
(LXIII) Kisà Gotamì (Therì. 143)

PHẨM XI TẬP MƯỜI HAI KỆ

(LXIV) Uppalavanna

PHẨM XII TẬP MƯỜI SÁU KỆ

(LXV) Punnà hay Punnikà (Therì. 146)

PHẨM XIII TẬP HAI MƯƠI KỆ

(LXVI) Ambapàlì (Therì. 147)
(LXVII) Rohinì (Therì. 150)
(LXVIII) Càpà (Therì. 151)
(LXIX) Sundàrì (Therì. 153)
(LXX) Subhà, Con Người Thợ Vàng (Therì. 156)
PHẨM XIV TẬP BA MƯƠI KỆ

(LXXI) Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka (Therì. 150)

PHẨM XV TẬP BỐN MƯƠI KỆ

(LXXII) Isidàsi (Therì. 162)

PHẨM XVI ĐẠI PHẨM

(LXXIII) Sumedhà (Therì. 167)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 10 of 353

3. GIỚI THIỆU TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ & TRƯỞNG LÃO NI KỆ

Trưởng Lão Tăng Kệ là quyển thứ tám của Tiểu Bộ Kinh, một tập hợp 264 tích truyện trong dạng các câu kệ do các vị tỳ kheo đệ tử của Đức Phật thuật lại về cuộc đời, công phu tu tập và tinh tấn hành trì của quý Ngài trên đường đưa đến đạo quả A-la-hán. Trong khi đó, Trưởng Lão Ni Kệ là quyển thứ chín, gồm 73 tích truyện về cuộc đời các vị tỳ kheo ni đệ tử A-la-hán của Đức Phật.

Qua hai quyển kinh nầy, chúng ta biết được các nỗ lực tu tập, đấu tranh nội tâm, thanh lọc tâm ý để đưa đến giác ngộ giải thoát. Cuộc đời tu hành của quý vị Tăng Ni như đã ghi lại trong hai quyển kinh là những tấm gương sáng ngời để chúng ta cùng suy gẫm và noi theo trên con đường hành đạo của mỗi người con Phật chúng ta.

Ngoài ra, các câu chuyện và vần kệ trong quyển Trưởng Lão Ni Kệ cũng là một chứng minh hùng hồn, cho thấy con đường của chư Phật mở rộng cho mọi người, không phân biệt nam hay nữ. Tấm gương dũng cảm quyết tâm tu tập để đắc đạo quả cao thượng của các vị tỳ kheo ni tiền phong trong Ni Đoàn của Đức Phật là một nguồn cảm hứng cho tất cả mọi người con Phật trong hơn hai ngàn năm trăm năm qua - nam cũng như nữ, già lẫn trẻ, người tại gia cũng như xuất gia. Đạo quả A-la-hán, đạo quả giác ngộ toàn bích, mở rộng cho tất cả những ai tận lực tu học, giữ gìn giới hạnh, thanh lọc tâm ý, khai phát tuệ minh, như các vị đại đệ tử tỳ kheo và tỳ kheo ni đó.

Tỳ Kheo Ariyasilo (Bình Anson Lược Dịch, Tháng 01-2001)

-ooOoo-

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 11 of 353

3.1 TRƯỞNG LÃO TĂNG KỆ CHƯƠNG I - MỘT KỆ PHẨM MỘT

Đảnh Lễ Đức Thế Tôn Bậc A-La-Hán Chánh Đẳng Giác

(I) Subhùti (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là Subhùti. Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh Từ vô lượng. Khi Ngài đi khất thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị xứng đáng được bố thí đệ nhất. Do vậy, Thế Tôn có nói: 'Này các Tỷ-kheo, Subhùti được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường'.

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khất thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào. Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chận gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Ngươi muốn!
Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần,
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

(II) Mahàkotthita (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết

pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hiện thiền quán từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc thiền quán đệ nhất.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. Tịch tịnh và chỉ tức, Tụng đọc lời trí tuệ, Tâm tư không tháo động,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 12 of 353

Ác pháp được vứt bỏ, Giống như những lá cây, Bị gió thổi phiêu bạt.

(III) Kankha-revata (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Ngài chứng quả A-la-hán nhờ hành thiền, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là hành thiền đệ nhất.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lấn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ
Cho những ai đi đến.
(IV) Punna Mamtàniputta (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão Kondanna và được đặt tên là Punna. Sau khi làm tròn bổn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, chuyên tâm tu hành, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về mười căn bản của thuyết giảng, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán. Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đảnh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi,

ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả Sariputta cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc thuyết pháp đệ nhất.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: 'Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu thân cận với bạn lành'. Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

4. Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền minh thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 13 of 353

Không phóng dật, chủ tâm.

(V) Dabba (Thera. 2)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc Mallà ở Anupiyà. Khi mới bảy tuổi, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi sanh ngài. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cạo tóc.

Khi bậc Đạo Sư từ giã xứ Mallà để đi về Vương Xá, Dabba thiền quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng thần thông của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chỗ ngủ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng.

Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với Mettiya và Bhummajika vu khống, làm hại và ngài được giáo hội che chở và biện minh, Tôn giả Dabba ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

5. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tịnh.
(VI) Sìla- Vaniya (Thera. 2)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la- môn có danh tiếng, tên là Sambhùta. Với ba người bạn Bhùmija, Jeyyasena và Abhiràdana. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập thiền quán thân bất tịnh, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là Sitavaniya (vị ở rừng mát).

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phât, ngài nói: 'Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đảnh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:

6. Có Tỷ-kheo đi đến
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thắng trận, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm'.
(VII) Bhalliya (Thera. 2)

Với người anh là Tapussa, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatì, con một người đánh xe cho đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lữ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: 'Thế Tôn vừa mới thành đạo

và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích'. Cả lữ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, Tapussa và Bhalliya hầu hạ Ngài và nghe pháp, Tapussa trở thành một cư sĩ, còn Bhalliya thời xuất gia và thành tựu được sáu thắng trí.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng Bhalliya đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. Ai đuổi đi thần chết,
Với đạo binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.
(VIII) Vìra (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), và được gọi là Vìra. Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh

cần, ngài chứng được sáu thắng trí. Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, vợ của ngài muốn cám dỗ ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: 'Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi Sineru với cánh một con ruồi'. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

8. Ai thật khó nhiếp phục
Nay đã được nhiếp phục,
Vìra tự thỏa mãn,
Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không kinh hoàng,
Vìra trú tịch tịnh.
Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: 'Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta'. Rồi đi đến tịnh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chứng được ba minh.

(IX). Pilinda-Vaccha (Thera. 2)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là Pilinda. Vaccha là tên của dòng họ. Ngài trở thành một ẩn sĩ và được một bùa phép tên là Tiểu Gandhàra (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực. Khi ngài nghe được bùa phép Đại Gandhàra làm bùa phép tiểu Gandhàra mất hiệu lực, ngài kết luận Sa-môn Gotama biết được bùa phép Đại Gandhàra và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: 'Phải xuất gia', ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo. Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp thiền quán, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là vị Tỷ-kheo được chư

Thiên ái kính, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!
Lời không tốt, không đến!
Lời khuyên đến với ta,
Không thuộc về tà ác!
Giữa các pháp phân biệt,
Ta đến pháp tối thượng.
(X) Punnamàsa (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi, ngài xuất gia được khi sanh được đứa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy bốn sự thật làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán. Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vướng bận gì và nói lên bài kệ này:

10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.
Vợ của ngài nghĩ rằng: 'Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cám dỗ ngài' nên nàng bỏ đi.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 16 of 353

PHẨM HAI

(XI) Cùlagavaccha (Thera. 3)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia. Lúc bấy giờ các Tỷ- kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, phát triển trí tuệ và chứng quả A-la-hán. Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được đạo tịch tịnh,
Hành dừng lại an lạc.
(XII) Mahàgavaccha (Thera. 3)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của Sammiddhi, một Bà-la-môn ở làng Nàlaka, Magadha. Ngài xuất gia vì Sàriputta đã xuất gia, và ngài biết Sàriputta rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

12. Trí tuệ lực, giới hạnh,
Định, thiền lạc, chánh niệm,
Chỉ ăn những món ăn
Đem lại quả tốt đẹp,
Ở đây, tham viễn ly,
Chờ đợi giờ mạng chung.
(XIII) Vanvaccha (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào rừng viếng cảnh, và sanh tại đấy. Ngài trở thành một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật trong tương lai. Vì ngài thích rừng núi, ngài được biết với tên là Vanavaccha. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán. Để tán thán hạnh ở rừng, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: 'Ngài thích thú gì ở rừng núi?' Ngài đáp: 'Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!

3. Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong,
Kẻ chăn bò Inda,
Che kín cả ngôi rừng,
Những ngôi núi đá ấy,
Làm hân hoan tâm ta'.

(XIV) Sìvaka (Thera. 3) (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha).

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chị của Vanavaccha. Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: 'Này Sìvaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!'. Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau

nặng; khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau. Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: 'Này Sìvaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng'. Sìvaka trả lời: 'Dầu thân con ở trong làng, nhưng tâm con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng'. Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. Thầy ta nói với ta,
'Hãy đi, Sìvaka!'
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dầu còn nằm ta đi,
Người biết, không trói buộc.

(XV) Kunda Dhàna (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được gọi là Dhàna. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe đức Phật thuyết pháp và

xuất gia. Khi vua Pasenadi nước Kosala để ý đến ngài, cúng dường ngài các đồ dùng cần thiết nên ngài khỏi phải đi khất thực. Khi nàng Subhaddà mời bậc Đạo Sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy Kunda Dhàna mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong tập sớ Anguttara Nikàya. Ngài nói lên các bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo:

15. Năm pháp Thầy cắt đứt,
Năm pháp Thầy từ bỏ,
Và năm pháp thượng nhân,
Thầy cố gắng tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm ái,
Được gọi là 'vượt bộc lưu'.
(XVI) Belatthasìsa (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia theo giáo đoàn của Kassapa ở Uruvelà và thờ lửa. Khi Kassapa được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong ngàn người đệ tử của Kassapa chứng được quả A-la-hán, khi nghe đức Phật giảng kinh Adittápariyàyàsutta (Kinh Lửa Cháy).

Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả Ananda. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng, và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài:

16. Như vật hiền giống tốt
Với sừng, kéo cái cày,
Đi đứng không mệt nhọc,
Cũng vậy, ta ngày đêm,
Đi đứng không mệt nhọc,
Được lạc không thế vật.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 18 of 353

(XVII) Dàsaka (Thera. 4)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời dức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana. Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay. Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi ngáy. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lăn qua lại,

Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.
Khi nghe vậy, Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài suy nghĩ: 'Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều' và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XVIII) Singàlar-Pitar (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla). Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài thiền quán là bộ xương người. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà. Trong rừng ấy, một thần rừng biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp tưởng bộ xương.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,
Mau đoạn tận dục tham.
Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: 'Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập', nên ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XIX) Kula (Thera. 4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định. Một ngày kia đi khất thực, ngài thấy người dẫn nước bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy người làm cung tên uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những người làm xe sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến ba phương pháp nhiếp phục này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm

của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm nên nắn tên,

Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc tự điều, điều thân.
(XX) Ajita (Thera. 4)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala. Ngài trở thành một ẩn sĩ tu theo Bàvari, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvarì. Bàvarì bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư. Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. Lựa một đề tài để thiền quán, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 20 of 353

PHẨM BA

(XXI) Nigrodha (Thera. 4)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi. Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia. Khi phát triển thiền quán, ngài có thể đạt được sáu thắng trí, suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu đạo bất tử,
Bậc Đạo Sư chúng ta
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sự sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo
Dẫn bước trên đường ấy.
(XXII) Cittaka (Thera. 4)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, Cittaka đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lựa giới luật làm đề tài tu tập, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với thiền quán khai triển, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đảnh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,

Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.
(XXIII) Gosàla (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: 'Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?'. Rồi ngài xuất gia, dùng giới luật làm đề tài thiền quán và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán. Mẹ ngài ngày nào cũng bố thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài cháo, cơm nấu với mật và đường, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày. Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài phát tâm thiền quán và chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp. Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 21 of 353

Tánh sanh diệt các uẩn, Ta sẽ lên ngọn núi, Tăng trưởng hạnh viễn ly.

(XXIV) Sugandha (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là Sugandha (hương thơm). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy pháp tánh các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.
(XXV) Nandiya (Thera. 5)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: 'Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà' và đặt tên ngài là Nandiya. Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn

tại rừng Trúc phía Đông. Tại đấy, Ác-ma muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dễ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: 'Này Ác-ma, Ngươi làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của ngươi. Do vậy, Ngươi chỉ gặp thất bại và bất hạnh'.

25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.
(XXVI) Abhaya (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con vua Bimbisàra (Bình-sa). Giáo chủ Nàtaputta dạy ngài một mưu chước để đánh bại Sa-môn Gotama trong cuộc tranh luận, nhưng trong câu trả lời của Sa-môn Gotama, ngài thấy sự thất bại của giáo chủ phái Ni-kiền Tử và sự sáng suốt của Sa-môn Gotama. Do vậy, sau khi vua từ trần, Abhaya xuất gia. Nhờ giảng kinh Ví dụ cái lỗ trong cây gỏ, ngài chứng quả Dự lưu. Rồi với sự cố gắng tinh cần, ngài chứng quả A-la-hán. Do vậy, phấn khởi trước thành quả đạt được, ngài nói lên chánh trí của ngài:

26. Nghe được lời khéo giảng,
Bậc bà con mặt trời,
Ta đâm thủng tinh vi,
Như tên chẻ ngọn tóc.
(XXVII) Lomasakangìya (Thera. 5)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 22 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là Lomasakangiya.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về 'Nhứt dạ hiền giả - Bhaddekaratta', ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ. Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,

Ta sẽ làm tăng trưởng,
Hạnh cô độc viễn ly.
Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia. Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để thiền quán. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng sáu thắng trí. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

(XXVIII) Con Trai Của Jambugàmika (Thera. 5)

Ngài sanh ở Campà, con một cư sĩ tên Jambugàmika, và được gọi với tên cha. Khi học tập hạnh Sa-di, ngài ở Sàketa, tại rừng Anjana, cha ngài sợ ngài không bền chí xuất gia, nên gửi ngài bài kệ để tìm hiểu ngài:

28. Con có được thỏa mãn,
Với y phục mang mặc?
Con có được hoan hỷ,
Với trang sức điểm tô?
Và mùi hương thơm này,
Do giới con tỏa ra,
Chớ không do người khác
Tạo mùi thơm như vậy!
Khi ngài đọc bài kệ này, ngài nghĩ rằng phụ thân ngài nghi ngờ ngài còn đang bị thế tục chi phối, và ngài cũng chưa thoát khỏi địa vị phàm phu. Do vậy, ngài cảm thấy xúc động, liền phát tâm tinh tấn tu hành và không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Với bài kệ của người cha làm đề tài thiền quán, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Và vừa để nói lên chánh trí, vừa tán thán người cha, ngài nói lên bài kệ.

(XXIX) Hàrita (Thera. 5)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài. Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết. Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về giới, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khất thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay

thẳng, ngài suy nghĩ: 'Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng'. Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, phát triển thiền quán. Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. Thầy hay làm tự ngã,

Được thấm nhuần hướng thượng,
Như người thợ cung tên
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.
Nghe Thế Tôn dạy, ngài phát triển thiền quán, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(XXX) Ittiya (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và xuất gia để tìm đời sống bất tử, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia. Vì giới hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Ittiya học tập bài học này, phát triển thiền quán, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán. Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến cơn bệnh của ngài:

30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 24 of 353

PHẨM BỐN

(XXXI) Gahvaratìrya (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Aggidatta. Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thần thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratìra và được biết với tên là Gahvaratìriya, phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến đảnh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lằng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lằng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đấy sống chánh niệm.
(XXXII) Suppiya (Thera. 6)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi. Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất, và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.
(XXXIII) Soopaka, Một Tỷ-Kheo Trẻ Con (Thera. 6)

Ngài sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, từ một người đàn bà rất nghèo khổ. Khi bà mẹ đau đẻ, bà bất tỉnh và người ta tưởng bà đã chết nên đem thân bà đi thiêu. Một phi nhân không cho lửa đốt cháy, làm mưa làm gió và những người thiêu thân bỏ đi. Đứa con trẻ được sanh mạnh khỏe, còn người mẹ bị chết. Vị phi nhân hóa làm người, bế đứa con và bỏ trong nhà người giữ nghĩa địa, nuôi đứa con trong một thời gian với đồ ăn thích hợp. Sau đó, người giữ nghĩa địa nhận làm con nuôi, và Sopàka lớn lên với Suppiya, con trai nhỏ của người giữ cửa. Vì ngài sanh ở nghĩa địa, nên đặt tên là Sopàka. Khi ngài bảy tuổi, Thế Tôn với thiên nhãn thanh tịnh, vào buổi sáng, nhìn xem những ai có thiện căn tốt lành, thấy Sopàka và đi đến nghĩa địa. Sopàka được nghiệp duyên đời trước, đi đến Thế Tôn với tâm tư hoan hỷ và đảnh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp và Sopàka xin xuất gia. Sau khi được phép người cha nuôi, Sopàka xuất gia và được dạy tình thương huynh đệ làm đề tài tu hành. Sopàka lấy đề tài này và sống ở nghĩa địa và chứng được cảnh giới thiền tương đương. Lấy cảnh giới thiền làm đề tài căn bản, ngài triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, ngài làm bài kệ, trong ấy ngài nêu cho các Tỷ-kheo rõ đề tài tình thương anh em, không có phân biệt người thân kẻ sơ. Với tất cả, tình thương phải là một, bao trùm mọi cảnh giới, mọi chúng sanh mọi thời gian:

33. Như người mẹ tốt lành Thương người con độc nhất, Cũng vậy đối chúng sanh,

Đủ mọi loài, mọi chỗ, Hãy có lòng tốt đẹp, Thương mến và từ ái.

(XXXIV) Posiya (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một triệu phú ở Sàvatthi, là em trai của Trưởng lão Sangàmaji. Khi lớn lên, ngài lập gia đình. Khi sanh được đứa con trai, do nghiệp duyên đời trước, ngài cảm thấy lo lắng trước vấn đề sống chết, nên ngài xuất gia, sống một mình trong rừng và tu tập đề tài bốn sự thật. Sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Sàvatthi để đảnh lễ Thế Tôn và về thăm lại nhà cũ, người vợ cũ cúng dường ngài và muốn cám dỗ ngài sống lại đời sống cũ, ngài biết được dụng ý của vợ

ngài nên cáo lui và về lại trong rừng, các bạn đồng tu hỏi vì sao ngài về sớm như vậy, ngài kể lại câu chuyện đã xảy ra và nói lên bài kệ:

34. Không gần là tốt đẹp,
Kẻ trí thường biết vậy,
Từ làng đi đến rừng,
Từ rừng, ta vào nhà,
Từ đấy, đứng dậy đi,
Không đoái hoài Bô-sya.
(XXXV) Sàmannakàni (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thần thông song hành; và nhờ thiền, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: 'Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này'. Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.
Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.
(XXXVI) Con Của Kunmà (Thera. 6)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở xứ Anvanti thành Velukanda, và được đặt tên là Nanda. Nhưng vì mẹ tên Kumà nên ngài được gọi là con của Kumà. Khi nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia và tu tập trên sườn đồi. Nhưng chỉ sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và sửa lại phương pháp tu tập, ngài mới chứng quả A-la-hán. Khi đã trở thành A-la-hán, ngài thấy các Tỷ-kheo khác quá lo cho thân thể, nên ngài dùng bài kệ để hướng dẫn họ theo Chánh pháp:

36. Lành thay, điều được nghe!
Lành thay, hạnh phúc sống!
Lành thay, thường an trú!
Đời sống kẻ không nhà.

Tìm hỏi nghĩa Chánh pháp,
Làm các hạnh cung kính,
Đấy là hạnh Sa-môn,
Của bậc Vô sở hữu.
(XXXVII) Bạn Của Con Kumà (Thera. 6)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, tại thành Velukanda, trong một gia đình giàu có tên Sudanta. Có người nói ngài tên là Vasulokì. Ngài trở thành bạn thân với con của Kumà. Khi con của Kumà xuất gia, ngài nghĩ đạo của con Kumà không thể là đạo tầm thường nên đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Nghe xong, ngài cảm thấy nhiều xúc động và xuất gia. Ngài cùng an trú với con của Kumà trên sườn đồi để tu hành.

Trong lúc ấy, nhiều Tỷ-kheo bộ hành nhiều địa phương, đều an trú tại chỗ hai vị này và tạo nên cảnh ồn ào. Sudanta, tâm thiền định bị chi phối, lấy sự kiện này làm đề tài để tinh tấn tu hành và nói lên bài kệ này:

37. Bộ hành nhiều xứ sở,
Với hạnh không suy tưởng,
Thiêu đốt phần thiền định,
Đi khắp xứ làm gì?
Do vậy, ngăn vọng động,
Không vọng hướng, hãy thiền.
(XXXVIII) Gavampati (Thera. 6)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của Yasa (Da-xá). Khi họ nghe Yasa xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sàkela, và hưởng lạc giải thoát. Khi bấy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại Anjana. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông Sarabhà. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trẻ la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo Gavampati can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với thần túc thông của mình, làm theo lời Phật dạy, dừng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dựng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông. Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy Gavampati vì lòng từ bi nghĩ đến đời, đức Phật tán thán các hạnh của Gavampati với bài kệ:

38. Ai với thần túc thông,
Dựng đứng Sarabhu,
Chính Gavampati,
Không ỷ lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đảnh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni
Đã vượt qua sanh hữu.

(XXXIX) Tissa (Thera. 6)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 27 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bổn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miệng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.
(XL) Vaddhamàna (Thera. 7)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng. Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành biếng nhác và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

40. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 28 of 353

PHẨM NĂM

(XLI) Sirivaddka (Thera. 7)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có. Khi vua Bimbisàra gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một nhiệt độ thích hợp, ngài có thể thiền định, thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

41. Giữa đồi Vebhara,
Giữa đồi Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đứa con bậc Vô tỷ,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.
(XLII) Khadira - Vaniya (Thera. 7)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) tại làng Nàlaka, con của nữ Bà-la- môn Rùpasàrì. Khi ngài lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình, nhưng khi nghe Sàriputta xuất gia, ngài bắt chước Sàriputta, đến các Tỷ-kheo xin được thọ giới, tự xưng là em trai của Sàriputta. Khi ngài chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến Sàvatthi (Xá-vệ) để đảnh lễ Thế Tôn, và ở lại một vài ngày tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Rồi Thế Tôn, ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, xác nhận ngài là Tỷ-kheo ở rừng đệ nhất.

Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị Càlà, Upacàlà, Sisùpacàlà, cũng tên là Càlà, Upacàlà và Sisùpacàlà cho chúng xuất gia. Một hôm ngài bị ốm và Sàriputta đi đến thăm, Revata muốn dạy cho ba người cháu chớ có phóng dật, nên khi thấy Sàriputta từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

42. Hỡi này cháu Càlà,
Này Upacàlà,
Sisùpacàlà,
Hãy sống, trú chánh niệm,
Vị đang đến các con,
Như vị bắn chẻ tóc.
(XLIII) Sumangala (Thera. 7)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày. Một hôm vua Pasenadi cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến. đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này. Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình. Khi về, ngài thấy các dân quê

cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập thiền định, sống cô độc, phát triển thiền quán. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán. Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!
Thật sự ta khéo thoát,
Thoát ba sự cong queo,
Ta thoát cong với liềm,
Ta thoát cột với cày,
Ta thoát cực với cuốc,
Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,
Hỡi Sumangala!
Hỡi Sumangala!
Hãy thiền, hãy thiền định!
Hỡi Sumangala!
Hãy sống không phóng dật.
(XLIV) Sànu (Thera. 7)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên bảy tuổi, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc. Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, mẹ ngài là một nữ Dạ- xoa. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sầu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ- xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy.
Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

44. Thưa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thưa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thưa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?
Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: 'Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục', và nói bài kệ như sau:

Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,

Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết,
Này con, được kéo ra,
Khỏi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chăng?
Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sầu muộn, và tinh tấn phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

(XLV) Ramnìyavihàrim (Thera. 7)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống tuổi trẻ trác táng. Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dâm, ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia. Là Tỷ-kheo, ngài vẫn còn những ái dục về thân, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramanìyavihìrim (người sống trong lạc dục). Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy không xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành lang thang đó đây. Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một con bò vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: 'Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tinh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành'. Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán.Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.
(XLVI) Samiddhi (Thera. 7)

Ngài sanh ra trong đời đức Phật hiện tại, ở Rajagaha (Vương Xá) con một gia đình quí tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh và được đặt tên là Samiddhi (thịnh vượng), ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo Sư khi gặp vua Bình Sa (Bimbisàra), khởi lên lòng tin, xuất gia, tinh tấn tu thiền. Khi đức Phật sống ở vườn Tapoda, Samiddhi đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỷ-kheo, thời Ác-ma hiện ra quấy phá, phát ra tiếng động như quả đất nổ tung. Ngài

thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, vẫn kiên trì tu tập và đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ác-ma không biết sự kiện ấy, Ác-ma lại tạo nên một tiếng động kinh khủng, nhưng ngài không có sợ hãi, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

46. Ta với lòng tín ngưỡng,
Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiền định,
Dầu ngươi tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.
(XLVII) Ujiaya (Thera. 8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống. Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy, với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, thiền tư về giới hạnh trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài đi đến Thế Tôn đảnh lễ ngài, ngồi xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

47. Đảnh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.
(XLVIII) Sanjaya (Thera. 8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasàti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả. Về sau, ngài xuất gia và chứng được sáu thắng trí. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,

Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi thành,
Liên hệ đến sân hận.
(XLIX) Ràmaneyyaka (Thera. 8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia. Sống trong rừng, ngài thiền quán về giới hạnh, vì quả chứng và hạnh dễ thương của ngài, ngài được gọi là Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, Ác-ma muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 32 of 353

49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.
Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(L) Vimala (Thera. 8)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen, bởi vậy, được tên là Vimala. Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được dức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể định tâm, chứng được quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.
Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 33 of 353

PHẨM SÁU

(LI-LIV) Ghodhika, Subàhu, Valliya, Uttiya (Thera. 8)

Trong thời đức Phật tại thế, bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu. Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đấy, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và

không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dầu là mùa mưa, trời lại không mưa. Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và triển khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống. Rồi Godhika do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.
Subàhu nói lên bài kệ:

52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.
Vàlliya nói lên bài kệ:

53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.
Uttiya nói lên bài kệ:

54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.

(LV) Anjana -Vaniya (Thera. 9)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua trị vì nước Vajja. Khi ngài lớn lên, ba tai họa lớn đe dọa dân chúng Vajja: nạn hạn hán, nạn bệnh tật, và nạn phi nhân. Sự kiện này được ghi chép trong tập sớ kinh Ratanasutta. Khi Thế Tôn làm cho dân chúng Vesali bớt sợ hãi, một số đông đến nghe ngài giảng. Con của vua cũng được nghe, khởi tín tâm và xuất gia.

Khi làm xong các học tập sơ khởi, ngài sống trong rừng Anjana, ở Saketa. Khi trời mưa sắp đến, ngài tìm được một giường nằm người ta quăng bỏ, đặt nó trên bốn tảng đá, phía trên và phía chung quanh lợp cỏ. Ngài làm một cái cửa và như vậy làm được một chỗ ở cho mùa mưa. Sau một tháng tu tập, ngài chứng quả A-la-hán. Sung sướng với niềm giải thoát của mình, ngài phấn khởi nói lên bài kệ:

55. Làm am thất giường nằm,
Sâu trong rừng An-ja,
Ba minh được chứng đạt,
Làm xong lời Phật dạy.
(LVI) Kutivihàrim (Thera. 9)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi phát triển thiền quán, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đấy, ngài chứng quả A-la-hán. Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: 'Ai ở trong chòi lá này?' Ngài trả lời: 'Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá' và nói lên bài kệ:

56. Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiền giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.
Rồi người giữ ruộng nói: 'Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đấy'.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,

Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiếp phục,
Ông sẽ thành Độc giác.
Bắt đầu từ đấy, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 35 of 353

(LVII) Kutivihàrim (Thera. 9)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: 'Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác'. Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới. Một thiên nhân tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ giản dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!
Khi nghe vậy, vị Trưởng lão cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (vị ở chòi lá).

(LVIII) Ramaniyakutika (Thera. 9)

Câu chuyện của ngài giống như câu chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Ngài ở trong một chòi lá, gần một ngôi làng nhỏ, trong xứ Vajji. Thật sự là một am thất nhỏ, xinh đẹp với sàn nhà và vách tường khéo làm xung quanh có vườn, ao hồ và có rải cát đẹp, mịn. Với giới hạnh của vị trưởng lão làm tăng thêm sự hấp dẫn của ngôi nhà.

Ngài chứng quả A-la-hán và tiếp tục sống tại đấy. Khi nào có người đến viếng tinh xá, họ có thấy ngôi chòi xinh xắn. Một ngày kia, một vài người đàn bà béo mập đi ngang qua, thấy ngôi chòi xinh đẹp, liền nghĩ người ở chòi lá này có thể là một thanh niên mà họ có thể cám dỗ. Họ đến gần ngài và nói: 'Cái chòi của ngài thật là xinh đẹp, chúng tôi cũng thật xinh đẹp trong tuổi trẻ của chúng tôi'. Và họ bắt đầu khoe khoang áo xiêm đẹp của mình. Nhưng vị Trưởng lão nói lên bài kệ, diễn tả tâm trạng thoát tục của ngài:

58. Ngôi chòi ta xinh đẹp,
Do đàn tín cúng dường,
Với tâm ý hoan hỷ,
Với lòng tin dâng cúng.
Ta không cần thiếu nữ,

Này các nữ nhân kia,
Hãy đi đến những ai,
Có cần đến các cô.
Với chữ: 'Không cần', ngài tuyên bố chánh trí của ngài, khi chứng quả A-la-hán.

(LIX) Kosalavihàrim (Thera. 9)

Câu chuyện của ngài giống như chuyện của Trưởng lão ở trong rừng Anjana với sự sai khác này: Sau khi làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng, gần một làng trong nước Kosala, gần chỗ ở của một cư sĩ. Người này, thấy ngài ở dưới một gốc cây nên làm một cái chòi và cúng dường cho ngài. Ở đây vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán. Với tâm tư hoan hỷ sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 36 of 353

59. Do lòng tin, xuất gia,
Ta sống không gia đình,
Trong rừng, một chòi lá,
Được dựng lên cho ta,
Ta sống không phóng dật,
Nhiệt tâm, niệm tỉnh giác.
Đây là lời tuyên bố chánh trí của ngài và vì ngài ở lâu ngày ở Kosala, ngài được biết với tên là Kosalavihàrim (vị ở Kosala).

(LX) Sivàli (Thera. 9)

Ngài sanh ra là con của Suppavàsà, công chúa con vua, trong thời đức Phật hiện tại. Khi mẹ ngài không sinh đẻ được và nằm chịu đau khổ trong bảy ngày, bà nói với người chồng: 'Trước khi tôi chết tôi sẽ bố thí', và nàng bảo chồng đi mời Thế Tôn đến, nói đến hiện trạng của nàng và dặn chồng ghi nhớ những lời Thế Tôn nói. Người chồng làm theo lời vợ dặn và bậc Đạo Sư nói: 'Mong rằng Suppavàsa, con của dòng họ Koliya được hạnh phúc! Mong nàng được hạnh phúc, sức khỏe và sanh được đứa con trai khỏe mạnh'. Trước khi người chồng về, Suppavàsa đã sanh được đứa con trai và khi nghe chồng kể lại câu chuyện, nàng dặn chồng cúng dường đức Phật và chúng Tăng trong bảy ngày. Vì người con được sanh, đem lại hoan hỷ cho tất cả mọi người, nên được đặt tên là Sìvali.

Sau khi sanh bảy ngày, ngài có thể làm được bất cứ việc gì. Tôn giả Sàriputta đến và khuyên ngài xuất gia, lấy đề tài sự đau khổ khi được sanh làm đề tài tu hành. Khi nắm tóc thứ nhất được cắt đứt, ngài chứng Sơ quả. Khi nắm tóc thứ hai được cắt đứt, ngài chứng Nhị quả. Như vậy cho đến nắm tóc thứ tư và ngài chứng quả A-la-hán. Có chỗ nói cùng ngày ngài đi đến ở một chòi lá, và suy tư đến sự đau khổ phải nhẫn chịu khi thọ sanh. Ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi sung sướng được giải thoát, ngài nói lên bài kệ:

60. Nay những mục đích ấy,

Với ta, đã thành tựu,
Vì những mục đích ấy,
Ta bước vào ngôi chòi,
Minh, giải thoát, ta đạt.
Mạn tùy miên từ bỏ.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 37 of 353

PHẨM BẢY

(LXI) Vappa (Thera. 9)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavàthu, con Bà-la-môn Vàsetha. Khi nghe Tu sĩ Asìta đoán tướng Thái tử Siddhatta sẽ thành đạo, Vappa cùng bốn người con Bà-la-môn với Kondannà (Kiều Trần Như) là người dẫn đầu, trở thành những người Tu sĩ. Khi Thái tử tu khổ hạnh trong sáu năm, Vappa với bốn người bạn cùng đồng tu khổ hạn. Về sau khi Thái tử thôi tu khổ hạnh, năm vị này chán nản đi về Isipatana. Sau khi đức Phật thành đạo và Chuyển pháp luân ở Isapatana, Vappa với bốn người bạn được cảm hóa và đến ngày thứ năm cả năm vị đều chứng quả A-la-hán. Suy tư trên sự hùng lực của bậc Đạo Sư, sự mù quáng của thế giới, và như thế nào thánh quả đem lại chánh trí, ngài nói lên bài kệ:

61. Vị đã thấy, thấy được,
Người thấy, người không thấy,
Vị không thấy, không thấy,
Người không thấy, người thấy.
(LXII) Vajji-Putta (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là con của Vajji. Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli. Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yểm ly của mình trong câu kệ:

Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hơn bất hạnh chúng tôi.
Một Thiên nhân trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: 'Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng'.

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi

ngài nghĩ: 'Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta'. Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

(LXIII) Pakkha (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda. Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là Pakkha (vị què quặt) và giữ lại tên ấy. Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng. Một hôm vào làng khất thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con diều hâu ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con diều hâu khác bay theo dành cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: 'Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ'. Ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bổn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.

(LXIV) Vimala- Kondanna (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapàli và thân phụ ngài là vua Bimbisàra. Ambapàli đặt tên con là Vimala và sau ngài được biết với tên là Vimala-Kondanna. Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

64. Dưới cờ trắng ta sanh,
Từ nàng tên một cây,

Với cờ đánh đổ cờ,
Lá cờ lớn hủy diệt.
(LXV) Ukkhepakàta vaccha (Thera. 10)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một Bà-la-môn thuộc dòng họ Vaccha. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp phát tâm xuất gia, sống tại một làng Kosala. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp, nhưng ngài không phân biệt được Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Tuy vậy ngài học hỏi được từ tôn giả Sàriputta, nên có các vị Tỷ-kheo giỏi về Luật tạng hay một bộ phận của ba Tạng, ngài học thuộc lòng cả ba Tạng, trước khi ba Tạng được kiết tập. Sau khi thuộc lòng cả ba Tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý. Một hôm, ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây:

65. Tài sản được chất chứa,
Trải nhiều tháng nhiều năm,
Do Vaccha tác thành,
Nay Vaccha quăng bỏ,
Ngài thuyết giảng như vậy,
Cho các hàng cư sĩ,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 39 of 353

Khéo ngồi chỗ trịnh trọng, Tâm hân hoan rộng lớn.

(LXVI) Meghiya (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình một hoàng tộc Thích-ca, được đặt tên là Meghiya (như mây). Lớn lên, ngài xuất gia hầu hạ Thế Tôn, khi Thế Tôn ở Càlikà, trên bờ sông Kimikàlà. Khi thấy một rừng xoài xinh đẹp, ngài muốn sống tại đấy, nhưng hai lần Thế Tôn không chấp nhận, cuối cùng trước lời yêu cầu khẩn khoản, Thế Tôn cho phép. Nhưng ở đấy vì tâm tư bất thiện không chế ngự được, vì bị ruồi muỗi cắn, nên tâm ngài không được định tĩnh và ngài lại về hầu hạ Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

Này Meghiya, khi tâm chưa chín muồi để giải thoát, năm pháp đưa đến tâm trạng ấy và bậc Đạo Sư giáo giới cho ngài. Nhờ đấy Meghiya chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình trong bài kệ này:

66. Bậc Đại hùng giảng dạy,
Vượt qua tất cả pháp,
Ta nghe pháp Ngài dạy,
Sống hoan hỷ cạnh Ngài,
Ba minh đã chứng đạt,
Lời Phật dạy làm xong.
(LXVII) Ekadhamma Savannìya (Thera. 10)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đảnh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ:

'Các hành là vô thường'.

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ đau khổ, nghĩa chữ vô ngã, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Vì ngài chỉ nghe một pháp và chỉ nghe một mình mà chứng được thánh quả, nên ngài được tên Ekadhamma Savanìya (vị được nghe một pháp), ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhổ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
(LXVIII) Ekudàniya (Thera. 10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bổn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi. Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này:

'Tâm tăng thượng ẩn sĩ'.

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là Ekuddàniyo (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với thiền quán triển khai, ngài chứng quả A-la-hán sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.
Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(LXIX) Channa (Thera. 10)

Khi Thế Tôn còn sống trong gia đình vua Suddhodana (Tịnh Phạn), ngài xuất thân từ con một người nô lệ và được đặt tên là Channa. Sống đồng thời với đức Phật, ngài khởi lòng tin đức Thế Tôn, khi bậc Đạo Sư về thăm lại gia đình, rồi ngài xuất gia. Vì lòng thương mến Thế Tôn, vì tự phụ tự đắc đối với 'đức Phật của chúng ta, giáo pháp của

chúng ta' ngài không thể chinh phục khuyết điểm này và không làm tròn bổn phận của một người Sa-di, khi Thế Tôn mệnh chung, theo lời dặn của Thế Tôn cần phải phạt nặng Channa, ngài xấu hổ, chế ngự được khuyết điểm này, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài nói lên sự sung sướng của mình trong bài kệ như sau:

69. Sau khi nghe Chánh pháp,
Vị ngọt lớn pháp lớn,
Do nhất thiết thắng trí,
Thuyết giảng và trình bày,
Ta dấn thân trên đường,
Đường đưa đến bất tử,
Ngài thật bậc thiện xảo,
Con đường diệt khổ ách.
(LXX) Punna (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Sunàparanta, tại hải cảng Suppàraka, trong nhà một thị dân tên Punna (Phú-lâu-na). Đến tuổi trưởng thành, ngài đi với một đoàn thương gia đến Sàvatthi, khi bậc Đạo Sư cũng ở đấy. Ngài đi nghe Thế Tôn thuyết pháp tại ngôi tinh xá cùng với các cư sĩ địa phương, ngài khởi lòng tin rồi xuất gia. Và trong một thời gian, ngài rất được quý mến giữa các vị giáo thọ sư, bởi ngài tài giỏi về biện luận. Một ngày kia, ngài đến bậc Đạo Sư, nhờ bậc Đạo Sư giảng dạy để có thể đi Sunàparanta giảng dạy và an trú tại đấy. Đức Phật rống tiếng rống con sư tử bảo ngài: 'Này Punna, có những pháp do con mắt nhận thức....' Rồi Punna ra đi, tu tập thiền định trí tuệ, chứng được Ba minh. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài giáo hóa được nhiều người theo đạo, hơn năm trăm nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

Khi ngài sắp mệnh chung. Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

70. Ở đây chỉ có giới,

Là pháp thật tối thượng,
Nhưng vị nào có tuệ,
Vị ấy là vô thượng,
Vị đủ giới và tuệ,
Chiến thắng giới Nhân, Thiên.

PHẨM TÁM

(LXXI) Vacchapàla (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và Vacchapàla, ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của Uruvela Kassapa trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin

xuất gia, chỉ trong một tuần, ngài triển khai thiền quán và chứng sáu thắng trí.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

71. Nếu thấy được sự thật,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,
Chứng được không khó khăn.
Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(LXXII) Atuma (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là Atuma. Khi ngài lớn lên, mẹ ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình. Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, mẹ ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.
Khi ngài đang đứng nói chuyện với mẹ ngài, ngài triển khai thiền quán, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A- la-hán.

(LXXIII) Mànava (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng. Trong bảy năm, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường; khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người già, một người bệnh, một người chết. Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

73. Ta thấy một người già,

Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chết,
Với tuổi thọ kiệt quệ,
Do vậy ta thoát ra,
Sống đời sống xuất gia,
Từ bỏ mọi dục vọng,
Hấp dẫn và thích ý.
(LXXIV) Suyàman (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàli, con của một Bà-la-môn. Ngài lớn lên, thiện xảo ba tập Vệ-đà, không ưa thích đời sống gia đình, vui thích thiền định. Ngài gặp Thế Tôn ở Sàli, khởi lòng tin xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi đầu được cạo tóc.

Rồi ngài nói lên sự từ bỏ các triền cái và chánh trí của mình, với bài kệ như sau:

74. Với dục tham, sân hận,
Với thụy miên hôn trầm,
Với trạo hối, nghi ngờ,
Vị Tỷ-kheo hoàn toàn,
Không còn năm triền cái,
Năm triền cái đoạn tận.
(LXXV) Susàrada (Thera. 11)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả Sàriputta và được gọi là Susàrada (vì ngài lớn lên chậm chạp). Ngài được Tôn giả Sàriputta giáo hóa và không bao lâu, trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

75. Lành thay là tri kiến,
Của bậc có luyện tập,
Nghi hoặc được cắt đứt,
Trí giác được tăng trưởng.
Cho đến kẻ ngu si,
Được đổi thành người trí,
Do vậy thật tốt đẹp,
Sống giao thiệp người lành.
(LXXVI) Piyanjaha (Thera. 11)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavì. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái). Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, phát triển thiền quán, chứng quả A-la- hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công

bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

76. Khi loài Người kiêu hãnh, Hãy hạ thấp ông xuống,

Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.
(LXXVII) Hatthàroha- Putta (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi. Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: 'Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta'. Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật. Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.
Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

(LXXVIII) Mendasira (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là Mendasìra (đầu dê). Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasìra khởi lên lòng tin, xuất gia tu chỉ và quán, chứng được sáu thắng trí, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.
Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.
(LXXIX) Rakkhita (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là Rakkhita, ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya. Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với câu chuyện tiền thân Kunàla, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi tham ta đã đoạn, Mọi sân được nhổ lên,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 45 of 353

Mọi si được từ bỏ, Ta mát lạnh tịch tịnh.

(LXXX) Ugga (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, tại thành phố Ugga, con một gia đình nghị sĩ, được đặt tên là Ugga. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài đến nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, khi đức Thế Tôn đến thành này, khởi lòng tin xuất gia, cuối cùng chứng quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chặt đứt sợi dây chuyền tái sanh và nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

80. Mọi nghiệp ta đã làm,
Dầu ít hay là nhiều,
Tất cả được đoạn trừ,
Nay không còn tái sanh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 46 of 353

PHẨM CHÍN

(LXXXI) Samitigutta (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí). Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được giới thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị bệnh hủi, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: 'Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ'. Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, triển khai thiền quán và chứng được sáu thắng trí. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi. Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,

Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.
(LXXXII) Kassapa (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca- hahmanacsa) và được đặt tên là Kassapa. Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuần thục, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tự tứ xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:

82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khất thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.
Ngài suy nghĩ 'Mẹ ta muốn ta đến đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền'.

Rồi ngài cố gắng triển khai thiền quán, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

(LXXXIII) Sìha (Thera. 12)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 47 of 353

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đảnh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán. Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,

Gấp bỏ thân tích tụ.
Nhờ vậy ngài có thể triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

(LXXXIV) Nita (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là Nita. Khi lớn lên, ngài nghĩ: 'Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ'. Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài. Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?
Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

(LXXXV) Sunàga (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

85. Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thế tục.
(LXXXVI) Nàgita (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ỏ Kapilavatthu, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là Nàgita. Khi bậc Đạo Sư đến tại chỗ của ngài, Thế Tôn thuyết kinh Mật Hoàn, ngài khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi hân hoan với sự thật trong lời dạy của đức Phật, và sự chỉ đạo có hiệu quả của Chánh pháp, ngài nói lên bài kệ này:

86. Ngoài đây có ngoại đạo,
Họ dạy những con đường,
Không như con đường này,
Đưa đến quả Niết-bàn,
Thật khác, đức Thế Tôn,
Giáo giới hàng Tăng chúng,

Đạo Sư chỉ Niết-bàn,
Như thấy trên bàn tay.
(LXXXVII) Pavittha (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ. Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.
(LXXXVIII) Ajjuna (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một nghị sĩ, được đặt tên là Ajjuna. Khi lớn lên, ngài liên hệ với phái Ni-kiền-tử, xuất gia trong tôn phái này khi còn trẻ, nghĩ rằng sẽ tìm được đạo giải thoát. Nhưng ngài không tìm được gì trong giáo hội ấy, ngài gặp bậc Đạo Sư, khởi lòng tin, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Hân hoan trong quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ này:

88. Ta có thể tự mình,
Kéo nước từ đất liền,
Như nước lớn cuốn trôi,
Ta thể nhập sự thật.
(LXXXIX) Devasabha (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài là con của một hoàng tộc, lên ngôi vua khi còn trẻ. Nhưng khi tỉnh ngộ, ngài đi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, từ bỏ ngôi vua, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la- hán. Ngài hân hoan khi nghĩ đến những uế nhiễm ngài đã từ bỏ, và nói lên bài kệ này:

89. Vượt khỏi các bùn nhơ,
Từ vực thẳm trở về,
Thoát bọc lưu trói buộc,
Mọi kiêu mạn tiêu trừ.
(XC) Sàmidatta (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ

để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Nhưng vì thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?' Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 50 of 353

PHẨM MƯỜI

(XCI) Paripunnaka (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn. Ngài được biết với tên là Paripumaka (viên mãn), ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khất thực, ngài nghĩ: 'Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?'. Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy đề tài tu tập về thân từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay;
Đây là Pháp vi diệu,
Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.
(XCII) Vijaya (Thera. 13)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vijaya. Khi được học giáo lý Bà-la-môn, ngài xuất gia, đời sống một vị ẩn sĩ, sống trong rừng, thực hành thiền định, ngài nghe đến sứ mệnh của đức Phật, hoan hỷ đến kính chào Thế Tôn và nghe pháp. Rồi ngài xuất gia trong giới luật của đức Phật, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của ngài trong bài kệ sau đây:

92. Với ai, lậu hoặc đoạn,
Không y tựa đồ ăn,

Hành xứ, không, vô tướng,
Giải thoát cũng như vậy,
Như chim trên hư không,
Dấu chân thật khó tìm.
(XCIII) Eraka (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka. Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu.

Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là đời sống cuối cùng nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư. Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh, đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài rất hối hận sở hành của mình khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. Hỡi này Ê-ra-ka, Khổ thay là các dục!

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 51 of 353

Hỡi này Ê-ra-ka,
Không lạc là các dục!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này Ê-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.
(XCIV) Mettajì (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị Bà-la-môn và được đặt tên là Mettajì. Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của dục và sống ở trong rừng làm một vị ẩn sĩ. Khi nghe sứ mệnh đức Phật và do thiện duyên thúc đẩy, ngài đến gặp đức Phật và hỏi về sự tu hành tấn thối của Ngài, câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin xuất gia, và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo Sư:

94. Đảnh lễ đức Thế Tôn,
Thích tử bậc điềm lành,
Quả chứng này đạt được,
Là quả vị thượng thủ,
Pháp Ngài khéo thuyết giảng,
Là Chánh pháp tối thượng.
(XCV) Cakkupàla (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahàsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là Pàla anh, vì em ngài được gọi là Pàla em, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình. Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, Pàla anh giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: 'Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt'. Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo phát triển thiền quán, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: 'Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đảnh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ". Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi. Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tự với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 52 of 353

95. Dầu ta có bị mù,
Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.
(XCVI) Khandasumana (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Màlla, ngài được đặt tên là Khandasumana (Bông lài), vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa, ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvà, xuất gia và chứng được sáu thắng trí. Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại

tháp của đức Phật Kassapa, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.
(XCVII) Tissa (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của vua cha. Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài đời sống của đức Phật vẽ trên tấm tranh và lý duyên khởi được khắc trên một đĩa bằng vàng. Khi ngài thấy vật này, vì lời phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên đời sống cuối cùng, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: 'Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các dục đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?' Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đấy, ngài ở tại hang Sabhasondika và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán. Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.
(XCVIII) Abhaya (2) (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Abhaya. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khất thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: 'Thấy một sắc

pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm'. Từ bỏ tâm tư ấy, ngài phát triển thiền quán và chứng A-la- hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,

Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.
(XCIX) Uttiya (Thera. 14)

Ngài tái sanh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khất thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiền định của ngài bị thối thất và lòng dục khởi lên. Chế ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các dục trong bài kệ sau đây:

99. Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.
(C) Devasabha (II) (Thera. 14)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là Devasabha. Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliya, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán , trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phấn khởi của ngài với bài kệ như sau:

100. Thành tựu chánh tính tấn,
Sở hành trên niệm xứ,
Tràn đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 54 of 353

PHẨM MƯỜI MỘT

(CI) Belatthakàni (Thera. 15)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Belatthakàni. Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập chỉ quán trong một khu rừng ở Kosala. Nhưng ngài rất biếng nhác và hay nói lời thô ngữ, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán

chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.

Như thấy đức Bổn Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

(CII) Setuccha (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị Của địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi vua. Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Cân nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiền định.

(CIII) Bandhura (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silàvatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là Bandhara. Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Sìlavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về Bốn sự thật. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khất thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: 'Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!'. Ngài trả lời: 'Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với vị của Chánh pháp'. Và ngài nói lên bài kệ:

103. Ta không có cần thiết,
Việc này hay vật này,
Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,

Tối thượng và đệ nhất, Ta sẽ không thân thiết, Với thuốc độc nọc độc.

(CIV) Khitaka (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài Mahà Moggallàna (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: 'Ta rồi cũng sẽ như vậy'. Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập chỉ và quán, không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?', ngài trả lời với bài kệ:

104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.
(CV) Malytavambha (Thera. 15)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha. Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khất thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khất thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi. Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, phát triển thiền quán và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.
(CVI) Suhemanta (Thera. 15)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nơi biên địa, con một Bà-la-môn giàu có, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, tại vườn Lộc Uyển ở thành phố Sankassa, Ngài xuất gia và trở thành người tụng đọc ba Tạng, cuối cùng chứng được sáu thắng trí. Ngài suy nghĩ: 'Ta đã được những gì một người đệ tử có thể chứng. Vậy ta hãy phục vụ cho giáo hội'. Rồi ngài thuyết giảng cho các Tỷ-kheo và giải quyết các vấn đề khó khăn của các vị ấy. Một hôm, ngài nói với đại chúng và các người có trí như sau:

106. Tại chỗ nào mục đích,
Trăm tánh, tướng ẩn chứa,
Kẻ ngu thấy một phần,

Kẻ trí thấy trăm phần.
Như vậy, vị Trưởng lão nói lên trước các Tỷ-kheo về trí tuệ, phân tích biệt tài của ngài.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 56 of 353

(CVII) Dhammasava (Thera. 15)

Sanh tại xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình Bà-la-môn, bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi, ngài chọn đời sống xuất gia, bỏ đời sống thế tục. Tìm gặp bậc Đạo Sư ở núi Nam Sơn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xin xuất gia, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Hoan hỷ với quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

107. Cân nhắc, suy tư xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.
(CVIII) Phụ Thân Của Dhammasava (Thera. 15)

Ngài theo gương người con, nói rằng: 'Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?' Rồi ngài tìm gặp Thế Tôn xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ:

108. Với tuổi trăm hai mươi,
Ta xuất gia không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.
(CIX) Langha Rakkhita (Thera. 16)

Trong thời đức Phật tại thế , sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng. Không xa chỗ ngài ở, có con nai mẹ nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: 'Thật vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!'. Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bổn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,

Non yếu trong khu rừng.
Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

(CX) Usabha (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên). Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 57 of 353

dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên nghĩ rằng: 'Các cây và các cây lau này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?' Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với tinh tấn nghị lực, ngài chứng quả A-la-hán.

110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,
Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 58 of 353

PHẨM MƯỜI HAI

(CXI) Jenta (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), tại làng Jenta, con một vua địa phương. Khi đang còn trẻ, vì nghiệp duyên thúc đẩy, ngài muốn xuất gia, suy tư đến đời sống thoát tục. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, rồi xuất gia. Tinh cần tu tập, hân hoan trong thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Suy tư đến quả chứng của mình, nhớ đến những phân vân phải gặp lúc trước, ngài phấn khởi nói lên bài kệ:

111. Khó thay, đời xuất gia,
Khó thay, đời cư sĩ,
Sâu kín thay, Chánh pháp,
Khó kiếm thay, tài sản,
Lựa chọn thật khó khăn,

Nếp sống này, sống khác,
Khi tâm trí, luôn luôn,
Nghĩ đến lẽ vô thường.
(CXII) Vacchagotta (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có. Vì có đến bốn vị Trưởng lão tên Vaccha, ngài được gọi là Vacchagotta. Khi đến tuổi trưởng thành, giỏi về Bà-la- môn giáo điển, ngài cảm thấy không thỏa mãn, vì không tìm thấy lõi cây trong sự học hỏi ấy, sau ngài trở thành một du sĩ. Nhờ vậy, ngài gặp bậc Đạo Sĩ, bằng lòng với những câu trả lời, ngài xuất gia, và sau một thời gian, chứng được sáu thắng trí, hân hoan với quả chứng và nếp sống của mình, ngài nói lên bài kệ:

112. Ta chứng được Ba minh,
Đạt được đại thiền định,
Tâm chỉ được thiện xảo,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.
(CXIII) Vanavaccha (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên là Vanavaccha. Ngài khởi lòng tin khi bậc Đạo Sư hội kiến với vua Bimbisàra (Bình-sa). Sau ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài sống trong rừng, thiên tu hạnh viễn ly, do vậy được gọi là Vanavaccha. Một hôm, ngài muốn giúp ích cho bà con đi đến Ràjagaha, sống trong một chỗ ở nhỏ, và nói với họ nếp sống của mình. Các bà con yêu cầu ngài dùng bài kệ này nói lên ngài ưa thích sống ở rừng núi và hành trì hạnh viễn ly:

113. Dưới tảng đá, băng đá
Có nước suối, trong chảy,
Có khỉ và có nai,
Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Núi rừng ấy, ta ưa.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 59 of 353

Bài kệ này trở thành lời nói chánh trí của ngài.

(XIV) Adhimutta (Thera. 16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản. Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A- la-hán, ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

114. Trong nếp sống tâm tư,

Hướng về hạnh từ bỏ,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?
(CXV) Mahànàma (Thera. 16)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài làm thiền quán, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên, ngài tuyên bố: 'Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy'. Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: 'Ta sẽ giết nó!' với bài kệ như sau:

115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rập rạp với cỏ cây,
Che kín trùm tất cả.
Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVI) Pàràpariya (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pàràpara, ngài được gọi là Pàràpariya và dạy các bùa chú. Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bổn Sư ở Pàràjagaha, xin xuất gia và chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phấn khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

116. Từ bỏ sáu xúc xứ, Căn môn khéo chế ngự, Gốc tà ác, nhổ sạch,

Ta đạt lậu hoặc tận.

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVII) Yasa (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có ở Benares (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế, và có ba lâu đài hợp với ba mùa. Một đêm, do nhân duyên quá khứ thúc đẩy ngài thấy cảnh bất tịnh của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng, từ bỏ thành, nhà và được chư Thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến Isipatana (Chư Thiên đọa xứ), vừa đi vừa than 'Ôi sầu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!'. Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở Isipatana, thấy Yasa như vậy liền gọi: 'Hãy đến đây, này Yasa! Ở đây, không có sâu khổ, không có nguy hiểm!'. Nghe vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên, ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. Bậc Đạo Sư thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về Bốn sự thật, khi giảng xong. Ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa đến kiếm ngài, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo', khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngắn lại bằng hai ngón tay và có được đầy đủ tám vật cần dùng. Suy tư đến quả chứng và nếp sống của mình, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: 'Hãy đến đây, Tỷ-kheo' và nói lên bài kệ:

117. Khéo thoa xức, khéo mặc,
Dùng mọi loại thời trang,
Ta chứng được Ba minh
Lời Phật dạy làm xong.
(CXVIII) Kimliba (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong một gia đình một vị vua dòng họ Thích-ca, tên là Kimbila, ngài hưởng được tài sản rất nhiều. Bậc Đạo Sư thấy được thiền quán của ngài chín muồi khi ngài ở Anupiya, để khích lệ ngài, Thế Tôn cho hiện lên một nữ nhân rất đẹp trong tuổi trẻ và làm cho ngài thấy nữ nhân ấy từ tuổi trẻ bước qua tuổi già. Kimbila thấy vậy rất xúc động và nói lên bài kệ:

118. Như bị lời trù yếm,
Tuổi già đến áp đảo,
Dung sắc bị đổi khác,
Nhưng cũng dung sắc trước;
Vị ấy như thế nào,
Không có gì thay đổi,
Nhưng ta chớ tự ngã,
Có gì đã đổi khác.
Nghĩ đến lẽ vô thường, ngài cảm thấy dao động mạnh, và đi đến bậc Đạo Sư, nghe pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Ngài nhấn mạnh cái nhìn thường hằng trước của ngài đối với sự vật, và nói lại bài kệ, này như nói lên chánh trí của ngài.

(CXIX) Vajji-Putta (Thera. 17)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này. Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 61 of 353

chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng sáu thắng trí.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia. Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn, ngài nói lên bài kệ này:

119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,
Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lăng xăng này,
Có nghĩa gì cho ông.
(CXX) Isidatta (Thera. 17)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong xứ Avanti, tại vườn Velugàma, làm con một người lữ hành trưởng, ngài trở thành bạn của Citta, một gia chủ ở Macchikasanda, bằng cách giao thiệp thư từ đầu cho hai người chưa gặp nhau. Citta viết cho ngài về sự tuyệt diệu của đức Phật, gửi cho ngài tư liệu về tổ chức giáo hội, ngài cảm thấy xúc động mạnh và xin xuất gia, với sự chỉ đạo của Mahà Kaccàna (Đại Ca-chiên-diên). Cuối cùng ngài chứng được sáu thắng trí, ngài quyết định đi đến yết kiến đức Phật, từ biệt Trưởng lão, và đi đến xứ Trung biên (thung lũng sông Hằng) yết kiến đức Bổn sư. Bậc Đạo Sư hỏi ngài về sự tiến bộ trên đường tu hành, ngài trả lời: 'Từ khi con tu tập trong Pháp và Luật của Ngài, mọi sầu khổ đều chấm dứt, và con sống không có sợ hãi'. Rồi ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

120. Năm uẩn được rõ biết,
Đứng với rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Lậu hoặc diệt, ta chứng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 62 of 353

CHƯƠNG II - HAI KỆ PHẨM MỘT

(CXXI) Utara (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh. Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bổn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền bắt ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trừng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy thiền quán của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: 'Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư'. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, nhờ thiền quán chín muồi, nhờ uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng sáu thắng trí. Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: 'Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?'. Ngài trả lời 'Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả.

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,
Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.
122. Biết được nguy hiểm này,
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.
(CXXII) Pindola-Bhàradvàja (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua Udena xứ Kosambi, được đặt tên là Bhàradvàja. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các bài chú, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm. Từ giã họ, ngài đi đến Ràjagaha (Vương Xá), thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và

chứng được sáu thắng trí.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bổn Sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 63 of 353

nghi ngờ đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rống tiếng rống con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: 'Trong các đệ tử của Ta rống tiếng rống con sư tử, Pindola Bhàradvàja là đệ nhất'.

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiết. Vị Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm
Do có các món ăn,,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bộ hành,
Tìm kiếm các món ăn.
124. Bậc trí kinh nghiệm rằng:
Thật sự là đám bùn,
Đảnh lễ và cúng dường,
Xuất phát tự gia đình,
Như mũi tên tế nhị,
Rất khó nhổ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.
(CXXIII) Valliya (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya. Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ Thánh đạo, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!
126. Này khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,

Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,
Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.
(CXXIV) Gangàtiriya (Thera. 18)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi làm con một thị dân, được đặt tên là Datta. Trong đời sống thế tục, vì ngu si ngài phạm lỗi lầm, biết được lỗi lầm của mình, ngài sanh sầu khổ và xuất gia. Hối hận vì hành vi của mình, ngài chọn đời sống khổ hạnh, ở trên bờ sông Hằng, làm một chòi lá để ở; do

vậy, ngài được gọi là Gangàtiriya (người ở trên bờ sông Hằng). Ngài nguyện không nói với một ai, như vậy cả năm, ngài không thốt ra một lời nào. Trong năm thứ hai, một nữ nhân trong làng thường cúng dường ngài, muốn biết ngài có câm hay không khi dâng sữa cúng dường, làm đổ sữa ra ngoài. Ngài mới nói: 'Thôi vừa rồi, bà chị'. Nhưng đến năm thứ ba, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài ngang qua lời bài kệ, tán thán hạnh cũ của ngài:

127. Trên bờ sông Hằng Hà,
Dùng ba lá thốt nốt,
Ta dựng lên cho ta
Một chòi lá nho nhỏ,
Bát ta là cái ghè,
Dùng cúng sữa người chết,
Còn y áo của ta
Lượm chắp từ đống rác.
128. Suốt hai năm sống vậy.
Ta chỉ nói một chữ,
Trong khoảng năm thứ ba,
Khối si ám tan tành.
(CXXV) Ajina (Thera. 18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một Bà-la-môn nghèo, và khi sanh ngài được đặt trong một tấm da dê rừng, do vậy được đặt tên là Ajina. Sống trong sự bần cùng, ngài chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng. Khởi lòng tin, ngài xuất gia và không bao lâu, chứng được pháp Thượng nhân, khi chứng được quả A-la-hán, vì nghiệp duyên quá khứ, ngài không được cung kính và biết đến. Một số Sa-di không biết khinh thường ngài, ngài làm họ dao động với bài kệ:

129. Nếu chứng được Ba minh,
Đoạn tử, không lậu hoặc,

Vị ấy vẫn có thể,
Không được người biết đến,
Và kẻ ngu không biết,
Có thể sanh khinh thường.
130. Khi người ấy nhận được
Đồ ăn uống cúng dường,
Dẫu cho có ác pháp,
Vẫn được họ kính trọng.
(CXXVI) Melajina (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares (Ba-la-nại), trong gia đình một hoàng tộc, tên là Melajina, học giỏi và hạnh đức có tiếng khắp trong nước. Khi Thế Tôn ở Ba-la-nại, tại Isipatana (chư Tiên đọa xứ), Melajina đến nghe Ngài thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Khi các Tỷ-kheo hỏi làm sao ngài chứng được pháp Thượng nhân, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

131. Khi ta nghe Chánh pháp, Bậc Đạo Sư thuyết giảng,

Ta thắng tri nghi hoặc, Bậc toàn trí, toàn thắng.

132. Đối vị trưởng lữ đoàn,
Với vị đại anh hùng,
Trong các bậc đánh xe
Bậc tối thắng vô thượng,
Đối con đường, lộ trình
Ta không có nghi hoặc.
(CXXVII) Ràdha (Thera. 19)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), là người Bà-la-môn. Trong khi ngài lớn tuổi, ngài không làm được bổn phận của ngài. Không được chấp nhận, ngài đi đến Thế Tôn, nói lên những ước muốn của ngài. Bậc Đạo Sư thấy được những điều kiện căn bản được đầy đủ, nên bảo Sàriputta chấp nhận ngài xuất gia. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó, ngài sống gần bên bậc Đạo Sư, trở thành một vị thuyết giảng đột xuất nhờ những lời thuyết giảng của bậc Đạo Sư. Một hôm, thấy rõ vì sao không khéo tự huấn luyện chế ngự khiến các dục vọng có thể sanh khởi, ngài nói lên bài kệ để khích lệ giáo giới:

133. Như mái nhà vụng lợp,
Mưa dễ thấm ướt vào,
Cũng vậy, tâm vụng tu
Tham ái được xâm nhập.
134. Như mái nhà khéo lợp
Mưa không thể thấm vào,

Cũng vậy, tâm khéo tu
Tham ái không xâm nhập.
(CXXVIII) Suràdha (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm em trai của vị Ràdha, vâng theo gương của người anh, ngài xuất gia và chứng quả A-la-hán. Để nêu rõ sự hướng dẫn các giới luật, ngài nói lên chánh trí của mình như sau:

135. Sanh của ta đã tận,
Chiến thắng dạy, làm xong,
Lưới danh được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhổ lên.
136. Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử, diệt xong.
(CXXIX) Gotama (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Gotama. Khi còn trẻ, ngài giao du với kẻ không tốt, bao nhiêu tài sản ngài cho một kỹ nữ. Hối

hận nếp sống bất chính của mình, ngài mơ thấy hình ảnh bậc Đạo Sư đang ngồi, với tâm tư hiểu biết tâm trạng của ngài. Bậc Đạo Sư biết được tiến bộ của ngài, sự thành tựu các nhân duyên thiết yếu, nên thuyết pháp cho ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia, chứng quả A-la-hán, khi con dao đụng đến tóc ngài, khi ngài đang thọ hưởng lạc thiền định và quả giải thoát. Một cư sĩ hỏi ngài về tài sản của ngài, ngài thú nhận ngài sống không được nghiêm túc, sống phi Phạm hạnh, và với sự trong sạch hiện tại không có dục vọng, ngài nói lên chánh trí của ngài:

137. Bậc ẩn sĩ nằm ngủ,
Sống an lạc hạnh phúc,
Họ không bị nữ nhân,
Trói buộc và chi phối.
Nữ nhân, phải luôn luôn
Phòng hộ và chế ngự.
Sự thật về nữ nhân,
Thật khó được chấp nhận.
138. Hỡi này các dục vọng,
Ta quyết giết các ngươi,
Nay chúng ta đối ngươi,
Không còn gì nợ nần,

Chúng ta nay đi đến
Cảnh giới gọi Niết bàn,
Đi đến tại chỗ ấy
Không còn có sầu muộn.
(CXXX) Vasabha (Thera. 19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì. Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dâng cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiểu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ Sakka (Đế thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: 'Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?'. Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,
Họ khéo giết tự ngã,
Như chim mồi, mồi chim.
140. Không phải Bà-la-môn,
Với dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Với ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 67 of 353

PHẨM HAI

(CXXXI) Mahàcunsa (Thera. 20)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), làng Nàlaka, con của nữ Bà-la- môn Rùpusàri và em trai của Sàriputta. Ngài theo gương anh, xuất gia, và sau một thời gian tinh cần tu hành, chứng được quả A-la-hán. Phấn khởi với quả chứng của mình và đời sống viễn ly, ngài nói lên bài kệ:

141. Khéo nghe, nghe tăng trưởng,
Nghe tăng trưởng, phát tuệ,
Nhờ tuệ biết ý nghĩa,
Nghĩa được biết, lạc đến.
142. Hãy trú chỗ xa vắng,
Hãy sống, thoát kiết sử,

Tại đấy, hỷ chưa đạt,
Hãy sống giữa chúng Tăng,
Tự ngã được chế ngự,
An trú trong chánh niệm.
(CXXXII) Jotidàra (Thera. 20)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh làm con một Bà-la-môn giàu có, ở xứ Pàdiyattha, được đặt tên là Jotidàsa. Khi đến tuổi trưởng thành, một hôm, ngài thấy Tôn giả Đại Ca-diếp (Mahà Kassapa) đi khất thực, ngài đón Tôn giả tại nhà và nghe Tôn giả thuyết pháp. Trên một ngọn đồi gần làng, ngài dựng lên một tinh xá lớn cho Tôn giả, cúng dường Tôn giả bốn vật dụng cần thiết. Bị xúc động với lời dạy của Tôn giả, ngài xuất gia và không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Sau mười năm, ngài học ba Tạng, đặc biệt là Luật tạng, hầu hạ Tăng chúng và đi Sàvatthi cùng với một số đông Tỷ-kheo để yết kiến đức Phật. Trên đường đi, ngài đi đến vườn của một ẩn sĩ, thấy một Bà-la-môn hành trì khổ hạnh năm pháp ngài hỏi: 'Này Bà-la-môn, sao Ông không đốt với một thứ lửa khác?'. Vị Bà-la-môn tức giận trả lời: 'Này kẻ trọc đầu kia, ngọn lửa khác là gì?'. Trưởng lão trả lời:

Sân, tật đố, ác hạnh
Mạn, kiêu và tranh chấp,
Tham ái và vô minh,
Lòng ưa muốn tái sanh,
Những pháp này đốt cháy,
Thiêu đốt cả thân ông.
Rồi ngài thuyết pháp cho người ấy, và tất cả những người tin vào Phạm thiên xin ngài được xuất gia. Khi từ giã Sàvatthi, ngài đến thăm gia đình cũ của ngài và giáo giới các bà con như sau:

143. Những ai dùng dây thừng,
Hành cướp giật nhiều cách,
Những dân họ hung bạo,
Làm não hại người khác,
Như vậy, họ gieo hại,
Vì nghiệp không tiêu mất.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 68 of 353

144. Người nào làm nghiệp gì,
Nghiệp thiện hay nghiệp ác,
Họ thừa tự nghiệp ấy,
Loại nghiệp họ đang làm.
(CXXXIII) Herannakàni (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một tay sai của vua Kosala và cầm đầu bọn cướp. Khi phụ thân ngài mất, ngài thừa tự chức vụ ấy. Được cảm hóa khi chứng

kiến lễ đức Phật tiếp nhận Jetavana (Kỳ Viên), ngài cho người em trai thế chức vụ. Ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la- hán. Rồi ngài tìm cách khuyên em ngài từ bỏ nghề cũ, và thấy em ngài thích thú nghề của mình, ngài khích lệ em với bài kệ như sau:

145. Đêm ngày chạy, trôi qua,
Mạng sống bị tổn giảm
Tuổi thọ người hủy diệt,
Như nước dòng suối con.
146. Kẻ ngu làm ác hạnh,
Không hiểu việc mình làm,
Về sau bị khổ đau,
Khi ác nghiệp chín muồi.
Nghe lời khuyên của ngài, người em xin phép vua nghỉ việc, xuất gia và không bao lâu được giải thoát.

(CXXXIV) Somamitta (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimala cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần gần vị Trưởng lão, làm trọn bổn phận của mình. Nhưng vị Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: 'Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?'. Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, phát triển thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài chỉ trích Vimala với những câu kệ như sau:

147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.
148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.
Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, phát triển thiền quán, tự minh tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

(CXXXV) Sabbamitta (Thera. 20)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta. Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu

rừng. Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đảnh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con nai mẹ tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: 'Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!'. Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. Người trói buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.
150. Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.
Nói vậy, ngài đạt đến thiền quán, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

(CXXXVI) Mahàkàla (Thera. 21)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là Mahàkàla. Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo. Tại đấy ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn nghĩa địa làm đề tài thiền quán, ngài sống ở trong nghĩa địa. Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên. Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẫy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gẫy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gẫy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gẫy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 70 of 353

Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.
(CXXXVII) Tissa (Thera. 21)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng bùa chú cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang. Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán,do phát triển thiền quán. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.
154. Biết nguy hiểm như vậy,
Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.
(CXXXVIII) Kimbila (Thera. 21)

Ngài gặp đức Phật, xúc động, xuất gia đã được nói trong chương một, với câu kệ : 'Như bị cảm hóa bởi sức mạnh'. Ở đây, vị Trưởng lão sống thân thiết với các bạn, các Tôn giả Anuruddha, Bhaddiya.

155. Trong vườn trúc phía Đông,
Các Thích tử thân hữu,
Từ bỏ những tài sản,
Không phải là ít oi,
Vui thích với những gì,

Nhận được từ bình bát.
156. Siêng, tinh cần, tinh tấn,
Thường kiên trì hăng hái,
Ưa thích lạc pháp vị,
Từ bỏ lạc thế gian.
(CXXXIX) Nanda (Thera. 21)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là Nanda. Khi đến tuổi trưởng thành, bậc

Đạo Sư chuyển bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: 'Hãy đứng dậy!'. Thế Tôn giúp cho phụ thân chứng quả Dự lưu. Với câu kệ: 'Hãy sống theo Phạm hạnh'. Thế Tôn giúp bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu, rồi Thế Tôn giúp phụ thân chứng thêm quả Nhất lai. Ngày thứ ba khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, nhờ thiền định, phát triển thiền quán và đạt được quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: 'Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đầm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn'. Phấn khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham dục.
158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.
Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc tự chế ngự đệ nhất trong các đệ tử của Thế Tôn.

(CXL) Sirimat (Thera. 21)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là Sirimat, vì gia đình ngài được luôn luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là Sirivaddha (tăng trưởng sự may mắn). Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi

lòng tin xuất gia, Sirivaddha dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh. Nhưng Sirimat, vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính, tuy vậy, luôn luôn tu tập về chỉ và quán, ngài chứng được sáu thắng trí.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

159. Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.
160. Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.
Rồi Sirivaddha nghe bài kệ, tâm sanh dao động, phát triển thiền quán, không bao lâu đạt được chơn giải

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 72 of 353

thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 73 of 353

PHẨM BA

(CXLI) Uttara (Thera. 22)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara. Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí. Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: 'Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?' Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri các uẩn,
Ta khéo nhổ tham ái,
Ta tu tập giác chi,
Ta đạt lậu hoặc diệt.
162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,
Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,

Các lậu hoặc tận diệt.
(CXLII) Bhaddaji (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avantì phía Đông Magadha), con một nghị sĩ giàu có đến tám trăm triệu, ngài được đặt tên là Bhàddiya và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như vị Bố-tát trong đời sống cuối cùng của ngài. Tập sớ kể câu chuyện của ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo Sư với hàng tùy tùng, sau một tuần đến tại Kotigàma, và đi lánh đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định, khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước. Để xác minh quả chứng vô thượng của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. Bhaddiya làm nổi lên cung điện bị chìm, khi ngài trú tại đấy, trong thời ngài là vua Panàda. Câu chuyện này được kể trong chuyện Jàtaka Mahàpanàda. Ngài diễn tả lâu đài bằng vàng, trong ấy ngài đã sống trong một thời gian. Rồi ngài nói về ngài khi tự ngã được đoạn diệt, như là thuộc một người khác:

163. Pa-nà-đa là tên,
Của vị hoàng đế ấy,
Với trụ lễ bằng vàng,
Ngang có mười sáu nhà,
Tính về lượng bề cao,
Cao hơn một ngàn lần.
164. Có đến ngàn tam cấp,
Với trăm nóc hình tròn,
Trang hoàng với cờ xí,
Với ngọc báu chói sáng,
Ở đấy, Càn-thát-bà,
Các tiên nữ hát múa,
Con số lên sáu ngàn,

Với tổng số bảy đoàn.

(CXLIII) Sobhita (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita. Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được sáu thắng trí, ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu túc mạng thông, được đức Phật xác nhận là vị nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,

Có đến năm trăm kiếp.
166. Ta tu Bốn niệm xứ,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.
(CXLIV) Valliya (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhamitta. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả Mahà Kassapa (Đại Ca-diếp). Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là Valliya (loài cây leo), vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì. Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão Venudatta giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bổn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bổn phận cần làm
Với người muốn giác ngộ.
Con sẽ làm tất cả,
Con không có thối thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.
168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt Thánh yên lặng,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.
(CXLV) Vitàsoka (Thera. 22)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka. Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. Hãy cạo tóc cho ta
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.
170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quấn chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.
(CXLVI) Punnamàsa (Thera. 23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ. Khi sanh đứa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được sáu thắng trí. Ngài đi đến Sàvatthi đảnh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa. Rồi đứa con ngài chết và vợ ngài không muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia. Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.
172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.
(CXLVII) Nandaka (Thera. 23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campà trong một gia đình thị dân, được đặt tên là Nandaka. Ngài là em trai của Bharata (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: 'Sona được nuôi dưỡng tế nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?' Bharata chứng ngay sáu thắng trí, còn Nandaka, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành. Rồi Bharata muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, Bharata thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lữ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cởi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Này em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không?'.

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: 'Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tự lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!' Dùng sự kiện này là một đề tài thiền quán, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quỵ xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.
174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ chánh kiến,
Khéo tu luyện thuần thục,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.
(CXLVIII) Bharata (Thera. 23)

Khi em trai Nandaka nói lên chánh trí của mình, Bharata khởi lên ý kiến hai anh em cùng đi đến yết kiến đức Phật, trình lên đức Phật biết quá trình đời sống Phạm hạnh của mình.

Rồi ngài nói với Nandaka những bài kệ như sau:

175. Hãy đến Nandaka,
Chúng ta hãy cùng đi,
Đi đến bậc Giáo thọ,
Chúng ta hãy rống lên,
Tiếng rống con sư tử,
Trước mặt Phật tối thượng.
176. ẩn sĩ thương chúng ta,
Khích lệ ta xuất gia,
Mục đích chúng ta đạt,
Mọi kiết sử đoạn tận.
(CXLIX) Bhàradvàja (Thera. 23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá). Trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên theo dòng họ là Bhàradvàja. Lập gia đình, ngài có một người con trai tên là Kanhadinna. Đến tuổi đi học, ngài gửi người con đi Takkasìla, giữa đường người con làm quen với một vị Trưởng lão, đệ tử bậc Đạo Sư, nghe vị ấy thuyết pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Bhàradvàja, được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở tịnh xá Trúc Lâm, xuất gia và cũng chứng quả A-la- hán, Kanhadinna đến yết kiến bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), và sung sướng thấy phụ thân mình ngồi cạnh đức Bổn Sư. Được biết phụ thân đã chứng quả A-la-hán, muốn phụ thân rống tiếng rống con sư tử, nên hỏi đã chứng được mục đích Phạm hạnh chưa, ngài trả lời với những câu kệ như sau:

Rống tiếng rống:

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 77 of 353

177. Như những con sư tử
Trong hang động núi non,
Rống tiếng rống sư tử,
Cũng vậy với trí tuệ,
Bậc anh hùng thắng trận,
Thắng ma và ma quân.
178. Ta hầu bậc Đạo Sư
Đảnh lễ Pháp và Tăng,
Ta hân hoan vui vẻ,
Thấy con chứng vô lậu.
(CL) Kanhadinna (Thera. 23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhadinna. Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuần thục, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.
180. Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 78 of 353

PHẨM BỐN

(CLI) Migasìra (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasìra, theo ngôi sao ngày sinh. Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực

hành bùa chú sọ người, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: 'Người này sẽ được tái sanh trong giới này...', cho đến với những người đã chết được ba năm. Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dướng. Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: 'Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết'.

Đức Phật hỏi: 'Ông làm như thế nào?'

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên bùa chú, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ v.v... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: 'Hãy nói chỗ tái sanh của người này'. Migasìra đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Này du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Này du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?

- Vậy ông phải xuất gia! Rồi Migasìra xuất gia và được dạy cho đề tài tu định. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài thực hành thiền quán, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.
182. Nhờ Phạm-chí quán sát, Tâm ta được giải thoát,

Ta giải thoát bất động, Mọi kiết sử đoạn diệt.

(CLII) Sivàka (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka. Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.
184. Hỡi kẻ làm nhà kia!
Ngươi đã bị thấy rồi,
Từ nay, ngươi không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.
(CLIII) Upavàna (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, Thế Tôn bị đau nhức mỏi, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài. Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

185. Bậc ứng Cúng, Thiện Thệ, ẩn sĩ bị phong thấp, Nếu ông có nước nóng, Hãy cúng dường ẩn sĩ.

186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.
Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

(CLIV) Isidinna (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna. Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thần thông

song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu. Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
Các dục là vô thường,
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.
188. Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?
Dầu họ có tuyên bố:
'Các dục là vô thường!'
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.
Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

(CLV) Sambula - Kaccàna (Thera. 24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna. Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí. Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa ầm ầm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,

Không lông tóc dựng ngược
190. Pháp nhĩ ta là vậy, Nên dầu sống một mình, Trong hang động kinh hoàng,

Ta không hoảng, sợ hãi, Không lông tóc dựng ngược.

(CLVI) Khitaka (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la- hán. Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. Tâm ái như tảng đá
Đứng vững, không dao động,
Hỡi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.
192. Tâm ta như tảng đá
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.
(CLVII) Sona - Potiriyaputta (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành tướng chỉ huy quân lực của Bhaddiya, một vị vua Sakka. Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, khích lệ ngài tu tập chánh niệm, với những bài kệ như sau:

193. Thầy chớ có ngủ nữa,
Với đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

194. Khi con voi tấn công,
Rơi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 82 of 353

Nói vậy, ngài triển khai thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

(CLVIII) Nisabha (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

195. Sau khi đã từ bỏ
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.
196. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.
(CLIX) Usabha (Thera. 25)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là Usabha. Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bổn phận của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khất thực; tại đấy, thấy quần chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa. Ngài thức dậy, suy nghĩ: 'Vì sao, đây là cơn mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm ưu não', ngài an trú thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la- hán. Như vậy lấy cơn mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khất thực.
198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo mạn,
Nay ta thật lắng dịu,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.
(CLX) Kappata - Kura (Thera. 25)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 83 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là Kappatakura (rách và gạo). Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đảnh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cất đồ rách rưới vào một chỗ. Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này. Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.
200. Hỡi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hỡi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.
Bị đức Phật quở trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, phát triển thiền quá, không bao lâu chứng quả A- la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những

bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 84 of 353

PHẨM NĂM

(CLXI) Kumàra-Kassapa (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai. Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh. Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả Upàli giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ Visàkhà, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này. Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đứa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi một Thiên nhân, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở Tịnh Cư Thiên, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, phát triển quán, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là vị thuyết pháp lanh lợi đệ nhất, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chứng đạt Chánh pháp này.
202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.

(CLXII) Dhammapàla (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, khi bậc Đạo Sư qua đời, ngài sanh ở Avanti con một Bà-la-môn, được đặt tên là Dhammapàla. Khi ngài đi từ Takkasilà về, học hành đã xong, ngài thấy một vị Trưởng lão ngồi một mình trong thảo am, được vị ấy thuyết

pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chứng được sáu thắng trí.

Trong khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gẫy ngã xuống. Thấy vậy ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sa-di, với thần thông đặt hai vị ấy xuống đất, không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ấy với những bài kệ:

203. Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi Chú tâm hành lời Phật, Tỉnh thức giữa người ngủ,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 85 of 353

Vị ấy, đời không uổng.

204. Do vậy, bậc Hiền trí,
Nhớ đến lời Phật dạy,
Chuyên tu tín và giới,
Hoan hỷ thấy Chánh pháp.
(CLXIII) Brahmàlì (Thera. 26)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàlì. Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những điều kiện chín muồi, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thục pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán hạnh tinh tấn:

205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ
Những vị có hạnh ấy.
206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.
(CLXIV) Mogharàjam (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Mogharàjam. Vị ấy tu học dưới sự lãnh đạo của Bà-la-môn Bàvariya. Cảm thấy lo âu sợ hãi, ngài trở thành một vị tu khổ hạnh. Ngài là một trong mười sáu vị, trong ấy có Ajita và những vị khác, đã được Bàvariya đưa đến yết kiến bậc Đạo Sư. Sau khi Mogharàjam hỏi và được trả lời, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, ngài được biết đến vì ngài mặc áo thô sơ do các nhà lữ hành, các thợ may, các thợ nhuộm quăng bỏ hai bên đường. Do vậy, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là người đệ tử đệ nhất mặc áo thô sơ. Như vậy ngài thực hiện chí nguyện từ trước của ngài.

Một thời khác, do thiếu sự săn sóc chu đáo và do nghiệp đời trước, các mụt ghẻ lở xuất hiện và sanh ra nhiều trên thân của ngài, nghĩ rằng chỗ trú ẩn của ngài đã bị ô nhiễm, ngài trải chỗ nằm của ngài trên một thửa ruộng ở Magadha, và dầu lúc ấy thuộc mùa đông, ngài vẫn ở tại đấy. Một hôm, hầu hạ bậc

Đạo Sư và đảnh lễ ngài, bậc Đạo Sư hỏi ngài với những bài kệ như sau:

207. Hỡi Mogharàja!
Sống với da thô độc,
Sống với tâm hiền thiện,
Luôn luôn hành thiền định,
Trong những đêm đông giá
Thầy là một Tỷ-kheo,
Vậy Thầy sống thế nào
Thầy sẽ làm những gì?
Được hỏi vậy, ngài trả lời và giải thích cho bậc Đạo Sư:

208. Con có được nghe rằng:
Ở nước Magadha,
Đất nước giàu thịnh vượng,
Toàn dân sống đầy đủ,
Những am lợp bằng rơm,
Còn tốt đẹp hơn nhiều,
Hơn đời sống an lạc,
Của mọi người dân khác.
(CLXV) Visàkha, Con Của Pancàlì (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là Visàkha. Vì ngài là con trai một công chúa con vua, về sau ngài được biết là con trai của Pancàlì.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài phát triển thiền quán, chứng được sáu thắng trí.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: 'Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?'. Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.
210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 87 of 353

Niết-bàn đối vị ấy, Không gì khó chứng đạt.

(CLXVI) Cùlaka (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Culàka. Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia. Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, tâm ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Với cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.
212. Thân người khéo khỏe mạnh,

Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc con đường
Đưa đến cõi bất tử,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.
Ngài tự giáo giới lấy mình, chứng được thiền định, và phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố chánh kiến của ngài.

(CLXVII) Anupama (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là Anùpama (không thể so sánh được). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. Tâm đi đến hỷ mạn
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 88 of 353

214. Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!
Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán.

(CLXVIII) Vajjita (Thera. 27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là Vajjita (vị từ bỏ). Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được sáu thắng trí. Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấyThánh đế,
Ta phàm phu mù lòa.
216. Với hạnh không phóng dật,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.
Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CLXIX) Sandhita (Thera. 28)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là Sandhita. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ, và xin xuất gia với trí tuệ chín muồi, ngài an trú thiền quán và chứng đạt sáu thắng trí. Nhớ đến đời sống trước của mình, sau khi đức Phật Sikhì (Thi-khí) mệnh chung. Ngài đảnh lễ tại cây Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.
218. Đã qua ba mốt kiếp,
Tưởng ấy ta không chứng,
Nay chính nhờ tưởng ấy,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

CHƯƠNG III PHẨM BA KỆ

(CLXX) Anganika Bhàradvàja (Thera. 29)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là AnganikaBhàradvàja. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát. Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. Từ bỏ tà khổ hạnh, ngài xuất gia, tu tập thiền quán, và sau một thời gian chứng được sáu thắng trí.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi

rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: 'Thưa Tôn giả Bhàradvàja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn, và chấp nhận giáo hội này?' Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.
220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.
221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thục lời Phật dạy.
Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phấn khởi.

(CLXXI) Paccaya (Thera. 29)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là Paccaya. Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bổn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời đức Phật Kassapa, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thời không ra khỏi am này và cuối cùng thiền quán được phát triển, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán. Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. Năm ngày ta xuất gia, Hữu học, ý chưa đạt,

Ta trú hạnh viễn ly, Tâm phát nguyện như sau:

223. Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,

Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhổ lên được.
224. Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta tinh cần,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
(CLXXII) Bàkula (Thera. 29)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú. Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích. Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bổn Sư thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giác ngộ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là vị đệ tử có sức khỏe đệ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau
Trong nung nấu hối tiếc.
226. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.
227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sầu muộn là tham,
Thật sự là an ổn,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 91 of 353

Tại đấy, sự đau khổ, Được đoạn diệt hoàn toàn.

(CLXXIII) Dhaniya (Thera. 29)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thợ làm đồ gốm, được đặt tên là Dhaniya, và tiếp tục làm nghề của ông cha. Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo Sư giảng cho Pakkusati kinh Dhàtuvibhangasutta. Dhaniya nghe tin Pukkasati (đã thành bậc A-la-hán) mệnh chung đêm ấy. Ngài nghĩ: 'Lời Phật dạy thật là sức mạnh lãnh đạo, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh'. Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật quở vì đã là am tranh bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo, và tại đấy chứng quả A-la-hán.

Về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

228. Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Chớ khinh y chúng Tăng,
Chớ khinh Tăng ẩm thực.
Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy sử dụng trú xứ,
Như rắn và như chuột.
229. Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy biết tự bằng lòng
Với bất cứ việc gì,
Và hãy cương quyết tu,
Tu tập hạnh nhất pháp.
(CLXXIV) Con Của Màtanga (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, con một điền chủ tên Màtanga, và được gọi là con của Màtanga. Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ- kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các thiền quán, ngài chứng được sáu thắng trí.

Từ đấy, ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần của ngài với những bài kệ như sau:

230. Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,

Thời sát-na quý báu
Lặng lẽ vượt trôi qua.
231. Ai nghĩ đến lạnh nóng,

Không hơn loài cỏ rác, Làm bổn phận con người, Không hại đến an lạc.

232. Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.
(CLXXV) Khujja Sobhita (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng). Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bổn Sư vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chứng được sáu thắng trí.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các thiên nhân cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chận đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn
Đứng ở tại cửa vào,
Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.
Rồi vị thiên nhân tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.
Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.
(CLXXVI) Vàrana (Thera. 30)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 93 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, trong gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vàrana. Khi đến tuổi trưởng thành, vị ấy nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp trong một ngôi rừng, và với lòng tin, xuất gia. Một ngày kia đi đến hầu hạ đức Phật, ngài chứng kiến một cuộc ấu đả trong gia đình và có nhiều người bị giết. Hốt hoảng, bị dao động, ngài đi gấp đến Thế Tôn và tường thuật sự việc. Thế Tôn thấy sự tiến bộ trong tâm tư của ngài, nên nói lên bài kệ khích lệ ngài:

236. Ai ở đời, giữa người,
Làm hại chúng sanh khác,
Vị ấy tự hại mình
Đời này và đời sau.
237. Ai với tâm từ bi,
Thương tưởng mọi hữu tình,
Một người làm như vậy,
Gặt phước đức thật nhiều.
238. Hãy học tập khéo nói,
Hãy hầu hạ Sa-môn,
Sống một mình kín đáo,
Với tâm tư tịnh chỉ.
(CLXXVII) Passsika (Thera. 30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia. Ngài bị bệnh trong khi học tập đời sống một ẩn sĩ, bà con săn sóc cho ngài và chữa ngài lành bệnh, khi được lành bệnh, ngài phấn khởi nên tu học siêng năng hơn và chứng được sáu thắng trí. Ngài bay trên hư không, đến thăm bà con và quy y, thọ giới cho họ. Một số bà con nhờ ngài quy y và thọ giới, khi mạng chung và được sanh lên các cõi trời. Khi Passika hầu hạ bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư hỏi về sức khỏe bà con của ngài, Passika trả lời như sau:

239. Đầu chỉ một mình ta,
Có lòng tin, sáng suốt,
Giữa các bà con ta,
Những người không lòng tin,
Thông hiểu được Chánh pháp,

Đầy đủ những giới đức,
Vì lợi ích hạnh phúc,
Cho các bà con ta.
240. Những bà con bị ta,
Vì thương họ trách móc,
Do bà con ái mộ,
Làm tốt đối Tỷ-kheo.
241. Khi họ bị mệnh chung,
Họ được lạc chư Thiên,
Các anh và mẹ ta,
Hoan hỷ điều họ muốn.
(CLXXVIII) Yasoja (Thera. 30)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 94 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở Sàvatthi, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja. Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông Aciravati, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua Pasenadi và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá. Đức Phật dạy, tiền thân con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục, Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về kinh Kapila. Nghe xong, Yasoja cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo; họ đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông Vaggumudà, Yasoja như con người thuần thục, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chứng được sáu thắng trí. Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.
Yasoja được tán thán như vậy, đề cao hạnh cô độc và dạy như sau:

243. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.
244. Sống một, như Phạm thiên,
Sống hai, như chư Thiên,
Sống ba, như làng mạc,

Nhiều hơn, như ở chợ.
(CLXXIX) Satimattya (Thera. 31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) làm con một Bà-la-môn, ngài hội đủ những điều kiện nhân duyên, xuất gia, sống với các Tỷ-kheo ở rừng, và trải qua học hỏi tu hành, chứng được sáu thắng trí. Rồi ngài giảng dạy các Tỷ-kheo, thuyết pháp cho nhiều tín đồ về quy y và các giới điều. Có một gia đình, đặc biệt ngài giáo hóa và nuôi dưỡng lòng tin. Trong gia đình này, ngài đặc biệt được chào đón, người con gái nhà này đẹp, và thường cung kính cúng dường ngài ăn uống.

Một hôm, Màra muốn phá ngài và làm ngài mất uy tín, giả dạng ngài và đi đến nắm tay cô con gái, nhưng cô con gái biết là không phải nắm tay của loài Người, liền bỏ tay ra. Nhưng người nhà thấy được và không còn tin tưởng ở ngài. Ngài không biết gì, cảm thấy có sự đổi khác trong thái độ của gia đình ấy. Biết rằng Màra đã ám hại, ngài nguyện sẽ làm tỏ rõ sự tình, người gia chủ nghe ngài giải thích liền xin lỗi ngài và tự mình xin phục vụ cho ngài. Ngài nói lên sự việc, trong những bài kệ sau đây:

245. Lòng tin trước ông có,
Nay không còn nơi ông,
Của ông vẫn của ông,
Ta không có ác hạnh.
246. Vô thường và dao động,

Là lòng tin của ông,
Sự thấy là như vậy,
Là sự thấy của ta,
Có khi ông thương mến,
Rồi ông lại không ưa,
Vì sao bậc ẩn sĩ,
Chịu héo mòn ở đây?
247. Cơm nấu cho ẩn sĩ,
Ít ít từng gia đình,
Ta sẽ đi khất thực,
Ống chân ta còn mạnh.
(CLXXX) Upàli (Thera. 31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà. Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: 'Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về kinh học và thiền quán'. Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu thiền quán và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả Luật tạng. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về Ajjuka, về Tỷ-kheo Kurukacchaka và Kumàra-Kacapa, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bổn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.
249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.
250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.
(CLXXXI) Uttarapàla (Thera. 31)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla. Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học. Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, dục vọng tấn công ngài, và sau một thời chiến đấu

tư tưởng mãnh liệt, ngài chận đứng các phiền não, và triển khai thiền quán, ngài chứng được quả A-la- hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.
252. Sanh trong giới vức ma,
Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.
253. Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,

Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.
(CLXXXII) Abhibhùta (Thera. 31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthapura, đặt tên là Abhibhùta, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đất đai. Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, Abhibhùta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

254. Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.
255. Hãy tinh cần, ra đi,
Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.
256. Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.
(CLXXXIII) Gotama (Thera. 32)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là Gotama, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học thiền quán và chứng được sáu thắng trí.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được . Ngài nói:

257. Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến ngạ quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.
258. Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,

Phi tưởng, Phi phi tưởng.
259. Ta khéo biết sanh hữu,
Không cốt tủy, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành tự ngã ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.
(CLXXXIV) Harita (Thera. 32)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là hạ sanh. Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. Đoạn tận kiêu mạn ấy, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau
Trong nung nấu hối tiếc.
261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.
262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sầu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đấy, nỗi đau khổ,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 98 of 353

Được đoạn diệt hoàn toàn.

(CLXXXV) Vimala (Thera. 32)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo

là bạn của ngài như sau:

263. Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.
264. Như leo trên ván nhỏ, Giữa biển lớn bị chìm, (Xem kệ 147 - 148)

265. Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.
266. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 99 of 353

CHƯƠNG IV PHẨM BỐN KỆ

(CLXXXVI) Nàgasamàla (Thera. 33)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một vũ nữ đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.
268. Ta vào thành, khất thực,
Đi ngang, ta thấy nàng
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi thần chết.
269. Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.
270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,

Lời Phật dạy làm xong.
(CLXXXVII) Bhagu (Thera. 33)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với Anuruddha và Kimbila, và sống gần làng Bàlakalona. Một ngày kia, khi ngài từ tinh xá ra ngoài để đối trị bịnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài tự chế ngự và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: 'Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tinh tấn?'. Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn ngủ chi phối,
Ta ra khỏi tinh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.
272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta định tỉnh.
Rồi ta tự tác ý,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 100 of 353

Như lý khởi tư duy, Các hiểm nguy hiển lộ, Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
(CLXXXVIII) Sabhiya (Thera. 33)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình con gái một hoàng tộc, người con gái này được cha mẹ giao cho một vị du sĩ hướng dẫn để nàng có thể học giáo lý và nếp sống tu hành. Sabhiya khi lớn lên cũng trở thành một du sĩ, học hỏi nhiều kinh kệ tụng, trở thành một nhà lý luận sắc bén, không ai sánh nổi. Dựng am bên cửa thành, ngài dạy học cho con cháu các hoàng tộc, ngài nghĩ ra hai mươi câu hỏi để ngài hỏi các vị tu sĩ và Bà-la-môn. Trong khi Sabhiyasutta, có ghi là một Bà-la-môn, từ cõi Tịnh cư thiên, đã nghĩ ra các câu hỏi ấy. Thế Tôn khi đi đến Vương Xá, tinh xá Trúc Lâm, đã trả lời các câu hỏi và Sabhiya khởi lòng tin, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài khuyên dạy các Tỷ-kheo đã theo phe Devadatta, ngài nói lên những bài kệ như sau:

274. Người khác không rõ biết,
Ta ở đây một thời,
Tại đây, bậc có trí,

Biết vậy sống tịnh chỉ.
275. Khi họ không rõ biết,
Họ làm như bất tử;
Khi họ rõ biết pháp,
Giữa bệnh, họ không bệnh.
276. Ai sở hành phóng đãng,
Cấm giới bị uế nhiễm,
Phạm hạnh đáng nghi ngờ,
Vị ấy chứng quả lớn,
277. Sống giữa đồng Phạm hạnh,
Không được trọng, tôn kính,
Vị ấy xa Diệu pháp,
Như trời xa đất liền.
(CLXXXIX) Nandaka (Thera. 33)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka. Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A- la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ- kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất.

Rồi một ngày kia, khi đi khất thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và

cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

278. Gớm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma, chảy nhiều dòng nước,
Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.
279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham thiên giới,
Còn nói gì cõi người.
280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.

281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.
(CXC) Jambuka (Thera. 34)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài dùng phân làm đồ ăn, và rời bỏ gia đình, làm vị tu khổ hạnh. Thực hành nhiều khổ hạnh, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rơm. Ngài đã năm lăm tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thục, như ngọn đèn đặt trong cài ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo' và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka phát triển thiền quán và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán. Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn sớ giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu; 'Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rơm chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. Trải năm mươi lăm năm,
Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhổ sạch.
283. Ta đứng chỉ một chân,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.
284. Sở hành ta nhiều vậy, Dẫn ta đến ác thú, Bị nước lớn cuốn trôi,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 102 of 353

Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba minh ta đạt được
Lời Phật dạy làm xong
(CXCI) Senaka (Thera. 34)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chị của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là Senaka. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đảnh một bến nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này

286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,
Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.
287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.
288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.
289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị tà kiến trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại , giải thoát.
(CXCII) Sambhùta (Thera. 34)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình có giai cấp, và sau khi bậc Đạo Sư tịch diệt, ngài được Ananda giáo hóa, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Ngài sống trong an lạc giải thoát, cho đến khi một trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt, các Tỷ-kheo Vajjì đề xướng mười tà pháp bị Trưởng lão

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 103 of 353

Niyasa và các Tỷ-kheo Kàlanndaka chống lại và một kỳ kiết tập được tổ chức với bảy trăm vị A-la-hán. Ngài Sambhùta, bị xúc động bởi hành động xuyên tạc Pháp và Luật, nói lên những bài kệ này và tuyên bố chánh trí của ngài:

290. Ai khi phải từ từ
Lại lội qua gấp gấp,
Ai khi phải lội gấp,

Lại từ từ lội qua,
Kẻ ngu thiếu chánh lý,
Đi đến cảnh khổ đau.
291. Lợi ích bị tổn giảm,
Như trăng vào thời đen,
Gặp phải sự ô nhục,
Chống đối các bạn bè.
292. Ai khi phải từ từ,
Lội qua rất từ từ,
Ai khi phải lội gấp,
Lội qua thật gấp gáp,
Kẻ trí có chánh lý,
Đi đến cảnh an lạc.
293. Lợi ích được viên mãn,
Như trăng vào thời sáng,
Được danh tiếng vinh dự,
Không chống đối bạn bè.
(CXCIII) Ràhula (Thera. 35)

Ngài là con của đức Phật và công chúa Yasodhàra, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thục và phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
'Ra-hu-la may mắn'
Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.
295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.
Ba minh ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.
296. Bị dục làm mù quáng,

Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,

Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trói buộc,
Như cá mắc mắt lưới.
297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trói buộc,
Nhổ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.
(CXCIV) Candana (Thera. 35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu. Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: 'Với nhan sắc nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia'. Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán và chứng được sáu thắng trí. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng qui y và thọ các giới. Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: 'Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?'. Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.
299. Thấy mẹ của con ta,
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.
300. Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.
301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
(CXCV) Dhammika (Thera. 35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia. Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc

các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy các Tỷ-kheo đều bỏ đi và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Su, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích. Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 105 of 353

302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Không đi xuống ác thú.
303. Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.
304. Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.
305. Phá vỡ cội ung nhọt,
Nhổ lên lưới ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.
Khi Thế Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ, ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

(CXCVI) Sabbaka (Thera. 35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài đi đến tinh xá Lonagiri, trên bờ sông Ajakaranì và tại đấy, sau một thời gian chứng quả A-la-hán. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở lại một thời gian và được bà con đón tiếp. Sau khi khuyên các bà con quy y và giữ giới, ngài muốn trở về

chỗ cũ. Các bà con yêu cầu ngài ở lại để được bà con cúng dường, nhưng ngài nói cho họ rõ vì sao ngài đến đây, và sự ưa thích đời sống độc cư. Ngài nói lên bài kệ tán thán trú xứ của ngài:

306. Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng tinh,
Sợ hãi đám mây đen,
Tìm chỗ kín ẩn nấp;
Khi ấy chính con sông,
Ajakaranì,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 106 of 353

Đem hoan hỷ cho ta.

307. Khi ta thấy con cò,
Trương đôi cánh trắng sạch,
Sợ hãi đám mây đen,
Tìm hang để ẩn nấp,
Nhưng tìm không có thấy.
Khi ấy chính con sông,
Ajakaranì,
Đem hoan hỷ cho ta.
308. Ai lại không thích thú,
Khi thấy ở tại đây,
Trên cả hai dãy bờ,
Có hàng cây Jambu,
Làm chói sáng bờ sông,
Sau lưng cái hang lớn.
309. Hãy nghe những con nhái,
Khéo thoát những đàn rắn,
Kêu lên niềm hoan hỷ,
Với tiếng kêu nhẹ nhàng:
Nay không phải là thời,
Buông thả với suối rừng,
Thật an ổn con sông
Ajakaranì,
Thoải mái và yên lành,
Thật an vui thích thú!
Rồi các bà con thuận để ngài đi. Vì ngài thích sống nhàn tịnh, đây trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CXVII) Mudita (Thera 36)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân và được đặt tên là Mudita. Khi ngài đến tuổi trưởng thành , dòng họ ngài vì một vài nguyên nhân, bị vua chống đối Mudita, quá sợ vua nên bỏ chạy, đi vào rừng và sống gần trú xứ của một Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán. Vị này thấy ngài quá sợ hãi, bảo ngài chớ có sợ. Ngài hỏi cần phải bao nhiêu thời gian mới khỏi tai nạn, vị A-la-hán nói cần phải bảy hay tám tháng, ngài nói ngài không thể đợi lâu như thế nên xin xuất gia. Vị Trưởng lão cho phép ngài được xuất gia. Ngài xuất gia, học đạo, khởi lòng tin, không còn sợ hãi nữa, và tu tập thiền quán. Chưa chứng được quả A-la-hán, ngài nguyện không rời khỏi tinh xá cho đến khi chứng quả và cuối cùng ngài đã thành công. Sau đó, ngài sống trong an lạc giải thoát, các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh hỏi ngài làm sao ngài thành đạt được chí nguyện, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài trong những bài kệ như sau:

310. Để cứu mạng sống ta,
Ta xuất gia tu hành,
Ta được thọ đại giới,
Nhờ vậy được lòng tin,
Ta kiên trì tinh tấn,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 107 of 353

Hăng hái ta tiến bước.

311. Dầu thân này hủy hoại,
Từng miếng thịt tiêu mòn,
Đầu khớp xương hai gối,
Ống chân làm ta ngã.
312. Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa được rút nhổ lên.
313. Hạnh ta sống như vậy,;
Hãy nhìn ta tinh cần,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 108 of 353

CHƯƠNG V PHẨM NĂM KỆ

(CXCVIII) Ràjadatta (Thera. 37)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là Ràjadatta (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần

dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đấy ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ. Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đấy bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Rajadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hành hạnh đầu đà, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thèm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp. Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão Rajadatta, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được thi hài của người kỹ nữ. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

314. Một Tỷ-kheo đi đến
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm mồi cho sâu ăn.
315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khốn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.
316. Mau hơn cơm sôi trào,
Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.
317. Rồi ta tự ý tác,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.
318. Và tâm ta giải thoát, Thấy Pháp nhĩ là vậy, Ba minh chứng đạt được,

Lời Phật dạy làm xong.

(CXCIX) Subhùta (Thera. 37)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là Subhùta, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ. Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sự, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu
Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.
320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.
321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.
322. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương,
Cũng vậy lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.
323. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại không hương,
Cũng vậy lời khéo nói
Không làm không kết quả.
(CC) Girimànanda (Thera. 38)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) con trai của vị cố vấn nghi lễ cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia. Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đảnh lễ Đức Phật. Vua

Bimbisàra nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài

hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và thần mưa không mưa sợ làm ngài ướt. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập thiền định, thiền quán, chứng được quả A-la-hán. Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đấy ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu ngươi muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.
325. Trời mưa như bài ca
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đấy ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu ngươi muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.
326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đấy ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu ngươi muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.
327. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đấy ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu ngươi muốn,

Hãy mưa, hãy mưa đi.
328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đấy ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu ngươi muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 111 of 353

(CCI) Sumana (Thera. 38)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là Sumana, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán, sống ở trong rừng, và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để thiền quán về phía giới hạnh. Cuối cùng, khi Bốn thiền và Năm thắng trí đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài phương pháp thiền quán, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán. Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Với tôi mong bất tử,
Điều phải làm, làm xong.
330. Pháp tôi đạt, tự chứng,
Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.
331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhãn tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.
333. Ngài giảng tôi thánh giới,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,

Tôi đệ tử học ngài.

(CCII) Vaddha (Thera. 38)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha. Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán. Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: 'Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đắp y ngoài'. Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đắp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. Lành thay, bà mẹ ta, Kích thích, khích lệ ta, Nghe lời dạy của bà,

Được dạy bởi bà mẹ, Ta tinh cần, tinh tấn, Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lậu hoặc.
336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi tên nữa.
337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cỏ rừng không còn nữa.
338. Khổ đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.

(CCIII) Nadikassapa (Thera. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là anh của Kassapa. Ngài thiên hẳn đời sống xuất gia, không ưa thích đời

sống gia đình, và ngài trở thành một ẩn sĩ. Với ba trăm đồ chúng, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiền), và do vậy ngài được biết và được gọi là Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa). Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết kinh Lửa Bốc Cháy, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó, suy tư trên thiền chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhổ lên các sai lầm:

339. Thật lợi ích cho ta
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng
Đoạn tận các tà kiến
340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên lửa thiêng,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,

Ta thật mù, phàm phu.

341. Lang thang rừng tà kiến,
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy
342. Ta đoạn tận tà kiến,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đảnh lễ,
Bậc Như Lai Điều Ngự.
343. Mọi si mê, ta đoạn,
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
(CCIV) Gayà-Kassapa (Thera. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài giống như câu chuyện của Nadì-Kassapa, chỉ khác ngài chỉ có hai trăm đệ tử và sống ở Gayà, ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. Buổi sáng, trưa, buổi chiều,

Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.
345. Các điều ác, ta làm
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.
346. Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.
347. Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.
348. Lặn vào dòng Tám chánh, Ta gột sạch mọi ác, Ba minh ta đạt được,

Lời Phật dạy làm xong.

(CCV) Vakkali (Thera. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên Vakkali. Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thục trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật. Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiền quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: 'Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp'. Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: 'Tỷ-kheo này, nếu không được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh', nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: 'Này Vakkali, hãy đi đi'. Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đời ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử. Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

Tỷ-kheo nhiều hân hoan,

Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.
Đức Phật đưa tay và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo!' Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập sớ của bộ Anguttara Nikàya và tập sớ của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, phát triển thiền quán. Thế Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và bị tê liệt nên ngài không chứng quả được. Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

349. Bị bệnh gió chi phối,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khất thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?
Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.
351. Tu tập Bốn niệm xứ, Năm căn và Năm lực,

Tu tập các Giác chi, Con sẽ sống trong rừng.

352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, dõng mãnh,
Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.
353. Tùy niệm Phật thiền định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.
Khi nói vậy, ngài phát triển thiền quán và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

(CCVI) Vigitasena (Thera. 39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huấn luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena. Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la- hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu. Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến thiền quán, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên ngài giảng dạy cho tâm trí ngài như sau:

354. Ta sẽ chế ngự ngươi,
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ không thúc ngươi,
Này tâm trong điều ác,
Ngươi chính là lưới dục,
Ngươi do thân sanh ra.
355. Chế ngự ngươi không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này tâm, kẻ phù thủy,
Dầu ngươi cố gắng mãi,
Ngươi không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.
356. Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với ngươi,
Ta sẽ cải hóa ngươi.
357. Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều ngươi,
Dựa lên trên Năm lực.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 116 of 353

358. Ta sẽ cột chặt ngươi,
Với chánh niệm vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự ngươi,
Nhờ sức nặng tinh tấn,
Ngươi được ta áp lực,
Do vậy, hỡi này tâm,
Ngươi sẽ không xa ta.
(CCVII) Yasadatta (Thera. 40)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua Malla, được đặt tên là Yasadatta, ngài được học ở Takkasilà. Sau khi đi du hành vói du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sàvatthi, tại đây hỏi Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, ý muốn ưa chỉ trích: 'Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama'. Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta, nên sau khi nói kinh Sabhiya, Thế Tôn giáo huấn Yasadatta như sau:

359. Với tâm, muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa vời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.
360. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tổn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đen.
361. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Khô cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.
362. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.
363. Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Từ bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 117 of 353

Chứng Niết-bàn vô lậu.

(CCVIII) Sonakutikanna (Thera. 40)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là Koti hay Kutikanna (người có lỗ tai đắt giá). Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão Mahà Kaccàna ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão Kaccàna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu Athaka. Khi đọc đến câu: 'Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục', ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bổn Sư bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão Mahà Kaccàna giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thưa lại với bậc giáo thọ sư của mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập sớ Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thanh đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tinh xá.
365. Thế Tôn, trải nhiều ngày
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.
366. Trải y Tăng-già-lê
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.
367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,
Sona thuyết diệu pháp.
368. Liễu Tri Năm thủ uẩn,
Tu tập con đường Thánh
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.
(CCIX) Kosiya (Thera. 41)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi

giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

369. Ai hiểu những lời dạy
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.
370. Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,
Biết thù thắng trong Pháp.
371. Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú bất động,
Biết thù thắng trong Pháp.
372. Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.
373. Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.

CHƯƠNG VI PHẨM SÁU KỆ

(CCK) Uruvelà Kassapa (Thera. 42)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm anh cả trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên Kassapa, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà. Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ. Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là Uruvelà Kassapa vì ngài ở Uruvelà. Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, sự xuất

phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con rắn, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng kinh AAdittapariyàya cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. Thấy được các thần thông
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.
376. Bậc Điều Ngự loài Người,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.
377. Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,
378. Xưa bằng lòng tế tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch
Cả tham, sân và si.
379. Ta biết các đời truóc,
Thiên nhãn ta trong sạch,
Thần thông biết tâm nguòi,
Thiên nhĩ, ta đạt được.
380. Do đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi kiết sử tận diệt.
(CCXI) Tekicchakàrì (Thera. 42)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 120 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakàrì (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình. Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua Candagotta, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. Tekicchakàrì nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khó khăn

của mình. Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, chọn cho ngài một đề tài tu tập và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được thành quả. Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cám dỗ ngài nên nói như sau:

381. Lúa đã gặt thâu xong
Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: 'Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phần việc để ta thuyết giảng'. Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

382. Hãy niệm Phật vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.
383. Hãy niệm Pháp vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.
384. Hãy niệm Tăng vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Có cửa đóng then gài.

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

Ta sẽ cảm thọ được,
Với bốn tâm vô lượng,
Ta sẽ sống an lạc
Với những tâm tư ấy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.

Nói vậy, vị Trưởng lão phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua Bindusàra, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

(CCXII) Mahà-Nàga (Thera. 43)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh tại Sàketa, con trai một Bà-la-môn tên Madhu Vàsettha và được đặt tên là Mahà-Nàga. Ngài thấy thần thông do Trưởng lão Gavampati thực hiện trong khi Thế Tôn sống trong rừng Anjana, và khởi lòng tin, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Trưởng lão, và chứng quả A-la-hán nhờ vị này giáo huấn.

Ngay khi ngài an trú trong an lạc giải thoát, Trưởng lão Mahà-Nàga thấy sáu Tỷ-kheo thường hay không cung kính các vị đồng Phạm hạnh, và ngài giáo huấn họ với những bài kệ như sau, những bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài:

387. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng thối giảm diệu pháp
Như cá mắc nước cạn.
388. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.
389. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Không có sự cung kính,
Chúng xa rời Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.
390. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Không thối giảm diệu pháp,
Như cá được nước nhiều.
391. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Lớn mạnh trong diệu pháp,
Như giống tốt trong ruộng.
392. Ai đối đồng Phạm hạnh,
Thật có sự cung kính,
Họ đến gần Niết-bàn,
Trong lời dạy Pháp vương.
(CCXIII) Kulla (Thera. 43)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia. Nhưng ngài thường bị tham dục chi

phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một đề tài bất tịnh và khuyên ngài thiền quán trong một nghĩa địa. Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại thoát ly, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đấy phát triển thiền quán, chứng được quả A-la- hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vất ném trong nghĩa địa,
Làm mồi cho sâu ăn.
394. Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.
395. Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.
396. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.
397. Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.
398. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.
Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

(CCXIV) Màlunkyaputta (Thera. 43)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà). Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một du sĩ ngoại đạo. Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được sáu thắng trí. Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự. Nhưng ngài nói lên chí nguyện cuả ngài như sau:

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 123 of 353

399. Có người sống phóng dật,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,
Như con khỉ trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.
400. Khát ái khốn nạn này
Thấm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống cỏ rừng,
Lan tràn và lớn mạnh.
401. Ai nhiếp phục được ái,
Khốn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.
402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.
403. Hãy hành lời Phật dạy,
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,
Thọ quả trong địa ngục,
404. Phóng dật như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,

Không phóng dật, minh trí,
Nhổ mũi tên khỏi ta.
(CCXV) Sappadàsa (Thera. 44)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của vị cố vấn tế lễ của vua Suddhodhana, và được đặt tên là Sappadàsa. Khi đức Phật viếng thăm bà con, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Bị chi phối bởi những tập tục xấu, những tánh tình tâm lý không tốt đẹp, ngài không sao được thiền định và nhất tâm. Sự kiện này khiến ngài quá sầu não đến nỗi ngài gần tự tử, nhưng bỗng ánh sáng nội tâm chói sáng lan rộng thình lình, ngài chứng quả A-la-hán, nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

405. Đã được hăm lăm năm,
Từ khi ta xuất gia,
Nhưng đến một búng tay,
Ta không đạt tâm tịnh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 124 of 353

406. Nhứt tâm không đạt được,
Bị dục tham chi phối,
Khoa tay, ta than khóc,
Bỏ tịnh xá, ta đi.
407. Ta sẽ đem dao lại,
Sự sống ta, nghĩa gì?
Học tập bị tước bỏ,
Như ta, chết tốt hơn.
408. Rồi ta cầm con dao
Ta vào chỗ giường nằm,
Con dao được rút ra,
Để cắt cổ của ta.
409. Rồi ta tự tác ý,
Như lý, khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ
Nhàm chán, ta an trú
410. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
(CCXVI) Kàtiyàna (Thera. 45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ. Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh

hành, ngài quá buồn ngủ nên té xuống. Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: 'Này Kàtiyàna!'. Ngài liền đứng dậy, đảnh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.
412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy sanh và già,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một hòn đảo an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 125 of 353

Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trói buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.
414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khất thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!
415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.
416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hỡi bà con Tu-đa,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tẩn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.
(CCXII) Migajàla (Thera. 45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán, khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi luân chuyển hoạt diệt.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 126 of 353

418. Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.
419. Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cang đánh nát,
Mọi chấp trì của thức.
420. Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hố than hừng,
Được tùy quán bởi trí.
421. Vị lớn, khéo thâm sâu,

Chận đứng già và chết,
Con đường Thánh tám ngành,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.
422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.
(CCXVIII) Jenta (Thera. 45)

Trong thời đức Phật hiện tại , ngài sanh ra làm con của vị cố vấn tế tự cho vua Kosala và được đặt tên là Jenta. Khi lớn lên, ngài trở thành kiêu mạn với những quyền lợi về sanh, tài sản, địa vị, khinh bỉ những gì đáng phải kính trọng và cứng cỏi trong kiêu hãnh. Một hôm, ngài đến gần bậc Đạo Sư đang thuyết pháp cho một số đông, nghĩ rằng: 'Nếu Sa-môn Gotama nói với ta trước, ta sẽ nói, ta không tự ý nói với Sa-môn Gotama!'. Thế Tôn không nói với Jenta, và Jenta vì lòng kiêu mạn cũng không nói. Sau cùng ngài nêu rõ lý do vì sao ngài đến và Thế Tôn nói với ngài như sau:

An trú triền kiêu mạn,
Thật sự là không tốt,
Hỡi này Bà-la-môn,
Nên an trú lợi ích.
Điều thiện ông tầm cầu,
Khi ông đến tại đây,
Chỉ trên đấy mà thôi,
Ông hãy nên an trú.
Jenta nghĩ rằng: 'Thế Tôn đã biết tư tưởng của ta, cảm thấy xúc động mạnh và đảnh lễ chân Thế Tôn'. Rồi ngài thưa với bậc Đạo Sư:

Với ai, không nên kiêu? Với ai, cần cung kính?

Với ai, phải tôn trọng?
Cung kính ai là thiện?
Thế Tôn trả lời:
Với cha và với mẹ,
Với anh cả, với thầy,
Với các Bà-la-môn,
Với Sa-môn áo vàng,
Với những vị như vậy,
Nên cung kính tôn trọng,

Cung kính các vị ấy,
Là việc làm tốt lành.
Với các bậc La-hán,
Tịch tịnh và hữu học,
An tịnh, không cấu uế,
Mọi kiêu mạn chấm dứt,
Khi đạt đến mục tiêu,
Hãy tôn trọng vị ấy.

Với lời dạy này, Jenta chứng được quả Dự Lưu, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Nói lên sự thành công, ngài tuyên bố chánh trí của ngài:

423. Ta say đắm tự kiêu,
Với sanh chủng, tài sản,
Kể cả với quyền lực,
Địa vị và dung sắc,
Ta sống kiêu mạn vậy.
Tham dắm và mê say.
424. Ta quá sức kiêu hãnh.
Xem không ai bằng ta,
Si mê, quá tự hào,
Kiêu căng và cống cao.
425. Mẹ cha và người khác,
Được cung kính tôn trọng,
Ta không lễ một ai,
Kiêu hãnh, không lễ phép.
426. Thấy lãnh đạo đệ nhất,
Tối ưu Điều Ngự Sư,
Như mặt trời sáng chói,
Cầm đầu chúng Tỷ-kheo.
427. Gạt bỏ mạn, kiêu hãnh,
Với tâm thật an lành,
Với đầu ta đảnh lễ,
Bậc tối thượng chúng sanh.
428. Quá mạn, ty liệt mạn, Từ bỏ, nhổ tận gốc,

Ngã mạn được chặt đứt, Mọi loại mạn tận diệt.

(CCXIX) Sumana (Thera. 46)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha. Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con,

người cha nghĩ nếu là con trai thời sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi đứa trẻ lên bảy tuổi. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được sáu thắng trí trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão. Cầm được cái bình để xách nước, Sumana với thần thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phồng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) nhiếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão. Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ. Sunmana để nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, mới bảy tuổi,
Với thần thông ta điều,
Con xà vương thần lực.
430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:
431. Này Sà-ri-put-ta!
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.
432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có thần thông uy lực,
Thuần thục và điêu luyện.
433. Thuần lương nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,
Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.
434. Đạt được tịnh tối thắng, Chứng đắc, không dao động,

Sa-di Sumana, Muốn: 'Không ai biết ta'.

(CCXX) Nhàlaka - Muni (Thera. 46)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bực Nhàlaka (cấp bực tắm rửa). Trở thành một ẩn sĩ, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè. Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: 'Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?'. Rồi đức Phật giảng về hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán. Thế Tôn xác chứng quả vị cuả ngài và ra đi, ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bậc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bịnh gió chi phối,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khất thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.
436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.
437. Tu tập Bảy giác chi,
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ thiền tế nhị,
Con sống, không lậu hoặc.
438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.
439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Thông dư, không khởi nữa.
440. Năm uẩn được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

(CCXXI) Brahmadatta (Thera. 46)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 130 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta, ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng sáu thắng trí với lòng tin và hiểu biết về nghĩa, bởi lòng tin và hiểu biết về Pháp.

Một hôm ngài đi khất thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la- môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. Từ đâu phẫn nộ khởi,
Với người không phẫn nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thăng bằng.
Với vị trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.
442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.
443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình lợi người,
Biết người khác phẫn nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.
444. Là thầy thuốc cả hai,
Cho mình và cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này, cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài. Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy đề tài quán từ bi, như vậy ngài dạy cho phương pháp để đối trị phẫn nộ:

445. Nếu phẫn nộ nổi lên,
Hãy nghĩ dụ cái cưa,
Nếu tham vị khởi lên,
Hãy nghĩ dụ thịt con.

446. Nếu tâm ngươi chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.
(CCXXII) Sirimanda (Thera. 47)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 131 of 353

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bổn Pàtimokkhà đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một lỗi bị phạm được nhẹ đi nếu phát lộ sám hối, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: 'Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!'. Rồi phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. Mưa rất là nặng hạt,
Trên tội được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được phát lộ,
Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.
448. Đời bị chết áp đảo,
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên ái đâm,
Thường bị dục huân tập.
449. Đời bị chết ấp đảo,
Và bị già bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.
450. Chúng đến như đống lửa,
Cả ba, chết bệnh già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.
451. Chớ để ngày trống rỗng,
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.
452. Vậy hoặc đi hay đứng,
Hoặc ngồi hay nằm xuống,

Đêm cuối đi đến gần,
Ngươi không thời phóng dật.
(CCXXIII) Sabbhakàma (Thera. 47)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là Sabbhakàma. Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình. Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không săn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho dục vọng nổi lên. Như con ngựa khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để quán bất tịnh. Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi nhạc phụ của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp

mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình; nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các dục vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.
454. Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hầm hố,
Phàm phu bị bắt vậy.
455. Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.
456. Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hãi hùng,
Chất chứa sự tái sanh.
457. Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.
458. Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,

Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 133 of 353

CHƯƠNG VII PHẨM BẢY KỆ

(CCXXIV) Sundara-Samudda (Thera. 49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Samudda. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là Sundara- Samudda, khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia. Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm. Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khất thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi dép nàng tại ngưỡng cửa, đảnh lễ ngài với hai tay chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cám dỗ ngài. Và ngài một tư tưởng thế tục thoáng qua, ngài cương quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đấy thiền định, thiền quán và chứng được sáu thắng trí. Ngài diễn đạt quả chứng của ngài như sau:

459. Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.
460. Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta;
461. Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thề.
462. Khi chàng em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Như thần chết gieo mồi.
464. Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 134 of 353

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
(CCXXV) Lakuntaka-Bhaddiya (Thera. 49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là LakuntakaBhaddhiya (Bhaddiya người lùn). Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt. Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, phát triển thiền quán và trở thành một vị Bất Lai. Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu thân hành niệm, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,
Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.
467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.
468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì thân hành niệm,
Thường hằng ở mọi giới.
469. Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,

Chúng không biết được ta,
Vì dục tham chi phối.
470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lôi cuốn.
471. Không biết được phần trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lôi cuốn.
472. Quán trí được phần trong, Quán thấy được phía ngoài, Thấy không bị chướng ngại,

Không bị tiếng lôi cuốn.

(CCXXVI) Bhadda (Thera. 50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khẩn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: 'Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!'. Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: 'Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn'. Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thục đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triển thiền quán và chứng được sáu thắng trí.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: 'Hãy đến này Bhadda!' Ngài đến, chấp tay đảnh lễ bậc Đạo Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì. Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. Ta là con độc nhất
Được cha thương mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.
474. Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật
475. Được đứa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuông chiều săn sóc,

Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.
476. Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,
Nó sẽ thành thuần lương.
477. Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.
478. Rồi bậc Đạo Sư ta, Để chấm dứt công việc,

Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.
479. Từ sanh, đến bảy năm,
Ta được thọ Đại giới,
Ba minh ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!
(CCXXVII) Sopàka (Thera. 50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.
Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người cậu nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đứa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật! Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con. Bà thưa với Thế Tôn: 'Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?'. Thế Tôn trả lời:

Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dầu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A- la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thần thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đảnh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: 'Thế nào là một pháp?'. Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: 'Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...', với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên

là: 'Đặt trẻ với những câu hỏi'. Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đấy, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.
481. Đắp y một bên vai,
Chấp hai tay đưa lên,
Đi theo bậc Vô cấu,
Tối thượng trên mọi loài.
482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.
483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:
484. Lợi ích thay, dân chúng,
Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y dược thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy,
485. Bắt đầu từ hôm nay, Hỡi này Sopaka, Hãy đến yết kiến Ta,

Như vậy, Sopaka, Ông thành tựu Đại giới, Được an lành tốt đẹp.

486. Bảy năm từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.
(CCXXVIII) Sarabhanga (Thera. 50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ràjagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một ẩn sĩ, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là Sara-Bhanga, (người bẻ gãy cọng cây lau). Thế Tôn với Phật

nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A- la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am. Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,
Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
'Người bẻ gãy cây lau'.
488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.
489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời bậc siêu thiên.
490. Chính đường ấy đã đi,
Vibassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.
491. Ly ái, không chấp thủ,
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,
Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn sự thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.
493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,

Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,;
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 140 of 353

CHƯƠNG VIII PHẨM TÁM KỆ

(CCXXLX) Mahà-Kaccàyana (Thera. 52)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujienì trong gia đình của vị cố vấn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ. Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: 'Hãy đến các Tỷ-kheo!', cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujjenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy, và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.
495. Ta cảm là 'đống bùn',
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.
Lời cho vua:

496. Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.
497. Không vì người khác nói,

Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,
Chư Thiên biết mình vậy.
498. Người khác không biết được, Đây ta sống một thời,

Những ai biết được vậy, Bậc trí sống lắng dịu.

499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,
Với vua hỏi về cơn mộng:

500. Với tai nghe tất cả,
Với mắt thấy tất cả,
Kẻ trí bỏ tất cả,
Như không thấy không nghe,
501. Có mắt, như kẻ mù,
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.
(CCXXX) Sirimitta (Thera. 52)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của một điền chủ giàu có, được đặt tên là Sirimitta; mẹ ngài là chị của Sirigutta. Nay Sirimitta, cháu của Sirigutta tìm được lòng tin đối với bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla. Rồi ngài xuất gia và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, từ chỗ ngồi đứng dậy để tụng học giới bổn Pàtimokkha, ngài cầm một cái quạt có sơn màu, rồi ngồi xuống, ngài thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, và làm như vậy, ngài làm nổi bật những đức tánh khác như sau:

502. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đời sau, không ưu sầu.
503. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,

Tỷ-kheo thường hộ căn,
Đời sau không ưu sầu.
504. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỷ-kheo giữ thiện giới,
Đời sau, không ưu sầu.
505. Không phẫn nộ, không hận, Không gian, không hai lưỡi, Tỷ-kheo thiện bằng hữu,

Đời sau không ưu sầu

506. Không phẫn nộ, không hận,
Không gian, không hai lưỡi,
Tỷ-kheo thiện trí tuệ,
Đời sau, không ưu sầu.
Sau khi thuyết giảng về phẫn nộ, hận... ngài nói đến con đường siêu thoát, diễn tả thái độ chơn chánh của từng cá nhân, như vậy chứng nhận chánh trí của mình:

507. Với ai tin Như Lai,
Không dao động, thiện trú,
Với ai, nếp giới hạnh,
Được thiện nhân tán thán,
Được bậc Thánh tùy hỷ.
508. Với ai, có tín thành,
Đối với chúng Tăng già,
Có tri kiến chánh trực,
Họ nói về người ấy:
Vị ấy không nghèo đói,
Đời sống không trống rỗng.
509. Vậy nên bậc Hiền trí,
Hãy chú tâm tín, giới,
Tịnh, tín, thấy đúng pháp;
Vào cốt tủy lời Phật.
(CCXXXI) Mahà-Panthaka (Thera. 53)

Khi bậc Đạo Sư đi đến Ràjagaha, chuyển bánh xe pháp, Panthaka, con đầu lòng của con gái một nhân viên giàu có trong Ủy ban thành phố, và một trong những người nô tỳ của phụ thân của người con gái, cả hai thường đi đến ông ngoại để nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin với thiền quán. Sau khi xuất gia, ngài trở thành thiện xảo trong lời dạy của bậc Đạo Sư và trong bốn thiền, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. An trú trong an lạc thiền quán và quả chứng, ngài hồi tưởng lại sự thành công của mình, và sung sướng rống tiếng rống con sư tử như sau:

510. Khi đầu tiên ta thấy,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Xúc động khởi nơi ta,
Thấy được người Tối thượng.
511. Ai cả tay cả chân,
Cầu khẩn thần may đến,
Với cử chỉ như vậy,
Khiến Đạo Sư hoan hỷ,
Vị ấy không thể đạt,
Như sở nguyện của mình.
512. Còn ta đã từ bỏ,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 143 of 353

Vợ con, tiền, lúa, gạo, Sau khi cạo râu tóc, Ta xuất gia không nhà.

513. Học, sinh hoạt đầy đủ,
Các căn khéo chế ngự,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Ta trú, không khuất phục.
514. Rồi ta khởi ước nguyện,
Tâm an trú tha thiết,
Ta quyết không ngồi nữa,
Dầu chỉ là một phút,
Cho đến khi rút được,
Rút mũi tên tham ác.
515. Ta an trú như vậy,
Hãy xem nhờ nỗ lực,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
516. Ta biết được đời trước,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Ta xứng được cúng dường,
Giải thoát khỏi sanh y.
517. Như đêm trở thành sáng,
Khi mặt trời mới mọc,
Mọi khát ái khô kiệt,
Ta vào, ngồi kiết-già.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 144 of 353

CHƯƠNG IX PHẨM CHÍN KỆ

(CCXXXII) Bhùta (Thera. 54)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bận lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là Bhùta, vì do nguyện cầu được sanh ngài: 'Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ'. Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa. Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakaranì. Tại đấy, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đấy, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
520. Khi với tuệ, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tịnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
521. Khi tu tập con đường,
Không sầu, không cấu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tịnh trừ mọi phiền não,

Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 145 of 353

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống mây giông tố,
Khắp con đường chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngồi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ư u việt hơn lạc này.
523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngồi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà có nanh,
Đang sống đang gầm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngồi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
525. Khi tầm tứ chế ngự
Giữa núi, trong hang động
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ không chướng ngại
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
526. Khi ngồi được hỷ lạc,
Không uế chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,

Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 146 of 353

CHƯƠNG X PHẨM MƯỜI KỆ

(CCXXIII) Kàludàyin (Thera. 56)

Ngài sanh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở Kapilavatthu. Bảy vị cùng sanh một lần trong ngày, Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: roi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyin. Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát. Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyển bánh xe Chánh pháp, vua Suddhodana nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: 'Hãy đến, này các Tỷ-kheo'... và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyển thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự. Cuối cùng vua sai Kàludàyin với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán, nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trổ bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hừng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.
528. Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.
529. Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,

Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.
530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.
531. Người tiếp tục gieo giống, Trời lại tiếp tục mưa, Người nông tiếp tục cày,

Thóc gạo tiếp tục đến, Đến nhiều cho quốc gia.

532. Ăn xin tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho
Tiếp tục lên Thiên giới.
533. Bậc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ
Gia đình ấy được sanh,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ẩn sĩ chân danh.
534. Phụ vương đại ẩn sĩ,
Tên gọi Tịnh Phạn vương,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.
535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đấy, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.
Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với hai mươi ngàn vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần. Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài

mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. Ta là con đức Phật,
Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.
(CCXXXIV) Ekavihàriya(Tissa Kumàra) (Thera. 57)

Ngài sanh ra, sau khi đức Phật đã nhập Niết-bàn là con trai nhỏ nhất của vua Dhammàsoka. Vua Asoka, đến năm thứ 218 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, đã thống nhất toàn thể Ấn Độ trong một đế quốc. Vua

phong em trai thứ ngài là Tissa làm Phó vương, và vận động em ngài ủng hộ cho Giáo hội.

Còn ngài trong khi đi săn thấy Trưởng lão Mahà Dhammarakkhita ngồi dưới gốc cây, cảm xúc rất mạnh, tự mình muốn sống trong rừng. Khi ngài chứng kiến Trưởng lão hiện thần thông, ngài trở về lâu đài, và nói với vua Asoka ngài muốn từ bỏ cuộc đời thế tục. Vua Asoka không thể làm ngài thay đổi sự quyết định của mình. Tha thiết sống đời sống một ẩn sĩ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

537. Khi trước mặt sau lưng,
Không có một người nào,
Như vậy an lạc lớn,
Sống một mình trong rừng.
538. Ta sẽ đi một mình,
Đến ngôi rừng Phật khen,
Hưởng an lạc đã được,
Vị Tỷ-kheo thọ hưởng,
Nhờ sống đời tinh tấn,
Sống riêng chỉ một mình.
539. Ta sẽ gấp vào rừng,
Một mình, sống lý tưởng,
Ngôi rừng được loài voi,
Cuồng loạn sống tự do,
Trú xứ đem hoan hỷ,
Cho ẩn sĩ thiền định.

540. Trong ngôi rừng Sì-ta,
Với núi hang nước mát,
Sau khi rửa tay chân,
Ta kinh hành một mình.
541. Sống một, không sống hai,
Trong rừng lớn đẹp đẽ,
Ta sẽ sống tại đấy,
Việc xong, không lậu hoặc.
542. Như vậy, ta muốn làm,
Mong ước nguyện thành tựu,
Ta sẽ có lòng tin,
Không ai làm ai được.
543. Ta cột áo giáp lại,
Sẽ vào trong rừng sâu,
Ta không ra khỏi rừng,
Nếu chưa đạt lậu tận.
544. Trong khi gió nhẹ thổi,
Mát lạnh, thơm mùi hương,
Ta ngồi trên chỏm núi,
Ta sẽ phá vô minh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 149 of 353

545. Trên tấm thảm hang động,
Trải đầy những hoa rừng,
Ta hưởng lạc giải thoát,
Tại vòng đai núi rừng.
546. Chí nguyện ta viên mãn,
Giống như mặt trăng rằm.
Mọi lậu hoặc tận trừ,
Nay không còn tái sanh.
(CCXXXV) Mahà Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) (Thera. 58)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là Kappina. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi vua với tên là Mahà-Kappina. Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: 'Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời'. Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo

thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến Pháp báu và Tăng báu, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia. Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bổn Sư và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khất thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bến nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đảnh lễ đức Phật. Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: 'Hãy đến, các Tỷ-kheo', và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la- hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là vị thuyết pháp đệ nhất cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.
548. Với ai khéo tu tập,

Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như trăng thoát vùng mây.
549. Tâm ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.
550. Bậc có tuệ vẫn sống,

Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.
551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.
552. Pháp này thuộc hiện tại,
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.
553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đấy,
Pháp hữu tình là vậy.
554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.
555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.
556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 151 of 353

Họ làm tròn nhiệm vụ, Như chiếc thuyền vượt qua, Con sông nước tràn đầy.

(CCXXXVI) Cùla-Panthaka (Thera. 59)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập sớ Cùlasetthi- Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. Ta chậm chạp, tiến chậm,

Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, ngươi hãy về nhà.
558. Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sầu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.
559. Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.
560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta khăn lau chân;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.
561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.
562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
563. Pan-tha-ka hóa hiện,
Dưới hàng ngàn hình thức,
Ngồi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.
564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đảnh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.
566. Bậc nhận đồ tế vật,

Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.
(CCXXXVII) Kappa (Thera. 59)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một vua bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng. Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập quán bất tịnh, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chưa còn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.
563. Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.
569. Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.
570. Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.
571. Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đấy, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.
572. Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bộc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,
573. Hệ lụy năm triền cái, Ám ảnh bởi tâm tư, Đi theo gốc khát ái,

Che trùm bởi màn si.

574. Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,

Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.
575. Ai nghĩ 'thân của tôi',
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.
576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia. Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đảnh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

(CCXXXVIII) Upasena, Con Của Vanganta (Thera. 60)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là Upasena (anh của Sàriputta). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà. Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài. Rồi Upasena suy nghĩ: 'Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quở trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán'. Rồi tu tập thiền quán. Ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài chấp nhận lối sống hạnh đầu đà và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là đệ tử rất được nhiều người biết đến.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. Xứ viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.
578. Từ những đống rác rưới,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.
579. Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khất thực,

Căn hộ, khéo chế ngự.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 154 of 353

580. Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.
581. Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,
Tại gia và xuất gia.
582. Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.
383. Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bổn,
Tiết độ trong ăn uống.
584. Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.
585. Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bổn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.
586. Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.
Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

(CCXXXIX) Gotama (Thera. 61)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyển bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc) Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài

được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc. Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

587. Hãy biết hạnh phúc mình,

Quan sát lời nghe giảng, Đây cái gì thích hợp, Sa-môn hạnh mình theo.

588. Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.
589. Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.
590. Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.
591. Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.
592. Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo
593. Giới hạnh và học nhiều,
Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.
594. Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.
595. Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn là lực,
Thu Chánh đạo Tám ngành,

Đây hợp Sa-môn đạo.
596. Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.
Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và

chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

CHƯƠNG XI PHẨM MƯỜI MỘT KỆ

(CCXL) Sankicca (Thera. 62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong đời sống cuối cùng không thể chết được, trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di). Khi lên bảy tuổi, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài; ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo. Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập sớ Dhammapàla.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.
Rồi vị Trưởng lão, để nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.
599. Quạ đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.

600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.
601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tảng đá ấy ta thích.
602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 158 of 353

603. Hãy hại chúng, giết chúng!.
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.
604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.
605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.
606. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 159 of 353

CHƯƠNG XII PHẨM MƯỜI HAI KỆ

(CCXLI) Sìlavat (Thera. 63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisàra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sìlavat. Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajàtasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo Mahà Maggallàna đi mời ngài đến. Hoàng tử Sìlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajàtasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học giới,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,
Đưa đến mọi thành công.
609. Bậc trí hãy hộ giới,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.
610. Người trì giới, tự chế,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.
611. Người ác giới chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bậc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.
612. Khởi đầu, an trú giới,
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.
613. Giới hạn chế, phòng ngự,
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chư Phật,
Vậy hãy trong sạch giới
614. Giới sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới áo giáp hy hữu.
615. Giới, đầu cầu cường dại, Giới, hương thơm vô thượng,

Giới, hương thoa đệ nhất, Nhờ giới, bay bốn phương.

616. Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới vận tải, đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.
617. Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không định giới,
Ưu tư khắp các chỗ.
618. Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh thoát giải,
Kẻ trí khéo định giới,
Hân hoan, khắp các chỗ.
619. Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí tuệ, tối thượng,
Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.
(CCXLII) Sunìta (Thera. 63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đổ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói. Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khất thực và tìm đến con đường Sunìta đang quét dọn. Sunìta đang quét các đống rác gom lại từng đống, đổ vào thúng rồi gánh mang đi. Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bổn Sư đến gần, đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không? Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: 'Hãy đến này các Tỷ-kheo!'. Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. Phát triển thiền quán, ngài chứng được thắng trí thứ sáu. Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đảnh lễ ngài đã được ghi như sau:

Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đấng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đảnh lễ,
Trưởng lão Sunìta,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: 'Với giới sống Phạm hạnh' (kệ số 631). Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn rống tiếng con sư tử hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những

bài kệ như sau:

620. Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.
621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.
622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.
623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đảnh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.
624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.
Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: 'Hãy đến Tỷ-kheo',
Đại giới, ta thọ vậy.
Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như bậc chiến thắng dạy.
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chặng giữa,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,

Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khối si ám.
Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đảnh lễ ta,
Đảnh lễ bậc Thượng sanh!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.
Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 162 of 353

Nói với ta nghĩa này.
Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 163 of 353

CHƯƠNG XIII PHẨM MƯỜI BA KỆ

(CCXLIII) Sona-Kolivisa (Thera. 65)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn. Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một thân hình như bằng vàng mịn và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lâu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia. Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: ‘Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!'. Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài bài học của cây đàn, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập tịnh chỉ. Được

chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la- hán. Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.
633. Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bộc lưu.
634. Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.
635. Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.
636. Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.
637. Trên đường thẳng được thuyết,

Hãy bước, chớ quanh co, Hãy tự mình trách mình, Hãy đem Niết-bàn lại,

638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng ví dụ chiếc đàn,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.
639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba minh ta đạt được,

Lời Phật dạy làm xong.
640. Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.
641. Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.
642. Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.
643. Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.
644. Pháp ái bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 165 of 353

CHƯƠNG XIV PHẨM MƯỜI BỐN KỆ

(CCXLIV) Revata (Thera. 67)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII). Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi. Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. Từ khi xa xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi thánh, liên hệ sân.
646. Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết lòng từ,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.
648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.
649. Ta thích thú với tâm,
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.
650. Ta đạt được vô tầm,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.
651. Như núi đá không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.
652. Con người không uế nhiễm, Luôn tìm sự trong sạch,

Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói.

653. Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.
654. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.
655. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.
656. Đạo Sư, ta hầu hạ,

Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.
657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.
658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đấy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.
(CCXLV) Godatta (Thera. 67)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là Godatta. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán. Một hôm, một con bò ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng. Con bò tức giận vì sự tàn bạo của ngài nói lên giọng người: 'Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!'. Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: 'Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?' Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. Như con bò giống tốt, Được huấn luyện tốt đẹp,

Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.
660. Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.
661. Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,

Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.
662. Hân hoan, khi được lạc,
Gặp khổ lại chán chường,
Kẻ ngu bị não hại,
Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.
663. Những ai giữa khổ lạc,
Người dệt không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan chán chường
664. Đối với được hay mất,
Với danh với không danh,
Đối với chê hay khen,
Với khổ hay với lạc.
665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Như giọt nước trên sen,
Bậc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.
666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng không được,
Hơn được không đúng pháp.
667. Người có danh, ít trí
Người có trí, không danh,
Không danh nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.
668. Được khen bởi kẻ ngu,

Bị chê bởi kẻ trí, Được kẻ trí chê bai, Hơn được người ngu khen.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viễn ly sanh,
Khổ do viễn ly sanh
Hơn lạc do dục sanh.
670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm đúng pháp, có chết,

Hơn sống, làm phi pháp.
671. Ai đoạn dục phẫn nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.
672. Sau khi tu Giác chi,
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 169 of 353

CHƯƠNG XV PHẨM MƯỜI LĂM KỆ

(CCXLVI) Anna-Kondanna (Thera. 69)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la- môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là Kondanna. Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến đoán tướng. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đứa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia. Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc hai mươi chín tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong sáu năm sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đọa xứ). Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết kinh Chuyển Pháp Luân cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn Phạm Thiên chúng chứng được Sơ quả. Đến ngày thứ năm, nhờ bài kinh 'Vô Ngã Tướng', Kondanna chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là bậc Đệ nhất trong các hàng Tăng chúng Tỷ- kheo (Xem. Ang. i. 26). Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về Bốn sự thật, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

673. Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.
Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

674. Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,

Tướng tịnh rất hấp dẫn,
Liên hệ đến tham dục.
675. Như gió thổi tung bụi,
Được mây trấn áp xuống,
Các tư duy lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.
676. Mọi hành là vô thường
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhàm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.
677. Mọi hành là đau khổ,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhàm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 170 of 353

678. Mọi pháp là vô ngã,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhàm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.
Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy, và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. Trưởng lão Kondanna,
Giác ngộ bởi giác ngộ,
Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.
680. Hoặc bộc lưu, bẫy mồi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bẫy mồi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiền, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.
681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.
682. Bậc trí không hoảng hốt,

Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.
683. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưa não.
683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.
684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 171 of 353

685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.
686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.
687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Ta cần gì ở rừng.
(CCXLVII) Udàyin (Thera. 69)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn. Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là Kàludàyin (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và Đại Udàyin. Khi kinh Ví dụ con voi được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của vua Pasenadi được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phấn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiền định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.
690. Loài người đảnh lễ Ngài,
Bậc đạt được bờ kia,
Đối với hết thảy pháp,
Chư Thiên đảnh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.
691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.
692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ
Đứng trên đỉnh núi cao
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.
693. Rồi ta sẽ tán thán,

Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tốn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.
694. Chánh niệm và tỉnh giác,
Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là tín,
Ngà màu trắng là xả
695. Chánh niệm là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái vòi,
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.
696. Tu thiền, thở vô lạc,
Nội tâm, khéo định tỉnh,

Nàga đi, định tỉnh,
Nàga đứng, định tỉnh.
697. Nàga nằm, định tỉnh,
Nàga ngồi, định tỉnh,
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự
Đây thành tích Nàga.
698. Ăn đồ ăn không tội,
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,
Từ bỏ, không tích trữ.
699. Kiết sử tế hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.
700. Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.
701. Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.
702. Như đống lửa cháy đỏ,

Không củi tự tắt dần, Trong than tro lắng dịu, Được gọi lửa diệt tận.

703. Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.
704. Vô tham và vô sân,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

CHƯƠNG XVI PHẨM HAI MƯƠI KỆ

(CCXLVIII) Adhimutta (Thera. 71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ. Khi ngài đi, ngài bị các kẻ cướp bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục. Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.
706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy.
Adhimutta trả lời:

707. Chủ cướp! Tâm không khổ,
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.
708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.
709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.
710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc dược uống.
711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 175 of 353

712. Pháp tánh đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.
713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ẩn sĩ nói vậy.
714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm sanh hữu,
Như hòn sắt cháy đỏ.
715. Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?
716. Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thưa ngài.
717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.
718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.
719. Với thân ta, ngươi làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên sân, ái.
720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lông dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.
721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sầu não?
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 176 of 353

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.
723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.
724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.
725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập Giác Chi,
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.
(CCXLIX) Pàràpariya (Thera. 72)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là Pàràpariya. Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh 'Căn tu tập Indriyabhàvanà', nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia. Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng: 'Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này'. Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. Khi Tỷ-kheo tên là,
Pàràpariya,
Ngồi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,

Được khởi lên nơi ngài:
727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 177 of 353

728. Các căn của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm hại,
Có hộ trì, làm lợi.
729. Người chế ngự các căn,
Người phòng hộ các căn,
Người làm bổn phận mình,
Không làm hại một ai.
730. Con mắt đi đến sắc,
Không chế ngự ngăn chận,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.
731. Lỗ tai đi đến tiếng,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.
732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi hương,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.
733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ vị đắng tối thượng,
Bị ái vị nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.
734. Tưởng nhớ các cảm xúc,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.
735. Ý đối các pháp này
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khổ đi theo vị ấy.
736. Phần lớn các thân xác,

Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,
Thành hộp đẹp tô màu.
737. Cay đắng như vị ngọt,
Khổ do khả ái buộc,
Như dao bén dính mật,
Kẻ tham đâu có biết.
738. Ai tham đắm nữ sắc,

Nữ vị, nữ xúc chạm, Ai mê say nữ hương, Gặp nhiều loại đau khổ.

739. Mọi dòng từ nữ nhân,
Năm loại tràn năm xứ,
Người có tinh tấn lực,
Có thể ngăn chận chúng.
740. Người có đích, trú pháp,
Người thiện xảo, sáng suốt,
Hoan hỷ làm nghĩa vụ,
Liên hệ đến pháp, nghĩa.
741. Chìm trong việc lợi tạm,
Hãy bỏ việc không lợi,
Nếu nó nghĩ việc ấy,
Không phải việc nên làm,
Vị ấy không phóng dật,
Sáng suốt thấy rõ vậy.
742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đấy thật lạc tối thượng.
743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sầu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.
743. Như người mạnh đẽo gỗ,
Dùng nêm đánh bật nêm,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.
745. Tu tập tín, tấn, định,
Huấn luyện niệm, trí tuệ,

Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.
746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.
(CCL) Kelakàni (Thera. 298)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt

tên là Kelakàni. Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo.Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng tâm không an tịnh.
748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào bất tử,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.
749. Mắc lưỡi câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.
750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ già chết,
752. Bị nghi hoặc trói buộc,
Bị hăng say chi phối,
Khiến tánh tình phẫn nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng tham mạnh mẽ.
753. Bị cung ái bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững,
754. Các tùy kiến không đoạn,

Các tư niệm dao động, Bị chúng đâm, ta run, Như lá bị gió thổi,

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đấy sanh.
756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.
757. Có vị lương y nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta,
578. Bậc Pháp chủ tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.
759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,

Đầy man trá, tật đố,
Căng thẳng và hôn ám.
760. Sấm trạo cử nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.
761. Khắp nơi, dòng suối chảy,
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chận đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?
762. Tôn giả hãy làm đê,
Ngăn chận những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gấp,
Trôi cây chảy theo dòng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 181 of 353

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy bậc Đạo Sư,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với binh khí trí tuệ,
Chờ y chỉ cho người.
764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng lõi Chánh pháp,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!.
765. Leo lên lầu niệm xứ,
Từ đấy ta quán sát,
Loài Người ưa thân kiến,
Trước đây, ta tự hào.
766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy bến tối thượng.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy đường tối thượng,
Chấm dứt các pháp ấy.
768. Cột gút đã lâu ngày, ẩn nằm, trú trong da, Đức Phật cởi, quăng đi, Loại bỏ mọi độc hại.

(CCLI) Ratthapàla (Thera. 75)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố tên Ratthapàla và được gọi theo tên gia tộc, ngài được sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần. Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, Ratthapàla đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khất thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử. Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia. Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cám dỗ của họ:

769. Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ, Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,

Nhưng không gì trường cửu.

770. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bảo phủ,
Sáng chói nhờ y phục.
771. Chân sơn với son, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mẹ bậc cầu giác.
772. Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.
773. Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mẹ bậc cầu giác.

774. Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mồi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.
775. Bẫy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mồi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không. Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: 'Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?'. Vị trưởng lão trả lời: 'Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái'. Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo dục càng nhiều.
777. Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.

778. Vua và rất nhiều người,
Ai chưa chết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
Nhưng ở đời lòng dục,
Không bao giờ thỏa mãn.
779. Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vải, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.
780. Bị cây đâm, cây thọc,

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.
781. Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, nghiệp nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.
782. Tài sản không làm sao,
Mua được tuổi trường thọ;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được già suy.
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.
783. Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quỵ, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.
784. Do vậy tuệ thắng tài,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 184 of 353

Ác độc và bất thiện.

785. Nhập thai, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.
786. Như kẻ trộm bị bắt,

Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.
787. Các dục thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm tâm đắm say,
Với sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các dục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thưa Đại vương,
788. Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thưa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.
789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.
790. Thấy dục như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.
791. Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 185 of 353
792. Đạo Sư, ta hầu hạ,

Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.
793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.
(CCLII) Màlunkyaputta (Thera. 77).

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường. Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- Này Màlunkyaputta, Ông nghĩ thế nào? Những pháp mà Ông chưa bao giờ thấy nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại Ông không có lãnh thọ và đối với chúng, Ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy Ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?'.

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Ở đây, này Màlunkyaputta, khi Ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng,Ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời Ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ. Rồi Màlunkyaputta, nêu rõ ngài đã thâu nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy sắc, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Tâm nhập và an trú.
795. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
796. Nghe tiếng, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.
797. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,

Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 186 of 353

798. Ngửi hương, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.
799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
800. Nếm vị, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.
801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
802. Cảm xúc, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.
803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
804. Biết pháp, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.
806. Không tham nhiễm các sắc, Thấy sắc, giữ chánh niệm,

Tâm không tham cảm thọ, Không xâm nhập, an trú.

807. Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Từ bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
808. Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,
Không tham nhiễm các tiếng,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.
809. Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Từ bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.
810. Không tham nhiễm các hương,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.
811. Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.
812. Không tham nhiễm các vị,
Nếm vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,

Không xâm nhập, an trú.
813. Nếm vị như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.
814. Không tham nhiễm các xúc,
Cảm xúc giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. Cảm xúc như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.
816. Không tham nhiễm các pháp,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.
817. Cảm xúc như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.
Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đảnh lễ bậc Đạo Sư, rồi ra đi không bao lâu sau đó, phát triển thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán.

(CCLIII) Sela (Thera. 78)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà- la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là Sela. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đấy, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các Mantrà (thần chú) cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn. Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ- kheo. Biết được tám tánh thuần thục của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi ẩn sĩ Keniya, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn. Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi

có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: 'Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật'. Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. Thân trọn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn sắc vàng chói,
Răng trơn láng, tinh cần.
819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.
820. Mắt sáng, mặt tràn đầy,

Cân đối, thẳng, hoàn mỹ, Giữa chúng Sa-môn Tăng, Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.
822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.
823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!
Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.
826. Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?
Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đống vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 190 of 353

Thừa tự Như Lai vị.

828. Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.
829. Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng.,
Hỡi này Bà-la-môn.
830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.
831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,

Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.
Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn, muốn xuất gia và thưa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!
833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.
834. Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.
Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thắng!

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.
Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuần thục để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.

Thế Tôn nói: 'Hãy đến, Tỷ-kheo!' Rồi với thần lực của Bổn sư, tất cả đều có y và bình bát, đảnh lễ đức Phật, bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. Kính bạch bậc Pháp nhãn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.
839. Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.
840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.
841. Ba trăm Tỷ-kheo này,

Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.
(CCLIV) Bhaddiya kàligodhàyaputta (Thera. 80)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một dòng họ Sàkya, ngài được đặt tên là Bhaddiya. Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc. Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: 'Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!' Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời

ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tế nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.
843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
845. Thường khất thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
848. Ăn một bữa kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát,

Thiền tư, không chấp trước, Là con của Gô-dha.

849. Ăn trong bát, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
850. Không ăn thêm, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

851. Sống trong rừng, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
852. Ngồi gốc cây, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
853. Sống ngoài trời, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
854. Trú nghĩa địa, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
855. Tùy xứ trú, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
856. Sống thường ngồi, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
857. Ham muốn ít, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
858. Sống biết đủ, kiên trì, Vui đồ ăn đặt bát,

Thiền tư, không chấp trước, Là con của Gô-dha.

859. Hạnh viễn ly, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
860. Không giao du, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,

Là con của Gô-dha.
861. Sống tinh cần, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.
862. Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây quán đảnh thứ hai.
863. Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,
Ta đã sống sợ hãi.
864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.
865. An trú trên giới uẩn,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.
(CCLV) Angulimàlà (Thera. 80)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận con mình đã sanh trúng đám sao ăn trộm. Sáng sớm, ông đến chầu vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và khi được biết đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là Himsaka, và sau không thấy ngài làm hại ai nên

được gọi là Ahimasaka. Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở Takhasilà, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sự tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thời cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi. Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào rừng Jàlinì ở Kosalu núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài diều hâu rứt ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay). Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà. Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà mẹ vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chận không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay; nay là đời sống cuối cùng của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn. Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlinì dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy mẹ, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng. Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa- môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: 'Ta đứng rồi'.
Ta đứng, Ngài lại nói:
'Sao nhà ngươi chưa đứng?'
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.
Thế Tôn trả lời:

867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gậy trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,

Còn Ông thời chưa đứng.
Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, tuệ quán đạt đến mức thuần thục, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: 'Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta'. Ngài nói:

868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,
Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.
869. Nói xong, tên tướng cướp,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đảnh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.
870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.
Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.
872. Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chận lại,
Chói sáng thế giới này,

Như trăng thoát mây che.
873. Ai Tỷ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chói sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.
Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khất thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải thiêu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.

874. Mong rằng kẻ thù ta

Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta
Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta
Thân cận với những người
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.
875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về nhẫn nhục,
Tán thán về nhu hòa,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.
876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.
877. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.
878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,

Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.
879. Ta được tên Vô Hại,
Trước có tên Làm Hại,
Nay ta tên Chân Thật,
Ta không hại một ai.
880. Trước ta là tên cướp,
Lừng danh 'vòng ngón tay',
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.
881. Trước tay ta lấm máu,
Lừng danh, 'vòng ngón tay',
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.
882. Làm xong nhiều nghiệp vậy,

Dẫn đến sanh ác thú, Cảm thọ nghiệp dị thục, Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ ngu vô trí
Đam mê sống phóng dật,
Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.
884. Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.
885. Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.
886. Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba minh ta đạt được,

Lời Phật dạy, làm xong.
887.Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,
Tâm tư thật hứng khởi.
888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mẫn!
889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.
890. Ái ly, không chấp thủ, Căn hộ trì, chế ngự, Đoạn bỏ gốc tà ác,

Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.
(CCLVI) Anuruddha (Thera. 83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là Anuruddha.Anh của ngài là Thích-ca Mahànàma, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên. Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng Thiên nhãn. Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán cùng với thắng trí và vô ngại giải thù thắng. Ngài được Thế Tôn xác nhận là bậc Thiên nhãn đệ nhất. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phấn khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,

A-na-luật tu thiền.
893. Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới đạo thanh tịnh,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.
894. Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bộc lưu,
A-na-luật tu thiền.
895. Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.
896. Đi khất thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.
897. ẩn sĩ thâu, lượm lấy,

Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.
898. Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm,
899. Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không não loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.
900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện Bồ đề phần,
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.
901. Biết tâm tư ta vậy,

Thế gian Vô Thượng Sư,
Với thân do ý tạo,
Thần thông đến với ta.
902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật không ưa hý luận,
Ngài thuyết không hý luận.
903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
904. Suốt năm mươi lăm năm,
Ta không bao giờ nằm,
Trong hai mươi lăm năm,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.
905. Không thở vô thở ra,
Bậc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bậc có mắt Niết-bàn.
906. Với tâm không dao động,
Sống cảm thọ cuối cùng,
Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.

907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.

Rồi một Thiên nhân, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

908. Nay không còn tái sanh
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

909. Ai trong thời gian ngắn
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,
Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.
Rồi ngài nói lên nghiệp trước của ngài:

910. Đời trước ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bần cùng, phải làm lụng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.
911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.
912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,
Ta xuất gia không nhà.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 202 of 353

913. Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi Ba mươi ba,
Ta sanh làm Đế Thích.
914. Bảy lần làm Nhân chủ,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.
915. Từ đây bảy bảy lần,

Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.
916. Trong thiền định năm chi,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.
917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,
Ta trú thiền năm chi.
918. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.
919. Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.
(CCLVII) Pàràpariya (Thera. 84)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bổn Sư còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lực (năm căn và ý). Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bổn Sư đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung. Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp.

Câu kệ đầu do các vị chép sớ đặt vào:

920. Đây là những tư tưởng

Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trổ hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.
921. Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,

Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.
922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.
923. Vị ngon hay vị dở
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.
924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại dược phẩm,
Họ không quá tha thiết
Như đối lậu hoặc diệt.
925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.
926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Với cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích
Cho mình và cho người.
927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mướt.
928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Đại thiền, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,

Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy,
929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.
930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.
931. Uế nhiễm họ tăng trưởng, ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.
932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.
933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: 'Đây tốt hơn'.
934. Từ bỏ, xoay lưng lại,
Tài sản, con và vợ,
Do nhân muổng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.
935. Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.
936. Mọi mỹ nghệ thủ công, Họ tôn trọng học tập,

Nội tâm không an tịnh, Bỏ mặc hạnh Sa-môn.

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.
938. Cây tăm để xỉa răng,
Loại trái Ka-pit-tha
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khất thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.
939. Với các loại dược phẩm,
Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thế tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.
940. Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.
941. Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.
942. Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi , không vì nghĩa.
943. Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tàm quý liêm sỉ,
Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.
944. Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,

Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 206 of 353

945. Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.
946. Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.
947. Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay thời hậu lai,
Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.
948. Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn, ẩn sĩ đoạn tái sanh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 207 of 353

CHƯƠNG XVII PHẨM BA MƯƠI KỆ

(CCLVIII) Phussa (Thera. 87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là Phussa, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc. Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, chứng được sáu thắng trí.

Một hôm, một ẩn sĩ tên Pandara-gotta nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: 'Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!'. Rồi vị ấy hỏi

ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. ẩn sĩ Pan-đa-ra,
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.
950. Trong thời gian tương lai,
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.
951. ẩn sĩ Pan-đa-ra,
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.
952. Phẫn nộ và hiềm hận,
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,
953. Họ tự cho có trí,
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.
954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.
955. Trong Tăng chúng, những vị,

Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.
956. Trong Tăng chúng, những vị,

Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
Họ thường ở thể yếu,
Hổ thẹn thiếu nhiệt thành.
957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thâu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.
958. Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong giới,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ưa đánh nhau.
959. Họ trở thành tháo động,
Thường đắp y màu xanh,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.
960. Với tóc bôi dầu láng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp y màu trắng ngà,
Họ qua lại trên đường.
961. Y vàng được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhàm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp màu trắng.
962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.
963. Những ai sợ được lợi,

Luôn luôn ưa tà mạng, Họ học đòi người ấy, Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng không kính,
Bậc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.
965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.
966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.
967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ nghì.
968. Khi bậc sáu ngà thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.
969. Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trược,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.
970. Ai rời bỏ uế trược,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.
971. Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phấn chấn,
Không xứng áo cà-sa.
972. Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.
973. Ai kiêu ngạo phóng đãng,

Ngu si, không giới hạnh, Xứng đáng mặc áo trắng, Làm gì có cà-sa.

974. Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có tâm từ.
975. Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.
976. Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.
977. Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.
978. Đại nạn ấy chưa đến,
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.
979. Hãy có tâm từ bi,
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phấn chấn.
980. Thấy nguy hiểm phóng dật,
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.
Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình. Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

(CCLIX) Sàriputta (Thera. 89)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là

Rùpasàri; còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali. Vì cả hai là con của vị

gia trưởng nên được đặt tên là Upatissa và Kolita. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thục, cả hai đều thấy tất cả quần chúng hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm con đường giải thoát. Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết.

Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà- la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: 'Thiện lai Tỷ-kheo'.

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, Moggallàna, bảy ngày sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn Sàriputta, nửa tháng sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán. Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử đệ nhất về trí tuệ và thiền quán, và Sàriputta sau khi được tôn làm nguyên soái Chánh pháp, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.
982. Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.
983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.
984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối phải mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.
986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 212 of 353

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?
988. Nghe nhiều, có hiền trí,
Khéo định tĩnh trong giới,
Chuyên chú an chỉ tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.
989. Ai chuyên tâm hý luận,
Như thú ưa hý luận,
Rơi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.
990. Ai từ bỏ hý luận,
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.
Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em Revata (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. Tại làng hay trong rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.
992. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.
Rồi vị Trưởng lão,với lòng từ mẫn đối với Ràdha một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của Assaji-Runabbasu được tổ chức ở đồi Kità, Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 213 of 353

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.
996. Ta nghe, không uổng phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.
997. Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.
Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão tuệ đệ nhất,
U-pa-tis tu thiền.
999. Đầy đủ thiền vô tầm
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,

Ngay lúc ấy, đạt được
1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.
Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tấm y rơi xuống. Một Sa-di nói: 'Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình'. Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tấm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tầm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.
Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. Ta không hoan hỷ chết,

Ta không hoan hỷ sống, Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm.

1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.
Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dấn thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.
1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sầu muộn,
Chịu khổ trong địa ngục.
Rồi một hôm, thấy Tôn giả MahaKotthita, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,
Đọc chú, không cống cao,
Quét sạch các ác pháp,
Như gió quét lá cây.
1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,
Đọc chú, không cống cao,
Gạt ngoài các ác pháp,
Như gió quét lá cây.
1008. Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.
Câu kệ tiếp nói về các Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 215 of 353

Sau trở thành người tốt.

1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.
1011.Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.
1012. Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.
Để phân biệt sự sai khác, lấy Bổn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,

Phật, giải thoát thù thắng.
1014. Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiền định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham không ghét bỏ.
1015. Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp
Thường sống thật thanh lương.
Để nêu rõ bổn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.
Và khi ngài sắp nhận Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

1017. Tinh cần, chớ phóng dật,
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.
(XXLX) Ananda (Thera. 91)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh

đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là Ananda (Khánh Hỷ). Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantàni, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì Nàgasamàla, khi thì Nàgita, khi thì Upavàna, Sunakkhatta, Sa-di Cunda, Sàgata, Meghiya. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt. Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc. Từ chối không cho Ananda, y, đồ ăn, một phòng riêng và mời ăn, vì nếu không từ chối thời Ananda bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khất thực, phòng xá và mời ăn. Chấp nhận cho Ananda bốn việc là nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự; Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu; Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử; Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt. Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của

Ananda không đem lại thiện quả gì. Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu.

Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tăm xỉa răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm; ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi. Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo đệ nhất về năm phương diện: Đa văn, tâm tư cảnh giác, sức mạnh đi bộ, lòng kiên trì và sự hầu hạ chu đáo. Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, thiền quán suốt đêm, trong mái hiên nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh) được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo Devadatta:

1018. Hai lưỡi và phẫn nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,
Kẻ ác bạn kẻ xấu.
1019. Với bậc tin, dễ thương,
Vói bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.
Các bài kệ sau được nói lên khi nữ cư sĩ Uttarà, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say Ambapàli:

1020. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 217 of 353

1021. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.
Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,
Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.
1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.
1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.
Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.
Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

1026. Người ít nghe ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.
Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kẻ học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 218 of 353

1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,

Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.
1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tìm trên nghĩa lý.
1030. Chính nhờ đức kham nhẫn,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.
1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.
1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.
1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.
Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. Thân ích kỷ nặng chăng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo thân lạc,
Từ đâu, Sa-môn lạc?
Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên khi nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khỏi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.
1036. Người bạn đã đi qua, Đạo Sư đã đi qua,

Bạn như vậy không còn, Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.
Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.
1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chận ai.
Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là bậc thị giả đệ nhất:

1040. Trải hai mươi lăm năm
Ta chỉ là hữu học,
Dục tưởng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.
1041. Trải hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tưởng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.
1042. Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.
1043. Trải hai mươi lăm năm
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.
1044. Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.
1045. Khi đức Phật kinh hành,

Ta đi theo sau lưng, Khi pháp được thuyết giảng, Trí khởi lên nơi ta.

1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mẫn ta.
1047. Như vậy thật khủng khiếp
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi bậc toàn tuyệt hảo,
Bậc Giác ngộ Niết-bàn.
Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào để tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.
1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.
1050. Ngài là bậc ẩn sĩ,
Với hành vị tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.
Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.

CHƯƠNG XVIII PHẨM BỐN MƯƠI KỆ

(CCLXI) Mahà-Kassapa (Thera. 94)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyển pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên Pippali-mànava, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.Pippali- mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm tượng một thiếu nữ trẻ đẹp, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình. Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của Bhaddà, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila. Nhưng cả hai Pippali-mànava và Bhaddà đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái. Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn Mahà Kassapa đảnh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập mười ba hạnh đầu đà. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán. Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là đầu đà thứ nhất. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. Chớ du hành đi đầu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.
1053. Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hăng say tham vị,
Bỏ đích đem an lạc.
1054. Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình

Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như mũi tên tế nhị
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 222 of 353

Từ bỏ sự cung kính.

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với bốn vật dụng cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khất thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.
1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muỗng,
Khi bỏ vào muỗng ấy,
Ngón tay rời rơi vào.
1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.
1058. Miếng ăn đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới gốc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi người bốn phương.
III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ
Tỉnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực
Kassapa leo núi.
1060. Đi khất thực trở về

Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.
1061. Đi khất thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.
1062. Đi khất thực trở về

Ca-diếp leo tảng đá Ngồi thiền, không chấp thủ, Xong việc, không lậu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích
1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên 'kẻ chăn In-đa'
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.
1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Ví tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.
1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,
Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.
1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo

Hăng hái muốn phước lợi.
1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.
1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.

1070. Không đông chúng gia chủ
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.
1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,
Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.
1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chán thiền quán pháp.
V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.
1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.
VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. Chỉ lắp bắp cái môi,

Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đờ nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.
1076. Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đờ.
1077. Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 225 of 353

Ai không có dao động Trong các loại mạn này.

1078. Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.
1079. Ai giữa đồng Phạm hạnh
Không được có kính trọng,
Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.
1080. Những ai có tàm quý,
Thường chơn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.
1081. Tỷ-kheo cống cao động
Dầu đắp y đống rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.
1082. Không cống cao, không động,
Thận trọng, căn chế ngự,
Chói sáng với tấm y
Được lượm từ đống rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.
VII

Khi thấy chư Phạm thiên đảnh lễ ngài Sàriputta, và thấy Trưởng lão Kappina mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này
Có thần thông, lừng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.
1084. Đứng đảnh lễ, chấp tay
Đối ngài Xá-lợi-phất,
Vị tướng quân Chánh pháp
Sáng suốt, đại thiền định.
Đảnh lễ bậc Thượng sanh,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.
1085. Dựa vào gì, thiền tu, Chúng tôi không thắng trí.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 226 of 353

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được
Dầu chúng con hội đủ
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.
1087. Khi thấy Xá-lợi-phất
Xứng đáng được đảnh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đảnh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,
Liền mỉm cười vui vẻ.
VIII

Trưởng lão Kassapa rống lên tiếng rống sư tử của mình:

1088. Trong đám ruộng đệ tử
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.
1089. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.

1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được
Là con bậc Gotama!
Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.
1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên niệm xứ,
Tay dựa trên đức tin,
Với đầu là Trí tuệ
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 227 of 353

CHƯƠNG XIX PHẨM NĂM MƯƠI KỆ

(CCLXII) Tàlaputta (Thera. 97)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng. Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sâu khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào chư Thiên hay cười. Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán. Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,

Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?
1093. Khi nào ta sẽ là, ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt tham tâm,
Đoạn luôn cả sân, si,
Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.
1094. Khi nào ta thấy được
Thận này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?
1095. Khi nào ta sẽ lấy Gươm sắc bén trí tuệ, Chặt dây leo khát ái,

Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?
1096. Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gươm,
Gươm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ;
Với sức mạnh đập tan
Ác ma với Ma quân
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?
1097. Khi nào ta sẽ được
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn

Khi nào sẽ là vậy?
1098. Khi nào nhác đói khát
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không não hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?
1099. Khi nào ta có thể
Chánh niệm, gã định tĩnh
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?
1100. Khi nào ta sẽ chuyên
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?
1101. Khi nào ta bị nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,

Tâm tư được thỏa mãn. Khi nào ta sẽ vậy?

1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?
1103. Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sĩ đi.

Khi nào sẽ là vậy?
1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?
1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hãi hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?
1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?
1107. Khi nào như người nghèo
Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 230 of 353

II

1108. Nhiều năm ta được ngươi,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Ngươi sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, hỡi này tâm,

Do vì lý do gì,
Ngươi không có chuyên tâm?
1109. Này tâm, phải chăng ngươi,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.
1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, ngươi không
Bằng lòng với ta chăng?
1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.
1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,
Vọng động như con vượn.
1113. Các dục có nhiều vẻ. Dịu ngọt, rất khả ý, Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.
Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,
Dắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.
1114. Trong khu rừng vang lên,
Tiếng chim công, chim cò,
Chỗ trú xứ ưu tiên,
Của loài beo, loài cọp,
Ngươi sống tại chỗ ấy,
Chớ chờ đợi về thân,
Chớ có quá đam mê,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước,
1115. Hãy tu thiền, căn, lực
Hãy tu định giác chi,
Hãy giác chứng ba minh,
Trong lời dạy đức Phật,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1116. Hãy tu tập con đường
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có tám ngành,
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1117. Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa ngươi,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1118. Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm ngươi,

Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1119. Trọc đầu và xấu sắc,

Đi đến bị nguyền rủa,
Khi khất thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay ngươi có chú tâm,
Vào lời dạy Bổn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.
1120. Hãy đi trên con đường,
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý
Không ái luyến các dục,
Như trăng vào tháng tròn,
Không có bợn mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1121. Hãy sống trong rừng núi,
Ăn đồ ăn khất thực,
Sống tại chỗ nghĩa địa,
Mặc y lượm đống rác.
Chỉ có ngồi không nằm
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.
1122. Như người đã trồng cây,
Liền tìm cho được trái,
Nay ngươi ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ ngươi đã làm,
Khi ngươi khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.
1123. Ngươi, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,

Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của ngươi.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.
1124. Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 233 of 353

Khi ta đã bằng lòng, Này tâm, đối với ngươi.

1125. Ít dục được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hỡi này tâm,
Khi ngươi khích lệ ta,
Còn nay ngươi đi ngược,
Điều ngươi trước quen làm.
1126. Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.
1127. Này tâm, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời ngươi,
Trải qua nhiều đời sống,
Ngươi không tức giận ta,
Và thân nội sanh này,
Là lòng ngươi biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,
Khổ do chính ngươi tạo.
1128. Này tâm, chính ngươi làm

Tác thành con người ta,
Chính ngươi làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do ngươi,
Chính do ngươi tác thành.
1129. Chính do nhân nhà ngươi,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do ngươi tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngạ quỷ,
Tất cả đều do ngươi,
Chính do ngươi tác thành.
1130. Ngươi sẽ không lừa ta,

Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Ngươi chơi lừa phỉnh ta,
Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.
1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.
1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,

Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bộc lưu,
Rất khó được vượt qua.
1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.
1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.
1135. Kìa, kìa, hỡi này tâm,
Đích ta thật vững chắc,
Người sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hai miệng,
Gớm ghiếc thay cái vật,
Đầy chín dòng chảy nước.
1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống, Trên đảnh sườn núi cao,

Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đấy ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.
1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm ngươi thích,
Ngươi tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bón phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.
1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như người chủ nhà,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.
1140. Như vậy ta sẽ làm,
Giống như người chủ nhà,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn ngươi,
Rơi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.
1141. Với ngươi khéo nhiếp phục,
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện ngựa,
Với con ngựa thuần thục,
Ta có thể dấn bước
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. Ta sẽ trói chặt ngươi,
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì ngươi,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, ngươi sẽ thành,

Không dựa mọi sanh hữu.
1143. Với tuệ, chặt tà đạo,
Với lực, chận, hướng chánh
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Ngươi sẽ là thừa tự
Bậc phát ngôn tối thượng.
1144. Này tâm, ngươi dẫn ta,
Đến ngôi làng thô lỗ,
Khiến trú vào thế lực
Của bốn tưởng điên đảo,
Hãy đến, theo vị ấy
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.
1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Ngươi vào núi xinh đẹp
Có mây làm vòng hoa,
Tại đấy, không có người,
Trong rừng ngươi sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy
Ngươi sẽ đến bờ kia.
1146. Những ai còn rơi vào,
Thế lực ý muốn ngươi,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc ngươi cho
Không trí, bị rơi vào
Trong thế lực Ác-ma,
Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ ngươi,
Hỡi này tâm của ta.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 237 of 353

CHƯƠNG XX PHẨM SÁU MƯƠI KỆ

(CCLXIII) Mahà-Moggallàna (Thera. 104)

Đời ngài được kể với đời ngài Sàriputta (CCLIX). Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: 'Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh'. Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các giới do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán. Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng

ngài là bậc thần thông đệ nhất. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khất thực,
Bằng lòng với miếng ăn
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.
1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khất thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Dẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.
1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định
1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Dẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.
II

Với một kỹ nữ muốn cám dỗ ngài:

1151. Với am, sườn bằng xương, May dính với gân thịt, Gớm thay, đầy hơi thối!

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 238 of 353

Mang tay chân người khác, Làm thân thể của mình!

1152. Cái bị đựng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Với vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước

Luôn luôn được tuôn chảy.
1153. Thân Ngươi chín dòng nước
Hôi thối, tạo trói buộc,
Tỷ-kheo tránh thân ấy,
Như kẻ sạch tránh phân.
1154. Nếu người khác biết Ngươi
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi mưa tránh phân.
Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đảnh lễ vị Trưởng lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:
Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.
Bậc Trưởng lão:

1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác
Kẻ ấy chỉ thất bại.
1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến
Như chim rơi đống lửa.
1158. Hãy xem bóng trang sức
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng
Nhưng không gì trường cửu.
III

Khi được tin Trưởng lão Sàriputta viên tịch:

1159. Ôi, thật hãi hùng thay! Ôi! Lông tóc dựng ngược,

Bậc đủ nhiều đức tánh, Xá-lợi-phất nhập diệt.

1160. Các hành là vô thường
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.
IV

Nói về Trưởng lão Tissa:

1161. Những ai thấy năm uẩn,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.
1162. Những ai thấy các hành,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như têm đâm mũi tóc.
V

Nói về Trưởng lão Vaddhamàna
1163. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.
1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.
VI

Tuyên bố liên hệ đến kinh Pàsàdakamma:

1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tối hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.
VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.
1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,

Mang thân này tối hậu.
VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

1168. Giữa đồi Vebhàra,
Giữa đồi Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.
IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khất thực, ngài khuyến giáo người cháu của Sàriputta, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài Đại-ca-diếp, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,
Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.
1169. Hỡi này Bà-la-môn,
Hãy đảnh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ẩn sĩ trú vùng xa
An tịnh và thoải mái.
1170. Vị trải trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.
1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đảnh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.
1172. Vị ấy trước bữa ăn, Thấy được tám giải thoát.

Thuận hướng và nghịch hướng. Rồi mới đi khất thực.

1173. Chớ có đến tấn công
Một Tỷ-kheo như vậy,
Hỡi này Bà-la-môn,

Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý tín nhiệm
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đảnh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hỏng.
X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên Potthila:

1174. Người không thấy diệu pháp,
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.
1175. Như con sâu dính phân,
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.
XI

Tán thán Tôn giả Sàriputta:

1176. Hãy xem Tôn giả này
Xá-lợi-phất đẹp sắc,
Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.
1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thần chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.
XII

Do ngài Sàriputta nói lời tán thán Moggallàna:

1178. Có nhiều chư Thiên này,
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên
Tất cả Phạm phụ Thiên.

Họ đứng chấp hai tay Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ thượng sanh nhân!
Đảnh lễ vô thượng nhân!

Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.
1180. Được trời người đảnh lễ,
Đã sanh, bậc thắng chết,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.
1181. Vị trong một sát-na,
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ
Chết sống của mọi loài.
XIII

Mahà-Moggàllàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.
1183. Nhưng ta ngay giây phút
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thục với thần thông.
1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
Như voi bựt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.
1185. Ta hầu hạ Bổn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhổ sạch.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 243 of 353

1186. Sanh của ta đã tận,

Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới danh được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhổ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.
La mắng Màra đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. Địa ngục ấy thế nào,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kà-kùsandha.
1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.
1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.
1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.
1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.
1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển
Lầu mẹ Migàra.
1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,

Kanha chịu khổ thọ.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 244 of 353

1194. Với ngón chân rung chuyển,
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.
1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.
1196. Ai hỏi vị Sakka,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, ngươi có biết,
Ái tận được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.
1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.
1198. Ai từng hỏi Phạm thiên
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.
1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp
Các tà kiến thuở xưa.
1200. Tôi thấy sự huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?
1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì ngươi đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.
1202. Ai với sự giải thoát,

Cảm xúc Cao Sơn đảnh,
Rừng đông Videha
Và người nằm trên đất,
1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,

Hiểu biết rõ như vậy. Vì ngươi đánh Tỷ-kheo, Kanha chịu khổ thọ.

1204. Thật sự lửa không nghĩ:
'Ta đốt cháy kẻ ngu',
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.
1205. Cũng vậy này Ác-ma,
Ngươi đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.
1206. Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiễu hại Như Lai,
Ngươi nghĩ chăng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.
1201. Điều ác Ác ma làm,
Chất chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.
1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.
Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

CHƯƠNG XXI PHẨM BẢY MƯƠI KỆ (Đại Tập)

(CCLXIV) Vangìsa (Thera. 109)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Vangìsa và được dạy ba tập Vệ-đà. Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gõ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangìsa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác. Trong ba năm, Vangìsa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangìsa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangìsa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm. Thế Tôn bảo Vangìsa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangìsa có thể đoán số mạng ba hạng người kia nhưng đối với vị đã giải thoát thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn,
Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.
(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)
Sau khi nghe xong, Vangìsa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão Nigrodhakappa độ cho xuất gia rồi dạy cho quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán. Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185) và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo đệ nhất về thuyết pháp. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài Ananda và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

1209. Với ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.
1210. Nhà bắn cung thiện xảo,

Thượng sanh giỏi cung pháp, Ngàn người bắn khắp phía, Không nao núng chút nào.

1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,

Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.
1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.
1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, ngươi có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Ngươi không thấy đường ta.
II

Được nói khi nhiếp phục các cảm thọ của mình như sân hận v.v...

1214. Ta bỏ lạc bất lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rừng, ly tham,
Mới ứng danh Tỷ-kheo.
1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.
1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.
1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phàm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Tỷ-kheo.
1219. Vẹn toàn, tâm thường định,

Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,

Chứng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.
III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. Đệ tử Gotama,
Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.
1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.
1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dấn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.
1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với minh, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.
IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangìsa lại bị kích thích và tham dục khởi lên. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

1223. Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,

Vì lòng từ nói lên,

Pháp tiêu diệt lửa hừng.

Và Tôn giả Ananda trả lời:

1224. Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tướng,
Hệ lụy đến tham dục.
1225. Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,
Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.
1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.
V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về 'Sự vật được khéo nói', tán thán Thế Tôn:

1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là thiện thuyết.
1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là ái ngữ.
1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.
1230. Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 250 of 353

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phất đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.
1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.
1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,
Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.
VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong kinh Pavàranà (Tự Tứ):

1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.
1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.
1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.
1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bậc nhổ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính

Bậc dòng họ Mặt Trời.
VIII

Nói lên tán thán Thế Tôn khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo

Hầu hạ bậc Thiện Thệ, Ngài thuyết vô cấu pháp Niết-bàn vô bố úy.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.
1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,
Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.
1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangìsa,
Đảnh lễ dưới chân Ngài.
Rồi Thế Tôn hỏi:

- Này Vangìsa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy này Vangìsa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Vangìsa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chướng ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,
Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,

Thành từng phần rõ ràng.
1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bộc lưu nguy hiểm,
Chính trên pháp bất tử,
Được ngài thường tuyên thuyết
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thối chuyển.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 252 of 353

1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.
1245. Pháp như vậy khéo giảng
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,
Hãy đảnh lễ, tu học.
IX

Nói lên để tán thán Tôn giả Annà Kondannà (An-nhã Kiều-trần-như):

1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.
1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.
1248. Đại uy lực ba minh,
Thiện xảo tâm tư người,

Phật tử Kondannà
Đảnh lễ chân Đạo Sư.
X

Nói lên để tán thán Tôn giả Moggallàna, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

1249. Cao trên sườn đồi núi
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.
1250. Đại thần lực Mục-liên,

Quán tâm các vị ấy Biết họ được giải thoát Không còn có sanh y.

1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.
XI

Nói lên để tán thán Thế Tôn, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như mặt trăng giữa trời
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.
XII

Nói lên khi ngài mới chứng quả A-la-hán, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bổn sư:

1253. Thuở trước ta mê thơ,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,

Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác
Đạt bờ kia mọi pháp.
1254. Nghe pháp ta tín thành Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về uẩn, xứ và giới,
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.
1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.
1257. Vì hạnh phúc của họ, Mâu-ni chứng Bồ-đề,

Ngài thấy luật chi phối Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
Bốn sự thật khéo thuyết,
Bởi vị có con mắt
Phật, bà con Mặt Trời.
1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo Tám ngành,
Đưa đến khổ an chỉ.
1260. Như vậy là những điều
Được nói lên như thật,
Và ta được thấy họ
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.
1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.
1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt Ba minh, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.
XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là Nigrodha Kappa có nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng
Tại Aggàlava
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.
1264. Nigrodha Kappa
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đảnh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 255 of 353

1265. Bạch Thích-ca, chúng con
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tai chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con
Ngài là bậc Vô thượng.
1266. Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.
1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối thắng,

Giữa cặp mắt loài người.
1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.
1269. Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!
1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 256 of 353

Tất cả bọn chúng con, Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được
Điều được ước định làm.
1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,

Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!.
1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!.
1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chăng sống như vậy,
Là sống không uổng phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.
Thế Tôn:

1275. Vị ấy trên danh sắc
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 257 of 353

Vangìsa:

1276. Nghe vậy, con tịnh tín,
Với lời nói của ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.
1273. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,

Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thần chết xảo quyệt.
1278. Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.
1279. Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đảnh lễ kính Ngài!
Con đảnh lễ con Ngài!
Bậc tối thượng hai chân
Bậc Hậu duệ, Đại hùng!
Bậc Long tượng đích tôn.
Như vậy, Tôn giả Vangìsa nói lên những câu kệ của mình. -ooOoo-

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 258 of 353

3.2 TRƯỞNG LÃO NI KỆ PHẨM I TẬP MỘT KỆ

(I) Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên (Therì. 123)

1. Hãy ngủ trong an lạc
Hỡi nàng thân đẫy đà,
Đắp phủ trong tấm y,
Chính mình tự làm lấy,
Lòng tham, nàng lắng dịu,
Như ghè khô trong lò!
Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở Vesàli (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đẫy đà, nàng được gọi là nàng đẫy đà. Nàng trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo Sư đến Vesàli, nàng tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi nàng nghe Trưởng lão Ni Mahàpajàpati thuyết pháp, nàng muốn xuất gia và thưa với chồng ý nguyện của nàng. Người chồng không cho, nên nàng tiếp tục làm tròn bổn phận của nàng, suy tư đến những lời dạy dịu dàng của giáo pháp và chú tâm đến thiền quán. Rồi một ngày kia, trong khi đang ở trong bếp và nấu món ăn, một ngọn lửa mạnh bừng cháy và thiêu tất cả món ăn với những tiếng cháy xèo xèo, nàng lấy đó làm đề tài để thiền quán về tánh vô thường của sự vật, và chứng được quả Bất Lai. Rồi nàng không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, nàng trả lời nàng không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa nàng đến Trưởng lão Ni Mahàpajàpàti Gotami, và bằng lòng để nàng xuất gia. Mahàpajàpàti làm lễ xuất gia cho nàng và đưa nàng đến yết kiến đức Phật. Bậc Đạo Sư giải thích về đề tài thiền quán của nàng và nói lên bài kệ này.

Khi nàng chứng quả A-la-hán, nàng lập lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của nàng.

(II) Muttà (Therì. 123)

(Bài kệ này Thế Tôn thường nói lên để khích lệ Muttà khi nàng còn đang học tập).

2. Hỡi này, giải thoát Ni
Hãy giải thoát các ách,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Miệng hàm của Ràhu,
Với tâm tư giải thoát,
Khỏi nợ nần trói buộc,
Hãy thọ hưởng món ăn,
Do khất thực đem lại.

Đây là bài kệ của giới học nữ Muttà. Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con gái của một Bà-la-môn, có danh vọng ở Sàvatthi. Đến năm hai mươi tuổi, các điều kiện chín muồi, nàng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Mahàpajàpati Gotami, và học tập thiền quán. Một hôm, sau khi khất thực, sau khi làm các phận sự đối với các Trưởng lão Ni xong, nàng tìm một chỗ thanh vắng để ngồi thiền, tập trung tư tưởng vào nội tâm. Rồi bậc Đạo Sư, ngồi trong hương phòng ở tinh xá phóng ra hào quang, xuất hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ trên. Còn nàng, vững tin với lời giáo giới ấy, không bao lâu chứng được quả A-la-hán và khi chứng quả nói lên lại bài kệ này. Sau khi tu hành thành đạt, được đề nghị lên những hàng giáo phẩm, nàng vẫn đọc bài kệ này, khi sắp sửa mệnh chung.

(III) Punnà (Therì. 123)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con một gia đình trưởng giả ở Sàvatthi và tên là Punnà. Khi nàng đến hai mươi tuổi và nghiệp duyên thành thục, nàng nghe Mahàpajàpati thuyết pháp và xuất gia. Khi trở thành một giới học nữ, nàng bắt đầu thiền quán, và bậc Đạo Sư từ nơi hương phòng của Ngài phóng hào quang và nói lên bài kệ này:

3. Hỡi này, thành Mãn ni,
Hãy tràn đầy Chánh pháp,
Như mặt trăng tròn đầy,
Trong ngày rằm trăng tròn,
Hãy tràn đầy trí tuệ,
Phá tan khối si ám.

Sau khi nghe bài kệ này, thiền quán được tăng trưởng và nàng chứng quả A-la-hán. Bài kệ này nói lên lòng phấn khởi và xác chứng chánh trí của nàng.

(IV) Tissà (Therì. 123)

Bài kệ sau này là của Tissà, một giới học nữ trải qua nhiều đức Phật, nàng tích lũy các công đức, và trong đời đức Phật hiện tại, nàng được tái sanh ở Kapilavatthu

(Ca-tỳ-la-vệ) trong gia đình quý tộc Thích-ca, được tuyển vào nội cung của vị Bồ-tát. Nàng cùng với Mahàpajàpati xuất gia và tu tập thiền quán. Bậc Đạo Sư hiện ra trước nàng và nói lên bài kệ:

4. Tissà hãy học tập,
Học trong những học pháp,
Chớ để cho các ách,
Vượt khỏi chi phối nàng.
Hãy sống không liên hệ,
Mọi ách không trói buộc,
Sống giữa thế giới này,
Không có các lậu hoặc.
Và nàng nghe bài kệ này, được tăng trưởng thiền quán và chứng quả A-la-hán. Sau đó nàng thường đọc lên bài kệ này.

(V) Một Tissà Khác (Therì. 123)

5. Tissà, hãy cột tâm
Tập trung trên các pháp,
Chớ để từng sát-na
Uổng phí vượt khỏi nàng!
Những sát-na đã qua
Họ sầu muộn, đau khổ,
Khi họ bị rơi vào
Trong cảnh giới địa ngục.
(VI) Dhìra (Therì. 124)

6. Dhìra, hãy cảm xúc, Những cảm chứng đoạn diệt, Tịnh chỉ các vọng tưởng,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 260 of 353

Là chân chánh an lạc, Hãy thuận hướng Niết-bàn, Ách an ổn, vô thường.

(VII) Một Dhìra Khác (Therì. 124)

7. Dhìra, hãy kiên trì,
Nắm giữ các thiện pháp,
Hỡi này Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Hãy mang cái thân này,
Là cái thân cuối cùng,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma nữ quân lực,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma với quân lực.

(VIII) Mittà (Therì. 124)

8. Hỡi này Mittà bạn!
Với lòng tin xuất gia,
Hãy tu tập rèn luyện,
Hân hoan trong bạn lành,
Hãy tu tập rèn luyện,
Trong các pháp hiếu thiện,
Cố gắng đạt cho được,
An ổn khỏi ách nạn.
(IX) Bhadhà (Therì. 124)

9. Hỡi Bhàdha hiền thiện,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy sống vui hoan hỷ,
Trong các pháp hiền thiện,
Hãy tu tập rèn luyện,
Trong các pháp chí thiện,
Cố gắng đạt cho được,
An ổn khỏi ách nạn.
(X) Upasanà (Therì. 124)

10. Hỡi Upasanà
Hãy vượt dòng nước mạnh,
Dòng nước khó vượt qua,
Bị thần chết chi phối,
Hãy mang cái thân này,
Là cái thân cuối cùng,
Sau khi đã chiến thắng,
Ác ma với quân lực.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 261 of 353

Sáu Tỷ-kheo-ni này, câu chuyện giống như Tissà (VI) trừ Dhirà, được gọi là một Dhirà khác. Nàng không được bài kệ nào đọc cho nàng, nhưng nàng cảm thấy dao động khi được nghe lời Phật dạy. Dựa trên những lời này nàng tinh tấn thiền nhất quán, và khi nàng chứng được quả A-la-hán, nàng nói lên sự sung sướng của nàng. Các Tỷ-kheo-ni khác cũng có thái độ tương tự.

(XI) Muttà (Therì. 123)

Nhờ tích lũy các thiện nghiệp dưới thời các đức Phật khác, Muttà được sinh ở Kosalà, con gái của một Bà-la-môn nghèo tên là Oghàtaka. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phải làm vợ một người Bà-la-môn còm, nhưng nàng thưa với chồng rằng nàng không thể sống trong gia đình và được chồng bằng lòng cho nàng xuất gia. Trong khi thiền

quán, tâm tư vẫn chạy theo các đối tượng ở ngoài. Do vậy, nàng kiên trì tự chế ngự và đọc lên bài kệ của nàng. Nàng tinh tấn thiền quán cho đến khi nàng chứng được quả A-la- hán. Rồi hân hoan nàng lập lại bài kệ:

11. Lành thay giải thoát Ni,
Ta thật khéo giải thoát,
Giải thoát ra khỏi được,
Ba vật còm và cong,
Thoát cối xay, cái chày,
Thoát ông chồng lưng còm,
Hỡi này giải thoát Ni!
Ta thoát được sống chết,
Những gì dẫn tái sanh,
Được nhổ lên tận gốc.
(XII) Dhammadinnà (Therì. 124)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành vợ của Visàkha, một người có địa vị trong xã hội. Một ngày kia, chồng nàng đi nghe đức Phật thuyết pháp, chứng được quả Bất lai. Khi Visàkha về, Dhammadinnà đưa tay ra đỡ chồng lên gác, nhưng người chồng không nắm tay và không nói với nàng trong bữa ăn chiều. Nàng hỏi chồng duyên cớ, người chồng nói không phải vì lỗi gì của nàng, nhưng nay vì đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cử chỉ như trước nữa. Người chồng trả quyền tự do cho nàng, một là ở lại gia đình người chồng, hai là lấy tiền bạc rồi về lại gia đình cha mẹ, nhưng nàng không chịu, và xin được xuất gia.Visàkha đưa nàng đến các Tỷ-kheo-ni trong một chiếc kiệu vàng. Được cho phép xuất gia, nàng xin sống nhập thất, không muốn sống chung đụng ồn ào và đi đến một tinh xá ở làng. Tại đấy, nhờ những thiện nghiệp quá khứ, nàng chế ngự thân, miệng, ý, chứng được quả A-la-hán, với Tứ vô ngại giải: Nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện tài vô ngại giải. Rồi nàng đi về Ràjagaha (Vương Xá), với các Tỷ-kheo-ni. Visàkha chồng cũ của nàng đến hỏi pháp, nàng như đã được diễn tả trong kinh Tiểu Vedalla (M.i. 299), nàng trả lời rất rõ ràng đúng đắn các câu hỏi của Visàkha và được đức Phật tán thán. Nàng trở thành thuyết pháp đệ nhất trong hàng các Tỷ-kheo-ni. Chính trong khi nàng ở lại một tinh xá ở làng và nàng nói lên bài kệ này:

12. Trong ai, lòng ước muốn,
Đạt được quả vô sanh,
Được sanh khởi tỏa rộng,
Đầy tràn cả tâm ý,
Tâm không bị trói buộc,
Trong các dục chi phối,
Vị ấy được tên gọi

Là bậc vào dòng trên.

(XIII) Visàkhà (Therì. 124)

Câu chuyện của Visàkhà cũng giống như câu chuyện của Dhìra. Sau khi chứng quả A-la-hán, nàng suy tư trên lạc giải thoát và nói lên chánh trí nàng đã chứng được, để khuyến khích đồng bạn tu hành.

13. Hãy làm, hãy thực hành
Đúng theo lời Phật dạy.
Và sau khi làm xong,
Không có lòng ăn năn,
Hãy gấp rửa chân sạch,
Và ngồi xuống một bên.
(XIV) Sumànà (Therì. 124)

Câu chuyện của nàng giống như chuyện của Tissà phóng hào quang, đức Phật hiện ra ngồi trước mặt nàng và nói lên bài kệ này:

14. Sau khi thấy các giới,
Với cái nhìn đau khổ,
Chớ có đi trở lại,
Vào con đường tái sanh,
Hãy từ bỏ, xả ly
Lòng dục trong sanh hữu,
Sống đời sống hành trì,
Ta mát lạnh tịch tịnh.
(XV) Uttarà (Therì. 125)

Câu chuyện của Uttarà cũng giống như câu chuyện của Tissà (IV). Và khi nàng chứng quả A-la-hán, nàng nói lên bài kệ này:

15. Ta đã chế ngự được,
Thân miệng và tâm tư,
Ta chinh phục khát ái,
Cho đến tận gốc rễ,
Ta sống được mát lạnh,
Trong tịch tịnh, an lặng.
(XVI) Sumànà Xuất Gia Khi Tuổi Già (Therì. 125)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàvatthi làm chị của vua Kosala. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, bắt đầu với bốn chữ: 'Có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường...' (S. I, 68), nàng khởi lên lòng tin, thọ tam quy và ngũ giới.Vì mắc hầu hạ bà ngoại, nàng không xuất gia được. Sau khi bà ngoại mất, nàng cùng đi với vua tới tịnh xá, đem theo nhiều màn, nhiều vải cúng dường giáo hội. Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp,

nàng chứng được quả Bất hoàn và xin được xuất gia và Thế Tôn thấy được sự trưởng thành trong trí tuệ của nàng nên nói lên bài kệ này:

16. Hỡi này, lão Ni kia,

Hãy an lạc nằm nghỉ,
Đắp phủ trong tấm y,
Chính tự mình làm lấy,
Lòng tham người an tịnh,
Người mát lạnh tịch tịnh.
Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được quả A-la-hán, với thấu triệt pháp, thấu triệt nghĩa. Trong sự sung sướng nội tâm, nàng lập lại những câu kệ này và chúng trở thành lời tuyên bố chánh trí của nàng. Rồi nàng được xuất gia ngay.

(XVII) Dhammà (Therì. 125)

Sau khi chất chứa công đức trong nhiều đời, nàng được sanh trong một gia đình quyền quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lấy chồng, nàng được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Nàng chờ cho khi chồng mất, mới xuất gia. Một hôm, sau khi khất thực, trên con đường về tinh xá, nàng mất thăng bằng bị ngã. Dùng sự kiện ấy để thiền quán, nàng chứng được quả A- la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, nàng nói lên bài kệ;

17. Sau khi khất thực xong,
Yếu sức, chống trên gậy,
Với chân tay run rẩy,
Ta ngã trên mặt đất,
Thấy nguy hiểm của thân,
Tâm ta được giải thoát.
(XVIII) Sanjhà (Therì. 125)

Đời nàng giống như đời của Tỷ-kheo-ni Dhìra, nhưng bài kệ của nàng như sau:

18. Bỏ gia đình, xuất gia,
Ta từ bỏ con cái,
Từ bỏ gia súc quý,
Từ bỏ tham và sân,
Còn đối với vô minh,
Ta sống hạnh viễn ly,
Sau khi chinh phục được,
Tận gốc cả tham ái,
Ta được sống mát lạnh,
Tịch tịnh và an lặng.

PHẨM II TẬP HAI KỆ

(XIX) Abhirùpa Nandà (Therì. 125)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Kapilavatthu, con gái vợ chính của vua Khemaka, dòng họ Thích-ca (Sakya), tên là Nandà. Vì nàng rất đẹp nên được tên là Abhirùpa Nandà (Nandà đẹp). Ngày nàng lựa Carabhùta làm chồng, thời Carabhùta mệnh chung và cha mẹ cưỡng bức nàng xuất gia. Sau khi đã xuất gia, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của nàng, và sợ bậc Đạo Sư quở trách, nàng lẫn tránh Ngài. Thế Tôn biết được hạnh nàng đã thuần thục nên bảo Mahàpajàpati quy tụ mọi Tỷ-kheo-ni lại để Ngài dạy bảo, nàng nhờ người khác đi thế. Đức Phật không chấp nhận nên nàng phải đến dự. Đức Phật hóa sanh một nữ nhân rất đẹp, nhưng dần dần bị già nua, yếu hèn và nàng bị xúc động mạnh. Rồi đức Phật nói với nàng những bài kệ như sau:

19. Này Nandà, hãy nhìn,
Tấm thân chỗ quy tụ,
Nhiều bệnh hoạn, bất tịnh,
Đầy hôi hám thối nát,
Tâm nàng hãy tu tập,
Quán tri tánh bất tịnh,
Đạt cho được nhất tâm,
Tâm tư khéo thiền định.
20. Hãy tu tập vô tướng,
Hãy bỏ mạn tùy miên,
Do thắng tri được mạn,
Nàng sẽ sống an tịnh.
Khi Thế Tôn nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Nói lại cho nàng những bài kệ này, nàng xem các bài kệ là lời tuyên bố chánh trí của nàng.

(XX) Jentì (hay Jentà) (Therì. 125)

Câu chuyện về đời sống quá khứ, về hiện tại của nàng giống như câu chuyện của Nandà đẹp. Nhưng nàng sanh ở Vesàli, tại một gia đình hoàng tộc Licchavi. Nàng chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi, trên tự thân, nàng sung sướng nói lên bài kệ này:

21. Chính Bảy giác chi này
Là đường đạt Niết-bàn,
Tất cả, ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.
22. Ta thấy được Thế Tôn,
Đây thân tụ cuối cùng
Vòng sanh tử đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.
(XXI) Mẹ Của Sumangala (Therì. 126)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình nghèo và được gả lấy một người đan mây

làm chồng. Nàng sanh được một người con trai tên Sumangala, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Nàng không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của Sumangala. Nàng trở thành một Tỷ-kheo-ni và một hôm nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, nàng cảm thấy xúc động và với thiền quán phát triển, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ, nàng nói lên bài kệ như sau:

23. Hỡi thiện giải thoát Ni,
Lành thay khéo giải thoát,
Ta được khéo giải thoát,
Khỏi cái chày giã gạo,
Ta không còn xấu hổ,
Với ông chồng đan dù,
Với soong chảo nấu ăn,
Với nghèo đói tồi tàn.
24. Chặt đứt được tham sân,
Ta sống không tham sân,
Ta đi đến gốc cây,
Ôi, an lạc ta thiền.
(XXII) Addhakasi (Therì. 126)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Kàsi con của một công dân giàu có và có danh tiếng. Nhưng vì ảnh hưởng của khẩu nghiệp của đời trước nàng trở thành một kỹ nữ. Về sau nàng xuất gia và được làm lễ xuất gia với một vị đại diện đặc biệt được ghi trong tập Cùla vagga (Tiểu phẩm)

Nàng muốn đi đến Sàvatthi để được xuất gia nhưng bị dân làng ăn chơi ở Benerees chận đường không cho nàng đi. Nàng cho người đến hỏi ý kiến Thế Tôn và Thế Tôn cho phép nàng được xuất gia với một vị đại diện đặc biệt. Rồi nàng nhứt tâm quán tưởng và không bao lâu chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi nàng nói lên bài kệ như sau:

25. Tiền lạc thú của ta,
Không thua thuế Kàsi,
Sau khi so sánh giá,
Thôn trưởng định giá vậy.
26. Nay ta lại nhàm chán,

Chính sắc đẹp của ta,
Ta chán ngấy sắc ấy,
Ta không còn luyến tiếc.
Ta chớ có liên tục,
Chạy theo vòng luân hồi,
Ba minh ta chứng được,
Thành tựu lời Phật dạy.
(XXIII) Città (Therì. 126)

Nàng được sanh vào một gia đình ưu tú ở Ràjagaha (Vương Xá), khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở cửa thành Ràjagaha, trở thành một tín nữ và được Mahàpajàpati cho xuất gia. Sau khi nàng về già, trong khi leo núi Linh Thứu, với thiền quán được phát triển, nàng chứng quả A-la-

hán. Suy nghĩ đến kết quả này, nàng nói lên bài kệ:

27. Dầu ta có mỏi mệt,
Bệnh hoạn quá yếu đuối,
Dựa trên gậy ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.
28. Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta dựa mình tảng đá,
Phá tan khối si ám.
(XXIV) Mettikà (Therì. 126)

Nàng được sanh làm con một gia đình quyền quý Bà-la-môn ở Ràjagaha. Đời nàng cũng giống như đời của Città chỉ khác là nàng leo một ngọn núi khác, đối diện với núi Linh Thứu. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ:

29. Dầu ta có đau đớn,
Sức yếu, tuổi trẻ qua,
Dựa trên gậy, ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.
30. Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta ngồi trên tảng đá,
Tâm ta được giải thoát.
Ba minh chứng đạt được,
Thành tựu lời Phật dạy.
(XXV) Mittà (Therì. 127)

Nàng được sinh ra trong gia đình công chúa Sakya (Thích-ca) ở Kapilavatthu, từ bỏ gia đình xuất gia cùng với Mahàpajàpati, rồi sau những năm tháng tu hành cần mẫn, nàng chứng được quả A-la-hán nghĩ đến thành quả của mình, nàng vui vẻ nói lên những bài kệ này:

31. Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày mồng tám giữa tháng,
Ngày thần túc nguyệt phần,
Ta thọ trì tám giới.
32. Ta gìn giữ trai giới,
Khiến chư Thiên hoan hỷ,
Mỗi ngày ăn một bữa,
Cạo đầu đắp đại y,
Ta đâu muốn thiên giới,
Ta nhiếp phục tâm khổ.
(XXVI) Mẹ Của Abhayà (Therì. 127)

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 267 of 353

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh là một hoa khôi ở Ujjenì, tên là Badumavati. Vua Bimbisàra ở Magadha nghe tiếng và muốn gặp nàng. Với sự giúp đỡ của vị giáo sĩ của vua, vua được gặp nàng và nàng có thai với vua. Vua bảo khi nào nó lớn thì đưa vào cung. Nàng sinh được một đứa con trai, đặt tên là Abhaya (Vô Úy). Khi được bảy tuổi, nàng gửi con trai đến vua Bimbisàra và vua thương yêu nó và nuôi dưỡng nó với các người con khác của vua. Sau này đứa trẻ lớn lên tin theo đạo Phật, xuất gia, như đã được tường trình trong Trưởng lão Tăng Kệ. Về sau, mẹ của Abhaya nghe Abhaya thuyết pháp, cũng xin xuất gia và sau một thời gian tu hành, chứng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ. Nàng nhớ lại những câu kệ do con nàng giảng cho nàng và thêm vào những bài kệ của chính nàng:

33. Hỡi thân mẫu thân yêu!
Từ bàn chân trở lên,
Từ đầu tóc trở xuống,
Hãy quán sát thân này,
Thân này thật bất tịnh,
Thật hôi hám thối tha.
34. Ta an trú như vậy,
Mọi tham dục nhổ sạch,
Nhiệt não được đoạn trừ,
Ta mát lạnh, tịch tịnh.
(XXVII) Abhaya (Therì. 127)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujenni, tại một gia đình quyền quý và trở thành bạn thân với mẹ của Abhaya. Khi nghe mẹ của Abhaya xuất gia, Abhaya vì

thương mẹ của nàng nên cùng xuất gia theo. Cùng ở tại Ràjagaha (Vương Xá), một hôm nàng đi đến một khu vườn để quán bất tịnh. Bậc Đạo Sư tại hương phòng, Ngài hiện cho nàng thấy đối tượng nàng muốn thiền quán. Thấy hình ảnh ấy, nàng hốt hoảng. Bậc Đạo Sư phóng hào quang hiện ra như ngồi trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

36. Hỡi này vô úy Ni!
Thân này thật mỏng manh,
Chính ở đây phàm phu,
Ưa thích, thường tham đắm.
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm
Chú tâm không phóng dật,
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy.
Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán, hoan hỷ, nàng hướng các bài kệ về nội tâm như là những bài kệ nói lên cho mình.

(XXVIII) Sàmà (Therì. 127)

Do làm các thiện sự trong các đời trước, trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Kosambi, trong một gia đình có danh vọng. Khi Samàvati, bạn thân của nàng chết, vì quá đau khổ, nàng xuất gia. Nhưng vì không nhiếp phục được đau khổ đối với bạn của nàng, nàng không nắm được con đường Thánh đạo. Một thời, khi ngồi nghe Tôn giả Ananda thuyết pháp, nàng chứng được Pháp nhãn và bảy ngày sau nàng

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 268 of 353

chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ.

Suy tư đến quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này:

37. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tinh xá,
Nhưng tâm không an tịnh,
Không nhiếp phục được tâm.
38. Nhưng đến đêm mồng tám,
Ái được ta nhổ sạch
Chú tâm không phóng dật,
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 269 of 353

PHẨM III TẬP BA KỆ

(XXIX) Một Sàmà Khác (Therì. 127)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc ở Kosambi, nàng cũng trở thành người bạn của Sàmàvati, khi Sàmàvati chết đi, vì quá đau khổ, nàng xuất gia. Trong hai mươi lăm năm nàng không nhiếp phục được tâm nàng, cho đến khi trở về già, nàng nghe được một bài thuyết pháp, tu tập thiền quán, chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư đến quả chứng này, nàng nói lên bài kệ:

39. Đã được hăm lăm năm, Từ khi ta xuất gia.

40. Ta không thắng tri tâm,
Không được tâm thăng bằng,
Tâm không được an tịnh,
Không nhiếp phục được tâm
Do vậy ta dao động,
Nhớ đến lời Phật dạy.
41. Chú tâm không phóng dật
Ta gắng thoát pháp khổ,
Ái diệt, ta chứng đạt,
Thành tựu lời Phật dạy
Hôm nay đêm mồng bảy,
Khái ái được khô cạn.
(XXX) Uttama (Therì. 128)

Sau nhiều đời làm việc lành, nàng được sanh trong nhà một triệu phú ở Sàvatthi, trong thời đức Phật hiện tại. Khi nàng lớn tuổi, nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp và xin xuất gia. Nhưng nàng chưa chứng được quả vị thiền quán. Patàcàrà biết được tâm trạng của nàng, nên thuyết giảng cho nàng và nhờ vậy nàng chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên sự sung sướng của nàng.

42. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tinh xá.
Nhưng tâm không an tịnh,
Không nhiếp phục được tâm.
43. Ta đến Tỷ-kheo -ni,
Với ta đồng tín nữ,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Với uẩn, xứ và giới.
44. Nghe xong pháp nàng thuyết, Như nàng đã dạy ta,

Bảy ngày ngồi kiết-già,
Ta thọ hưởng hỷ lạc,
Mồng tám ta duỗi chân,

Phá tan khối si ám.
Bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của nàng.

(XXXI) Một Uttarà Khác

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng xuất gia, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. Bảy pháp giác chi này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.
46. Do quán không vô tướng
Ta đạt quả mong muốn,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.
47. Trong an lạc Niết-bàn,
Mọi dục được đoạn diệt,
Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
(XXXII) Dantikà

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi trong gia đình vị giáo sĩ nhà vua. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành tín nữ ở Jetavana (Kỳ Viên) và về sau xuất gia, dưới sự chỉ đạo của Mahàpajàpati. Một thời khi đang ở Ràjagaha (Vương Xá), nàng leo lên núi Linh Thứu; và sau buổi ăn, khi đang còn ngồi nghỉ, nàng thấy một người nài điều khiển một con voi; và nhờ vậy nàng chứng quả A- la-hán; với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Về sau, vô cùng hân hoan với quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ như sau:

48. Ra khỏi ngôi tinh xá,
Để nghỉ trưa ban ngày,
Trên đỉnh núi Linh Thứu,
Ta thấy một con voi,
Dầm nước xong đi lên,
Trên bờ một con sông.
49. Một người cầm cái móc,
Yêu cầu đưa chân lên,
Con voi duỗi chân ra,

Và người leo lên voi.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 271 of 353

50. Thấy kẻ chưa nhiếp phục,
Đi đến được nhiếp phục,
Ta thấy nó vâng chịu,
Theo quyền lực của người.
Như vậy, ta định tâm,
Đi vào trong rừng ấy.
(XXXIII) Ubirì

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quí. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là Jivà. Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivà bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc. Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông Aciravàti và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- Tại sao nàng khóc?

Nàng đáp:

- Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.

Thế Tôn nói:

- Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!.

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, Thế Tôn nói lên bài kệ:

51. Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
Trong bãi đốt thân này
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà
Nàng khóc Jivà nào?
Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy. Nhờ thiền quán tác động, nhưng lời dạy tốt đẹp của bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt được, nàng nói lên nửa bài kệ sau:

52. Mũi tên khó nhìn thấy,

Đâm dính nơi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhổ lên khỏi tâm ta,
Sầu muộn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.
53. Nay mũi tên được nhổ,

Mọi ham muốn lắng dịu,
Ta đi đến quy y
Bậc Mâu-ni ẩn sĩ,
Quy y Ba ngôi báu
Phật, Pháp và chúng Tăng.
(XXXIV) Sukkà (Therì. 129)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quí ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt). Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu thiền quán, nàng chứng được quả A-la- hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khất thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đấy Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, thuyết hay cho đến nỗi các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một vị thần cây, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng, nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. Hỡi này người Vương Xá,
Các người đã làm gì?
Giống như người nằm mê,
Bị say vì uống mật!
Các người không hầu hạ,
Sukkà thuyết lời Phật.
55. Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Uống được nước cam lồ,
Dòng nước thật thuần tinh,
Không gì chướng ngại nổi
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp. Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.

56. Hỡi này nàng Sukkà!
Người con của ánh sáng!
Được ly tham định tĩnh,
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.
(XXXV) Sielà

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm công chúa con vua nước Alavì, tên là Sielà. Nàng cũng được biết với tên là Alavika (người nước Alavì). Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư cảm hóa

được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và cùng đi đến Alavì. Sielà chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ. Về sau nàng xuất gia, chuyên tu thiền quán và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, nàng nhiếp phục được thân hành, khẩu hành, ý hành và chứng được quả A-la-hán.

Về sau trở thành một Trưởng lão Ni, nàng ở Sàvatthi. Một hôm, nàng đi ra khỏi Sàvatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma muốn phá sự an tịnh độc cư của nàng, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với nàng và nói như sau:

57. Nàng sẽ không thoát khỏi,
Thoát ly khỏi đời này,
Như vậy hạnh viễn ly,
Nàng dùng để làm gì?
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Chớ bứt rứt về sau.
Rồi nàng suy nghĩ: 'Đây là Ác ma muốn ngăn chận ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mở mắt và nàng nói lên bài kệ':

58. Các dục giống gươm giáo,
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà ngươi gọi,
Là lạc thú cuộc đời.
59. Ngày nay dục lạc ấy,
Với ta không hấp dẫn,

Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khối tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma
Ngươi đã bị bại trận.
(XXXVI) Somà (Therì. 129)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisàra. (Bình Sa Vương) và được đặt tên là Somà. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành một tín nữ, và về sau nàng xuất gia và nhờ triển khai thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sàvatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. Ác ma đến và muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

60. Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 274 of 353

Rồi nàng cự lại Ác ma:

61-62. Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khối tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 275 of 353

PHẨM IV TẬP BỐN KỆ

(XXXVII) Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà. (Therì. 130)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha. Khi người chồng xuất gia, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia. Nàng sống năm năm tại Titthiyàràma, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ triển khai thiền quán, nàng chứng được quả A-la-hán. Sau nàng trở thành một vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ. Nàng được đức Phật xem là người biệt tài đệ nhất về đời sống quá khứ, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni. Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,
Ca-diếp khéo thiền định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xứ.
64. ẩn sĩ đoạt diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.
65. Cũng vậy nàng Bhaddà
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.
66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 276 of 353

PHẨM V TẬP NĂM KỆ

(XXXVIII) Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh (Therì. 130)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Devadaha và trở thành người nữ điều dưỡng cho Mahàpajàpati. Nàng tên là Vàddhesi nhưng tên gia tộc nàng không được biết đến khi chủ nàng xuất gia, nàng cũng xin xuất gia theo. Nhưng trong hai mươi lăm năm nàng bị các dục chi phối ám ảnh, không được thiền định dầu cho đến một sát-na. Nàng than van tình trạng của nàng cho đến khi nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp. Rồi tâm nàng xa lánh các dục, nàng tu tập thiền định và cuối cùng nàng chứng được

sáu thắng trí. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên bài kệ:

67. Đã được hai lăm năm,
Từ khi ta xuất gia,
Cho đến búng ngón tay,
Tâm ta không lắng dịu.
68. Tâm không được an tịnh,
Vì đầy ứ dục tham,
Ta giơ tay khóc than,
Ta đi vào tinh xá.
69. Ta đến vị Ni ấy,
Đồng tín nữ với ta,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về uẩn, xứ và giới.
70. Nghe pháp nàng giảng dạy,
Ta ngồi vào một bên,
Ta hết đời quá khứ,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Với trí biết tâm người,
Lỗ tai được thanh tịnh.
71. Ta chứng thần túc thông,
Ta đạt được lậu tận,
Sáu thắng trí ta chứng,
Lời Phật dạy đã làm.
(XXXIX) Vimala, Xưa Làm Một Kỹ Nữ (Therì. 131)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli làm con gái một người bán sắc đẹp sinh sống. Nàng được đặt tên là Vimalà. Khi nàng lớn lên, và suy tư với những tư tưởng uế nhiễm, nàng thấy Tôn giả Mahà Moggallàna đang đi khất thực ở Vesàli, nàng cảm thấy thương yêu Tôn giả và đi theo về tinh xá để cám dỗ. Có người nói nàng được các ngoại đạo xúi dục nên làm như vậy. Tôn giả chỉ trích hành động không tốt đẹp của nàng và thuyết pháp cho nàng, như đã được ghi trong Trưởng lão Tăng Kệ. (Therà. 1150-57), nàng cảm thấy xấu hổ và trở thành một tín nữ. Về sau cùng nàng xuất gia, tinh tấn tu tập, và không bao lâu chứng quả A-la-hán, nghĩ đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

72. Say mê với giai cấp,

Với dung sắc tuổi xuân,
Với danh xưng, danh vọng,
Ta ỷ lại tuổi trẻ,

Đối với những người khác,
Ta khinh bỉ khinh thường.
73. Thân này ta trang điểm,
Ta khêu gợi kẻ ngu,
Ta đứng trong khung cửa,
Tại cửa hàng buôn sắc,
Như thợ săn, ác độc,
Đang gieo đặt bẫy mồi.
74. Ta khoa trương trang sức,
Phô bày nhiều chỗ kín,
Để châm biếm nhiều người,
Ta làm nhiều ảo thuật,
Hôm nay ta khất thực,
Đầu trọc, đắc đại y,
Ta ngồi dưới gốc cây,
Ta chứng định không tầm.
75. Mọi khổ ách đoạn tận,
Cả cõi trời, cõi người,
Quăng bỏ mọi lậu hoặc,
Ta mát lạnh tịch tịnh.
(VL) Sìha (Therì. 131)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli, con gái của một người chị võ tướng Sìha. Do vậy, nàng được đặt tên là Sìha, như tên của người cậu của nàng. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sìha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia. Khi nàng tu tập thiền quán, nàng không thể chận đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả ý. Bảy năm bị dày vò, nàng kết luận: 'Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn'. Rồi nàng cột sợi dây trên cây, đút cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chất chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng triển khai thiền quán. Đối với nàng đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, trí tuệ nàng được viên mãn, và với nội tâm thiền quán nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Mở thòng lọng ra nàng trở về lại tinh xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ;

77. Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị dao động
Không chế ngự được tâm.
78. Bị phiền não chi phối,
Lạc tưởng ngự trị ta

Tâm ta không thăng bằng,
Bị tham tâm chi phối.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 278 of 353

79. Bảy năm sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu
Đêm ngày không an lạc
Ta sống chịu khổ đau.
80. Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.
81. Làm chắc dây thòng lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thòng lọng quanh cổ,
Tâm ta liền giải thoát.
(XLI) Sundarì Nandà (Therì. 132)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc dòng họ Thích-ca. Được tên là Nandà. Nàng có danh là Nandà hoa khôi. Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: 'Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia'. Như vậy nàng xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình. Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình và không chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quở trách nàng. Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX) với sự sai khác nhau: khi nàng thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh bất tịnh, hôi thúi,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.
83. Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.

84. Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 279 of 353

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng: Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đống xương và thịt bị già, chết chi phối. Như đã được nói trong tập Pháp cú:

85. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.
(Pháp Cú. 150)
Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bổn Sư và nói thêm:

86. Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.
(XLII) Manduttara (Therì. 132)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong một gia đình Bà-la-môn, nước Kuru thành Kammàsadamma. Sau khi học hỏi ngoại đạo, nàng xuất gia theo phái Ni-kiền-tử và vì nàng thuyết pháp giỏi, nàng cầm cành cây diêm phù và đi khắp xứ Ấn Độ như nàng Bhaddà (XLVI). Nàng gặp Tôn giả Mahà-Moggallàna và bị ngài chiến thắng trong cuộc tranh luận. Nàng nghe theo lời dạy của Tôn giả Moggallàna, xuất gia trong giáo pháp đức Bổn Sư và không bao lâu chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư trên chiến thắng của mình, nàng sung sướng nói lên bài kệ:

87. Trước ta đảnh lễ lửa,
Trăng, mặt trời chư thiên

Ta đi đến bến sông,
Ta xuống nước, lê tắm.
88. Chấp nhận nhiều giới cấm
Ta chỉ cạo nửa đầu
Ta nằm ngủ dưới đất,
Cơm tối ta không ăn.
89. Thích trang điểm trang sức,
Ưa tắm rửa, xoa bóp,
Thân này ta cung dưỡng,
Thỏa mãn các dục tham,
90. Từ khi được lòng tin
Không nhà ta xuất gia,
Ta thấy thân như Phật,
Nhờ sạch các dục tham.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 280 of 353

91. Mọi sanh hữu chặt đứt,
Cả ham muốn hy cầu,
Mọi ách nạn giải tỏa,
Ta đạt tâm an tịnh.
(XLIII) Mittakali (Therì. 132)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammàsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được nghe giảng về Bốn niệm xứ và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Trong bảy năm nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết như lý tác ý, triển khai thiền quán và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.
93. Từ bỏ đích tối thượng,
Phục vụ đích hạ liệt,
Bị phiền não ngự trị,
Bỏ đích Sa-môn hạnh.
94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.
95. Ngắn ngủi sinh mạng ta,

Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.
96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.
(XLIV) Sakulà (Therì. 133)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở Sàvatthi, tên là Sakulà. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần triển khai thiền quán và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là Thiên nhãn đệ nhất. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.

98. Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia
Sống đời sống không nhà.
99. Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.
100. Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.
101. Thấy các hàng ngoại diện,
Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.
(XLV) Sonà (Therì. 133)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được mười người con trai, con gái và được biệt danh là

'người nhiều con'. Khi người chồng xuất gia nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng. Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần,tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm. Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.
(Pháp cú. 114)
Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là 'Tỷ-kheo-ni tinh tấn đệ nhất'. Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.
103. Nàng thuyết pháp cho ta, Về uẩn xứ và giới, Nghe pháp nàng thuyết giảng.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 282 of 353

Cắt tóc ta xuất gia.

104. Ta học lời nàng dạy,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.
105. Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.
106. Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn
Vấn đề phải tái sanh.

(XLVI) Bhadda Kundalakess (Therì. 134)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ra ở Rajagaha (Vương Xá), trong gia đình vị thủ khố của nhà vua, và được tên là Bhaddà. Lớn lên và luôn luôn có người hầu hạ, nàng thấy ngang qua khe cửa, Satthuka, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình, theo lệnh của vua. Nàng bỗng yêu Satthuka và nằm trên giường nàng nói: 'Nếu ta không được chàng, ta sẽ chết'. Người cha vì thương nàng, nên hối lộ cho những người lính và đưa Satthuka đến gặp nàng. Satthuka khởi lòng tham đồ trang sức của nàng nên nói với nàng là khi bị dẫn đến 'hòn núi của kẻ trộm', chàng có phát nguyện: Nếu chàng được tha, chàng sẽ làm lễ cúng tạ ơn và nhờ nàng sửa soạn lễ tạ. Muốn được chàng bằng lòng, nàng vâng theo ý muốn của Satthuka, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe đi với chàng và cùng đi đến 'hòn núi của kẻ trộm' Satthuka không cho người hầu hạ đi theo, lấy đồ trang sức cúng dường, và leo lên núi một mình với nàng, nhưng không nói lời thân ái với nàng. Do thái độ của chàng, nàng tìm ra được mưu kế của chàng. Rồi Satthuka bảo nàng cởi áo ngoài ra, dùng áo gói đồ trang sức nàng đang mang theo, Nàng hỏi chàng nàng có làm điều gì sái quấy chăng, và chàng trả lời: 'Nàng thật ngu si ta đến đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của nàng'. Nàng nói: 'Này chàng thân yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em'. Chàng nói: 'Ta không biết gì về sự phân chia này'. Nàng nói: 'Thôi được, chàng thân yêu, nhưng chàng cho em một sở nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn chàng! Satthuka bằng lòng và nàng ôm hôn chàng đàng trước, rồi ôm chàng hôn đàng sau, và trong khi ấy xô chàng ngã xuống vực núi. Một Thiên nhân ở trên núi, thấy nàng làm vậy liền khen rằng:

Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân khi lanh lẹ,
Cũng tỏ khôn ngoan hơn,
Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân cũng khôn ngoan,
Chỉ nghĩ một phút giây!

Rồi Bhaddà suy nghĩ: 'Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ

xuất gia'. Rồi nàng xuất gia theo phái Ni-kiền Tử. Họ hỏi nàng: 'Nàng ưng xuất gia đến mức độ nào?' Nàng trả lời: 'Tôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!' Rồi họ nhổ tóc của nàng và khi tóc nàng dài và quăn lại, nàng được gọi là Bhaddà tóc quăn. Nhưng trong khi nàng tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni- kiền Tử, nàng biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Nàng từ giã chúng Ni-kiền Tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiếng và cuối cùng không ai có thể tranh luận với nàng. Nàng vun lên một đống cát gần cửa đi vào làng, trồng lên một nhánh cây diêm phù, bảo mấy đứa con nít xem ai nhổ lên

nhánh cây ấy. Sau một tuần không có ai nhổ lên cành cây, nàng liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.

Thế Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tinh xá Jetavana gần Sàvatthi, đúng lúc Bhaddà tóc quăn trồng nhánh cây ấy tại cửa thành Sàvatthi. Tôn giả Sàriputta vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nhiếp phục nàng, bảo các đứa con nít dẫm lên cành cây ấy, để mở đầu cuộc tranh luận, nàng nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kết quả nếu không có quần chúng đỡ đầu. Vì vậy nàng quy tụ một số đông quần chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa nàng và Tôn giả Sàriputta. Trước hết Tôn giả Sàriputta để cho nàng hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi nàng không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng.

Rồi Tôn giả hỏi nàng: 'Thế nào gọi là một?' Nàng Bhaddà tóc quăn thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói, một chút như vậy mà nàng không trả lời được, thì nàng có thể biết thêm được gì? Rồi Tôn giả giáo giới cho nàng và nàng xin quy y Tôn giả.Tôn giả Sàriputta khuyên nên quy y Thế Tôn, bậc Đạo Sư loài Người và Trời. Nàng vâng lời, chiều lại đi đến yết kiến Thế Tôn khi ngài đang thuyết pháp. Sau khi đảnh lễ nàng đứng một bên, Thế Tôn thấy căn cơ nàng đã thuần thục liền nói:

Dầu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không chút lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong được tịnh lạc.
(Pháp cú 101)
Khi đức Phật nói xong bài kệ này, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nàng xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao đại giới cho nàng. Rồi nàng đi đến tinh xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Nàng sung sướng phấn khởi nói lên những bài kệ:

107. Trước ta sống một y,
Tóc cạo, thân mang bùn,
Không lỗi xem có lỗi,
Có lỗi xem là không.
108. Ban ngày rời tinh xá,
Trên ngọn núi Linh Thứu,
Ta thấy Phật vô uế,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo.
109. Quỳ gối ta đảnh lễ,
Đối diện ta chắp tay,
Hãy đến này Bhaddà,
Ta được thọ đại giới.
110. Ta đi khắp Angà, Mogadhà, Vajjì, Quốc độ Kosala,

Mười lăm năm không nợ, Ăn đồ ăn quốc độ.

111. Làm được nhiều công đức,
Tín nam này có tuệ,
Cho Bhaddà chiếc y,
Thoát khỏi mọi triền phược.
(XLVII) Patàcàrà (Therì. 134)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi. Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ. Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hồi cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng. Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con rắn từ gò mối bò ra cắn chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng. Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thời thấy một con diều hâu, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết. Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chất, nàng hóa điên dại, ăn mặc hở hang, nàng vừa khóc vừa than:

Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đứa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả tơi, nàng được gọi là Patacàra (kẻ mang xiêm áo). Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhớp bụi bặm trên nàng. Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất. Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: 'Thế Tôn hãy cứu độ cho con. Một đứa con bị chim diều hâu mang đi; một đứa con bị nước cuốn trôi; còn chồng con bị rắn cắn chết; cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng. Đức Phật nói: 'Này Patacàra, đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều

hơn nước sông bốn biển'.

Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sầu khổ!

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: 'Ôi Patàcàrà, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn. Rồi đức Phật dạy:

Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: 'Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già'. Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: 'Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy:

Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hột giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.

113. Sao ta, giới đầy đủ
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.
114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,
Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.
115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.
116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,

Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.
(XLVIII) 30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Của Patàcàrà (Therì. 135)

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong nhiều gia đình sai khác, được nghe Patàcàrà thuyết pháp, trở thành tín nữ và cuối cùng xuất gia. Trong khi họ làm trọn những phận sự của mình, và sống đầy đủ giới hạnh, nàng thuyết cho họ lời giáo huấn như sau:

117. Loài Người trong tuổi trẻ,
Cầm chày giã lúa gạo,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.
118. Hãy hành lời Phật dạy,
Không làm gì nhiệt não,
Rửa chân thật mau lẹ,
Hãy ngồi xuống một bên,
Chú tâm tu tâm chỉ,
Làm theo lời Phật dạy.
Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, nghe theo lời dạy của Patàcàrà, an trú trên thiền quán, tu tập trí tuệ cho đến khi căn cơ thuần thục, chứng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy nghĩ trên quả chứng, họ phấn khởi sung sướng và họ thêm vào các bài kệ của Patàcàrà với những bài kệ của mình:

119. Sau khi nghe lời dạy,
Lời Patàcàrà,
Sau khi rửa chân xong,
Họ vào ngồi một bên,
Chú tâm tu tâm chỉ,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 287 of 353

Làm theo lời Phật dạy.

120. Trong đêm canh thứ nhất,
Họ nhớ đời quá khứ
Trong đêm canh chặng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khối si ám phá tan.
121. Đứng dậy họ lễ chân,
Vị giáo giới cho họ,
Như Chư Thiên ba mươi

Đảnh lễ vị Sakka,
Vị không bị đánh bại,
Ở lại chỗ chiến trường,
Đặt Patàcàrà,
Vào hàng bậc lãnh đạo,
Chúng tôi sẽ được sống,
Ba minh, không lậu hoặc.
(XLIX) Candà (Therì. 135)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng làm con một vị Bà-la-môn, ít được người biết đến, tại một làng Bà- la-môn. Từ lúc nhỏ, gia đình bị mất hết tài sản, và nàng lớn lên trong điều kiện rất thiếu thốn.

Trong gia đình, một bệnh thời khí phát ra giết hại cả nhà, và nàng phải đi xin nhà này qua nhà khác với một cái bát vỡ. Một ngày kia, nàng đến chỗ Tỷ-kheo-ni Patàcàrà khi vị này vừa ăn xong. Các Tỷ-kheo- ni thấy nàng trong tình cảnh đáng thương hại, tiếp nàng với lòng từ mẫn và cho nàng ăn. Sung sướng được thấy hạnh phúc tốt đẹp của các Tỷ-kheo-ni, nàng đến gần Patàcàrà, đảnh lễ, nàng ngồi xuống một bên để nghe pháp. Nàng nghe với tâm hồn phấn khởi, và lo lắng vì kiếp sống luân hồi, nàng xuất gia. Nàng theo lời giáo giới của vị Tỷ-kheo-ni, nàng an trú thiền quán, nhiệt tâm tinh cần. Rồi với nghị lực và lời phát nguyện và sự chín muồi của trí tuệ, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

122. Trước ta sống bất hạnh,
Không chồng và không con,
Không bè bạn, bà con,
Không có cơm, có áo.
123. Ta cầm gậy bình bát
Đi ăn xin từng nhà,
Bị lạnh nóng đày đọa,
Bảy năm ta sống vậy.
124. Thấy được Tỷ-kheo-ni,
Ta nhận đồ ăn uống,
Sau khi đến, ta xin,
Được xuất gia không nhà.
125. Nàng Patàcàarà,

Thương ta, cho xuất gia, Rồi giảng dạy cho ta, Hướng dẫn đến chân đế.

126. Nghe xong lời nàng giảng.
Ta làm theo lời dạy,

Lời giảng bậc tôn Ni,
Không phải lời trống không,
Ta chứng được Ba minh,
Ta không còn lậu hoặc.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 289 of 353

PHẨM VI TẬP SÁU KỆ

(L) Năm Trăm Patàcàrà (Therì. 136)

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong những gia đình khá giả, tại nhiều chỗ khác nhau, lấy chồng, có con, sống lo việc bếp nước trong gia đình. Họ đều chịu sự đau khổ khi con của họ bị chết. Rồi họ đi tìm đến Patàcàrà, đảnh lễ nàng, ngồi xuống một bên nàng và nói cho nàng biết nỗi đau khổ của họ. Patàcàrà, làm cho họ vơi bớt sự đau khổ, nói lên những bài kệ như sau:

137. Ông không biết con đường
Nó đến hay nó đi,
Từ đâu con trai đến,
Ông lại khóc: 'Con tôi'.
138. Ông đâu biết con đường,
Nó đến hay nó đi,
Ông khóc nó làm gì?
Pháp hữu tình là vậy.
129. Không có ai yêu cầu,
Từ chỗ kia, nó đến,
Không có ai cho phép,
Từ chỗ này, nó đi,
Từ đâu, nó đến đây!
Được sống bấy nhiêu ngày.
130. Từ chỗ này nó đến,
Từ chỗ kia, nó đi,
Nó đến một con đường!
Nó đi một con đường,
Mệnh chung, hình sắc người,
Luân hồi, nó sẽ đi!
Đến vậy, đi như kia,
Ở đây, khóc than gì?
Sau khi nghe nàng giảng, họ đều cảm thấy dao động và xin xuất gia, dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà. Sau khi tinh cần triển khai thiền quán, chứng đạt được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, các vị ấy lập lại bài kệ giáo hóa của Patàcàrà và cộng thêm những bài kệ của chính mình như sau:

131. Cây tên, khó thấy được,
Từ tim ta, nhổ lên:
Nàng diệt sầu vì con,
Sầu ấy ám ảnh ta.
132. Nay cây tên được nhổ
Không dục cầu, tịch tịnh
Ta quy y ẩn sĩ,
Phật, Pháp và chúng Tăng.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 290 of 353

Về sau Tỷ-kheo-ni này rất giỏi về lời dạy của Patàcàrà, nên chúng được gọi là: tùy thuộc của Patàcàrà.

(LI) Vàsitthi (Therì. 136)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở Vesàli. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng. Khi có được đứa con, mới tập chạy, nó chết đi và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, nàng bỏ trốn và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến Mithìlà. Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhờ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh. Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vắn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bổn phận của mình, nàng an trú vào thiền quán, và với sự cố gắng vượt bực, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. Ta sầu muộn vì con
Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lõa thể, tóc rối ren,
Đời sống vậy, ta sống.
134. Lang thang đường, đống rác,
Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống,
Kham khổ, chịu đói khát.
135. Rồi ta thấy Thiện Thệ,
Đến thành Mi-thi-la,
Điều ngự kẻ chưa điều,
Bậc Giác Ngộ, vô úy.
136. Lấy lui tâm bình tĩnh,
Ta đảnh lễ đến gần.
Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.

137. Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo Sư,
Ta chứng đạo an ổn.
138. Mọi sầu muộn chặt đứt,
Đoạn tận, được chấm dứt,
Ta liễu tri nền gốc,
Từ đấy sầu muộn sanh.
(LII) Khemà (Therì. 137)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemà. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra. Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng

bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giã tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng. Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, như nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khemà thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kệ không màng.
(Pháp cú, 347)
Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng thiền quán đệ nhất.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, Ác ma hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,

Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Hãy vui hưởng, Khemà.
Nàng trả lời:

140. Với thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhổ lên.
141. Dục ví như gươm giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.
142. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khối si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.
143. Ngươi đánh lễ vầng sao! Ngươi thờ lửa rừng sâu, Ngươi không biết như thật,

Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.

144. Còn ta, ta đảnh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo Sư dạy.
(LIII) Sujàtà (Therì. 137)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàketa trong gia đình thủ khố nhà vua. Được gả chồng với con vị thủ khố tương xứng với gia đình, nàng sống hạnh phúc với chồng. Một hôm, trong khi đi dự lễ các Sao (Nakkhatakìlam), nàng đi về với những người hầu hạ, và nàng thấy bậc Đạo Sư ở vườn Anjana. Nàng cảm thấy bị hấp dẫn, đến gần đảnh lễ ngài và nghe ngài thuyết pháp. Bậc Đạo Sư biết căn cơ nàng đã chín muồi, nên đặc biệt thuyết pháp cho nàng, và thuyết pháp xong, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, với nghĩa tín thọ. Đảnh lễ bậc Đạo Sư, về nhà được chồng và cha mẹ chấp thuận và với sự đồng ý của bậc Đạo Sư, nàng được xuất gia làm Tỷ-kheo-ni. Suy tư đến quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên như sau:

145. Trang sức, mặc áo đẹp
Vòng hoa, xức chiên đàn,
Đeo mọi loại nữ trang
Cầm đầu chúng nữ tỳ.
146. Mang theo đồ ăn uống,

Nhiều món ăn cứng mềm,
Từ nhà ta đi ra,
Đi đến vườn thưởng ngoạn.
147. Tại đây ta vui chơi,
Rồi ta đi về nhà,
Ta thấy ngôi tinh xá,
Khi ta bước vào rừng,
Rừng tên Anjanà,
Tại xứ Sàketa.
148. Thấy hào quang thế giới,
Đảnh lễ, ta tới gần,
Thương ta, bậc Pháp nhãn,
Ngài thuyết pháp cho ta.
149. Nghe xong bậc Đại tiên,
Ta thể nhập chân lý,
Tại đấy ta chứng pháp,
Ly trần tạo bất tử.
150. Do liễu tri diệu pháp,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Không trống rỗng lời Phật.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 293 of 353

(LIV) Anopanà (Therì. 138)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàketa, trong gia đình vị thủ kho Majjha. Vì nàng rất đẹp, nàng được tên là Anopanà (không ai sánh nổi). Khi nàng đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử, cử các sứ giả đến xin cưới nàng. Nghe tin vậy, nàng có tâm nguyện khác, nàng muốn sống đời sống không có gì hết. Nên nàng tìm đến bậc Đạo Sư nghe ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, nàng chứng được quả thứ ba, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo Sư cho xuất gia, nàng được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, nàng chứng được quả A-la-hán. Suy tư trên quả chứng, nàng sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

151. Sanh gia đình cao quý,
Nhiều châu báu, tài sản,
Đầy đủ dung sắc đẹp,
Con gái cưng Majjha.
152. Được con vua cầu hôn,
Con phú gia xin cưới,
Sứ giả đến cha ta,

Cho tôi Anopham.
153. Công chúa con gái ngài,
Cân nặng như thế nào
Tôi sẽ tặng tám lần
Bằng vàng ròng châu báu.
154. Ta thấy đấng Giác ngộ,
Bậc Thế Tôn vô thượng,
Ta đảnh lễ chân Ngài,
Đến gần, ngồi một bên.
155. Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.
Ngay tại chỗ ngồi ấy,
Ta chứng quả thứ ba.
156. Rồi ta cạo bỏ tóc,
Xuất gia, sống không nhà,
Hôm nay, đêm thứ bảy,
Khát ái được gột sạch.
(LV) Mahàpajàpatì Gotamì (Therì. 138)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahà-Suppabuddha. Tên gia đình của nàng là Gotama, và nàng là em gái của Mahàmàyà. Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em. Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesàli, và phụ vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi Mahàpajàpati muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người

chồng đã xuất gia, đi đến Vesàli, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả Ananda. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy Tám kỉnh pháp cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahàpajàpati đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng tinh cần tinh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Nandaka giáo giới, chứng được sáu thắng trí.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahàpajàpati là vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahàpajàpati tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. Bậc Giác ngộ anh hùng!
Con xin đảnh lễ Ngài,
Ngài là bậc Tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.
158. Liễu tri mọi đau khổ,
Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám ngành,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.
159. Trước ta sống là mẹ,
Là con, là cha, anh,
Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vậy,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi, tìm không gặp.
160. Nay ta thấy Thế Tôn,
Thân này thân tối hậu,
Sanh tử được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.
Siêng, tinh cần nỗ lực,
Thường, kiên trì tinh tấn,
Hãy thắng đệ tử Phật,
Hòa hợp, đảnh lễ Ngài.
Vì hạnh phúc nhiều người,
Ma-yà sanh Cù-đàm,
Giải tỏa nhóm khổ đau
Cho người bị bệnh chết?
(LVI) Guttà (Therì. 139)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và tên là Guttà. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nhàm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia, dưới

sự lãnh đạo của Mahàpajàpati. Sau đó dầu nàng hành trì với tín tâm, nhưng tâm của nàng cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy nàng không thiền định được. Rồi bậc Đạo Sư muốn khích lệ nàng, phóng hào quang và hiện ra trước mặt nàng và nói lên bài kệ như sau:

163. Vì mục đích tối thượng,

Guttà, người xuất gia,
Từ bỏ cả con cái,
Cho đến bản thân mình,
Hãy nhiệt tâm hành trì,
Chớ để tâm chi phối.
164. Tâm lừa đảo chúng sanh,
Ưa ác ma lãnh vực,
Luân hồi nhiều đời sống,
Chúng dong ruổi, si mê.
165. Dục vọng và sân hận,
Kể cả với thân kiến,
Cộng thêm giới cấm thủ
Với nghi hoặc thứ năm.
166. Hỡi này, Tỷ-kheo-ni,
Từ bỏ kiết sử này,
Là hạ phần kiết sử,
Ngươi hết lại đời này.
167. Hãy tránh xa tham mạn,
Vô minh và trạo cử,
Chặt đứt kiến sử xong,
Ngươi sẽ dứt đau khổ.
168. Quảng bỏ vòng sanh tử,
Liễu tri sự tái sanh,
Hiện tại không ước vọng,
Ngươi sẽ sống an tịnh.
(LVII) Vijjayà (Therì. 139)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành bạn của Khemà, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ. Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: 'Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta'. Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp. Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bổn phận của mình, tu tập thiền quán và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

169. Bốn lần và năm lần
Ta ra khỏi tinh xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.

170. Ta đến Tỷ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về giới và về xứ.
171. Bốn sự thật bậc Thánh
Về các căn, các lực,
Giác chi, tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.
172. Nghe lời vị ấy dạy,
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.
173. Trong đêm canh chặng giữa
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khối si ám tan tành.
174. Từ đấy ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khối si ám tan tành.

PHẨM VII TẬP BẢY KỆ

(LVIII) Uttarà (Therì. 140)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình thường dân, tên là Uttarà. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe Patàcàrà thuyết pháp, trở thành một tín nữ, xuất gia và trở thành vị A- la-hán. Rồi suy tư trên quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên bài kệ:

175. Loài Người trong tuổi trẻ,
Cầm chày giã lúa gạo,
Tuổi trẻ được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.
176. Hãy hành lời Phật dạy,
Không làm gì nhiệt não,
Rửa chân thật mau lẹ,
Hãy ngồi xuống một bên.
177. Sau khi an trú tâm,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,

Hãy quán sát các hành,
Thuộc ngoại, không thuộc ngã.
178. Ta nghe lời giáo huấn,
Lời Patàcàrà;
Sau khi ta rửa chân,
Bước vào, ngồi một bên.
179. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đời quá khứ,
Trong đêm canh chặng giữa
Thiên nhãn được thanh tịnh.
180. Trong đêm canh cuối cùng,
Khỏi si ám tan tành,
Từ ba minh, đứng dậy
Giáo huấn Ngài, làm xong.
181. Như Thiên chủ Sakka,
Ở cõi trời Ba mươi,
Không bao giờ bại trận,
Ở tại các chiến trường,
Ta sống, tôn xưng Ngài,
Là bậc Thầy lãnh đạo,
Ta chứng được ba minh,
Ta không còn lậu hoặc.
Một hôm nàng tu tập thiền quán dưới sự hướng dẫn của Patàcàrà, ngồi trong phòng của nàng, nàng suy nghĩ: 'Ta sẽ không ngồi dậy nếu tâm ta không giải thoát khỏi các lậu hoặc'. Quyết định như vậy, nàng

triển khai trí tuệ, thiền quán, chứng được quả A-la-hán, với sức mạnh trực giác và triệt quán Chánh pháp. Sau khi tiếp tục quán mười chín đề tài với ý thức 'không biết ta có làm đủ những điều cần phải làm chăng', nàng nói lên sự sung sướng của nàng với những bài kệ ghi ở trên và nàng duỗi chân ra. Khi trời rạng đông và đêm đã sáng, nàng tìm gặp vị Tỷ-kheo-ni và lập lại những bài kệ của nàng.

(LIX) Calà (Therì. 141)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Magadha, tại làng Nàlaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surùpasàrì. Khi đến tuổi đặt tên, nàng được gọi là Càlà. Em gái nàng tên là Upacàlà và em nhỏ nhất tên là Sìsùpacàlà và cả ba là em của Tôn giả Sàriputta. Khi ba đứa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo chúng suy nghĩ: 'Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người anh như người anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo; ba nàng cũng xuất gia, dầu gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành, chứng quả A-la-hán và sống an

lạc giải thoát.

Rồi Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khất thực, đi vào rừng Andho để nghỉ trưa và tại đấy Ác ma hiện ra để cám dỗ nàng. Trong kinh, có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khất thực ở Sàvatthi, đi vào trong rừng an lạc để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andho, nàng ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để lung lạc nàng và hỏi nàng những câu trong các bài kệ của nàng. Sau khi nàng nói lên những đức hạnh của vị Đạo Sư, và sức mạnh của Chánh pháp, nàng làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình muốn cám dỗ nàng và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng và câu chuyện với Ác ma như sau:

182. Sau khi an trú niệm,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
An lạc tịnh các hành.
Ác ma:

183. Vì ai, ngươi đầu trọc,
Hiện tướng, Sa-môn ni?
Không theo hệ phái nào,
Sao sống si mê vậy?
Càlà:

184. Các hệ phái ngoại đạo
Nương tựa trên tà kiến,
Họ không hiểu Chánh pháp
Họ không thuần thục pháp.
185. Sanh gia tộc Thích-ca,
Đức Phật, bậc vô tỷ
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua các tà kiến.
186. Ngài thuyết Tám thánh đạo, Về khổ, nguyên nhân khổ, Về vượt qua đau khổ

Và con đường khổ diệt.

187. Ta nghe lời Phật dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành!
Hãy biết vậy, Ác ma!

Người bị hại, Ma vương.
(LX) Upacàlà (Therì. 141)

Câu chuyện giống như Tỷ-kheo-ni Càlà. Như Càlà, nàng chứng quả A-la-hán, và bị Ác ma cám dỗ nhưng Ác ma đã thất bại:

189. Trú niệm có pháp nhãn
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
Bậc thượng nhân hành trì.
Ác ma:

190. Sao ngươi không thích sanh,
Có sanh mới hưởng dục,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Chớ hối tiếc về sau.
Upacàlà:

191. Đã sanh, thời bị chết,
Tay chân bị đứt đoạn,
Bị giết, trói, phiền não.
Sau đưa đến khổ đau.
192. Sanh gia bậc Thích-ca
Đức Phật không chiến bại.
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua khỏi sự sanh.
193. Ngài thuyết Tám thánh đạo,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.
194. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 300 of 353

195. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 301 of 353

PHẨM VIII TẬP TÁM KỆ

(LXI) Sìsupacàlà (Therì. 142)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la- hán. Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.
Ác ma:

197. Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.
Hãy hướng tâm chỗ ấy,
Chỗ xưa kia nàng sống.
Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: 'Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích'. Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.
199. Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử,
200. Toàn thế giới bốc cháy
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bừng cháy,
Toàn thế giới rung động.
201. Phật thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỷ,
Được bậc không phàm phu,
Phục vụ và nhiệt hành,
Chỗ ấy, tâm ý ta,

Hân hoan và ưa thích.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 302 of 353

202. Ta nghe lời vị ấy,
Sống vui trong giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.
203. Mọi chỗ, hủy diệt đoạn,
Khỏi si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 303 of 353

PHẨM IX TẬP CHÍN KỆ

(LXII) Mẹ Của Vaddha

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố Bhàrukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và nàng được biết là mẹ Vaddha. Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. Vaddha, chớ bao giờ,
Rơi vào cõi tham dục,
Này con, chớ chia phần,
Trong đau khổ liên tục.
205. Hạnh phúc là ẩn sĩ,
Không tham, nghi đoạn tận,
Sống mát lạnh, chế ngự,
Không còn các lậu hoặc.
206. ẩn sĩ ấy hành trì,
Con đường đạt chánh kiến,
Chấm dứt sự khổ đau,
Vaddha! Hãy tiến tu.
Rồi Vaddha suy nghĩ: 'Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán', nên nói như sau:

207. Với tự tín mẹ nói,
Mục đích này cho con,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,
Mẹ không còn tham dục.
Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. Vaddha! Phàm hành gì,

Thấp, cao hay bậc trung,
Một tí nhỏ tham dục,
Không có ở nơi ta.
209. Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Không phóng dật, thiền tu,
Ba minh đã đạt được,
Làm xong lời dạy.
Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

210. Vi diệu thay, mẹ ta,

Khích lệ, thúc đẩy ta, Những kệ thuộc chân đế, Với lòng từ thương tưởng.

211. Ta nghe lời mẹ dạy,
Lời giáo giới mẹ hiền,
Ta hành pháp cảm kích,
Đạt an ổn khổ ách.
212. Ta tinh tấn tinh cần,
Ngày đêm không biếng nhác,
Được mẹ khéo khích lệ,
Ta chứng tịnh tối tượng.

PHẨM X TẬP MƯỜI KỆ

(LXIII) Kisà Gotamì (Therì. 143)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khổ, tên là Gota mì, vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu). Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng. Khi người con lớn lên và có thể chạy được, nó chết, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi đẻ đứa con, nàng nghĩ: 'Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa'. Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: 'Hãy cho con tôi thuốc'. Và được trả lời: 'Nay thuốc còn gì dùng nữa'. Nhưng nàng không hiểu. Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: 'Hãy cho con tôi thuốc'. Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: 'Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải!' Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: 'Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta', nên nàng đem dặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi từng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.
Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: 'Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con'.

Thế Tôn nói:

Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lụt trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)
Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được Sơ quả (quả Dự lưu) và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng. Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)
Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu hạnh khắc khổ nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào hạnh mặc thô y đệ nhứt. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 306 of 353

Hiền Thánh:

213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.
214. Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,

Mọi khổ đau được thoát.
215. Hãy biết, Bốn thánh đế,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đoạn Thánh tám ngành.
216. Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bậc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.
217. Trong đau khổ đâm họng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.
218. Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,
Ta không về đến nhà.
219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đống lửa.
220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 307 of 353
221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.

Đạt được sự bất tử.
222. Ta tu tập Thánh đạo,
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.
223. Trên ta, mũi tên đâm,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên đời này.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 308 of 353

PHẨM XI TẬP MƯỜI HAI KỆ

(LXIV) Uppalavanna

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da nàng màu tim của sen xanh, nàng được gọi là Uppalavannà. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân dành nhau đến cưới nàng. Vị trưởng kho bạc, không thể làm cho mọi người bằng lòng, nghĩ đến một kế để giải quyết. Ông cho gọi Uppalavannà và yêu cầu nàng xuất gia. Và vì căn cơ đã thuần thục, nàng nhận lời ngay, và được đưa đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi nàng phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bố-tát, nàng thắp ngọn đèn quét phòng. Rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán. Nàng trở thành vị thần thông đệ nhất.

Và bậc Đạo Sư, ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho nàng là thần thông đệ nhất. Nàng suy tư trên quả an lạc của thiền và thánh quả, nói lên một số bài kệ. Đây là những lời thốt ra tà miệng một bà mẹ trở thành tình địch với con gái của mình, đối với một người mà sau này trở thành vị Tỷ-kheo tên là Tỷ-kheo ở trên bờ sông Hằng. Những bài kệ này nói lên sự nguy hiểm, sự hạ liệt và sự uế nhiễm của các dục:

I

224. Hai, mẹ và con gái,
Chúng tôi sống một chồng,
Lời nàng đã nói lên
Làm ta xúc động mạnh,
Cảnh ngộ thật hy hữu,
Làm tóc lông dựng ngược.
225. Đáng ngán thay các dục,

Bất tịnh, hôi, nhiều gai,
Ở đây, mẹ, con gái,
Chúng tôi lấy một chồng.
226. Thấy nguy hiểm trong dục,
Viễn ly an ổn vững
Nàng xuất gia Vương Xá,
Bỏ nhà, sống không nhà.
II

Sung sướng nàng nói lên quả chứng của mình.

227. Ta biết các đời trước,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trí biết được tâm người,
Nhĩ giới được trong sạch.
228. Ta chứng được thần thông,

Lậu tận ta đạt được, Ta chứng sáu thắng trí, Lời Phật dạy, làm xong.

III

Nàng hiện lên một thần thông với sự chấp thuận của bậc Đạo Sư và ghi như sau:

229. Do hiện hóa thần thông,
Ta đến xe bốn ngựa,
Ta đảnh lễ chân Phật,
Thế giới chủ, quang vinh.
IV

Nàng bị Ác ma đến quấy phá, tại rừng cây Sàla và trách móc Ác ma.

Ác ma:

230. Nàng đi đến gốc cây,
Đang nở hoa tuyệt đẹp,
Nàng đến, đứng một mình,
Dưới gốc cây có hoa!
Nàng đến chỉ một mình;
Này kẻ dại khờ kia,
Sao nàng lại không sợ,
Có kẻ cám dỗ nàng!
Nàng:

231. Trăm ngàn người cám dỗ,
Có đến đây như ngươi,

Mảy lông ta không động,
Ta không gì hoảng hốt,
Ác ma, làm gì ta,
Khi ngươi đến một mình.
232. Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng nhà ngươi,
Ta đứng giữa hàng mi,
Ngươi không thấy ta đứng.
233. Với tâm khéo nhiếp phục,
Thần túc khéo tu trì,
Sáu thắng trí, ta chứng,
Lời Phật dạy, làm xong.
234. Các dục giống gươm giáo, Chém nát các uẩn ta, Những dục mà ngươi gọi,

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 310 of 353

Là lạc thú cuộc đời. Ngày nay, dục lạc ấy. Với ta, không hấp dẫn.

235. Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khối tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 311 of 353

PHẨM XII TẬP MƯỜI SÁU KỆ

(LXV) Punnà hay Punnikà (Therì. 146)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong gia đình ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) con gái của một người nô lệ. Nàng chứng được quả Dự lưu khi nghe kinh Sư tử hống (Trung Bộ Kinh, kinh số 11 hay 12). Về sau, sau khi nàng hóa độ được một Bà-la-môn tin tưởng nhờ nước làm cho thanh tịnh và được cảm tình của ông chủ, nàng được thoát ly khỏi giới nô lệ, và với sự bằng lòng của ông chủ, nàng được xuất gia. Và nhờ triển khai thiền quán, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu pháp và hiểu nghĩa. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ như sau:

236. Mùa đông ta mang nước,
Luôn luôn xuống dòng nước,
Ta sợ các hình phạt,
Lời trách móc các bà.
237. Hỡi này Bà-la-môn,

Ngươi sợ hãi vì ai?
Luôn luôn xuống dòng nước,
Tay chân run cầm cập.
Ngươi phải chịu cảm thọ,
Rét lạnh quá độ vậy?
238. Và nàng có biết chăng
Hỡi này Punnikà?
Sao nàng lại đến hỏi
Vị làm các nghiệp lành,
Vị đã chận đứng lại,
Các nghiệp ác bất thiện.
239. Vị ấy già hay trẻ,
Làm các nghiệp ác độc,
Người ấy nhờ rảy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.
240. Ai nói với ngươi vậy,
Kẻ ngu với kẻ ngu,
Người tin nhờ rảy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.
241. Tất cả những ếch, rùa,
Sẽ được lên cõi trời,
Cùng các rắn cá sấu,
Và các thủy vậy khác.
242. Kẻ giết bò giết heo,
Kẻ đánh cá sanh thú,
Các kẻ cướp giết người,
Các người làm ác khác,
Họ nhờ có rảy nước,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 312 of 353

Có thể thoát ác nghiệp.

243. Nếu những con sông này,
Có thể làm trôi mất,
Ác nghiệp xưa ngươi làm,
Chúng cũng làm trôi luôn,
Các thiện nghiệp ngươi làm,
Khiến ngươi thành rỗng không.
244. Phạm chí vì cái gì,
Ngươi sợ phải xuống nước,
Cái ấy chớ có làm,

Chớ để lạnh hại da.
245. Ta đi theo tà đạo,
Nàng hướng ta Thánh đạo,
Thưa nàng ta cho nàng,
Cái áo thấm nước này.
246. Ngươi giữ cái áo lại,
Ta không muốn cái áo!
Nếu ngươi sợ đau khổ,
Nếu ngươi không thích khổ.
247. Chớ làm các điều ác,
Công khai hay kín đáo,
Nếu ngươi làm sẽ làm,
Làm các điều ác nghiệp.
248. Ngươi không thoát đau khổ,
Dầu thấy đến, ngươi chạy,
Nếu ngươi sợ đau khổ,
Không ưa thích đau khổ.
249. Hãy đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận Giới luật,
Ngươi sẽ được lợi ích.
250. Ta đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Ta chấp nhận Giới luật,
Ta sẽ được lợi ích,
251. Trước ta là bà con,
Với tộc họ Phạm thiên,
Nay ta là Phạm chí,
Chân thật là như vậy,
Ta chứng ngộ Ba minh,
Đầy đủ trí Vệ-đà,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 313 of 353

An ổn đến với ta, Tâm tư được gột sạch.

Vị Bà-la-môn quy y và thọ năm giới. Về sau được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp trở thành một thiện nam và xuất gia. Nhờ tinh cần tu tập không bao lâu chứng được Ba minh, và nghĩ đến quả chứng của mình, nói lên bài kệ này. Và vị Tỷ-kheo-ni, lập lại bài kệ ấy trở thành bài kệ của mình.

Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 314 of 353

PHẨM XIII TẬP HAI MƯƠI KỆ

(LXVI) Ambapàlì (Therì. 147)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli. Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do nghiệp lực của nàng, nàng trở thành một kỹ nữ. Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna thuyết pháp, nàng triển khai thiền quán về lý vô thường, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. Đen như sắc con ong,
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
253. Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
254. Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật
255. Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
256. Trước lông mày của ta,
Chói sáng khéo tô vẽ,
Nay biến đổi vì già,

Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
257. Mắt ta xanh và dài, Sáng đẹp như châu báu,

Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
258. Lỗ mũi mềm và thon,
Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
259. Trước tai ta sáng chói,
Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhiu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
260. Trước răng ta sáng chói,
Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bể gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
261. Ngọt là giọng nói ta,
Như chim cu hót rừng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bể bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
262. Trước cổ ta chói sáng,
Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngấn và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

263. Trước cánh tay của ta,
Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
264. Trước bàn tay của ta, Mềm mại như cành hoa, Sáng như nữ trang vàng,

Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cằn,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
265. Trước vú ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
266. Trước thân ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
267. Trước bắp vế của ta,
Sáng chói như vòi voi,
Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
268. Trước ống chân của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước chân ta chói sáng,
Với lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
270. Thân này là như vậy,
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vôi trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 317 of 353

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và phát triển tuệ quán trên con đường tu tập chứng được quả A-la-hán.

(LXVII) Rohinì (Therì. 150)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu). Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả Dự lưu. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng khai triển thiền quán và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phụ thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.
272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?
273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,

Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?
274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ
Tuệ giới hạnh tinh cần.
275. Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.
276. Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.
277. Thân nghiệp họ trong sạch,
Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cấu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.
279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.
280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.
282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.
284. Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.
285. Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.
286. Hỡi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.
287. Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 319 of 353

Tế đàn thiết lập đây, Đối với tôi rất lớn.

288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.
289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.
290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt Ba minh,

Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.
Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng để tỏ lộ sung sướng của mình.

(LXVIII) Càpà (Therì. 151)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà. Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bổn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: 'Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?' Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bổn Sư,
Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nại,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 320 of 353

Quần chúng đang mê muội, Đánh tiếng trống bất tử, Rưới cam lồ giải thoát.

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: 'Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt'. Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khất thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà. Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka

than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho. Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là Subhadda. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình; 'Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con'. Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: 'Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy'. Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: 'Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?' thời đưa người ấy vào gặp đức Phật. Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: 'Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?' Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn Càpà, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.
292. Càpà chọc đứa con,
Mỉa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.
Càpà nói:

293. Chớ có tức giận em,
Hỡi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hỡi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. Ta sẽ rời Nàlà!
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đấy vị Sa-môn,

Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quyến rũ.
295. Hãy trở lui thưa chàng,
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.
296. Này Càpà phần tư,
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.
297. Chàng mắt đen của thiếp,
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nẩy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thổi kèn,
Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.
298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thượng,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.
299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bủa giăng sắc đẹp,
Nàng không trí ta được!
300. Còn quả con trai này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đứa con trai của thiếp,
Đứa con trai của chàng.
301. Bậc trí bỏ con trai, Bỏ bà con, tài sản, Bậc đại hùng xuất gia,

Như voi biết trói buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sầu muộn đứa con,
Chàng không thể bỏ đi.
303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.
304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?
305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.
306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.
307. Nay chàng đi đảnh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiễu quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 323 of 353

Đi hữu nhiễu quanh Ngài, Ta dâng lòng cung kính.

309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiền,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,
Thuyết pháp đạo bất tử.
310. Thuyết khổ, khổ tập khởi!
Vượt qua sự dau khổ,
Thuyết đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ tịnh chỉ.
311. Đảnh lễ chân Ngài xong,
Hữu nhiễu quanh Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Của Càpà vợ chàng!
Rồi chàng xin xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Chứng đạt được Ba minh,
Làm xong lời Phật dạy.
(LXIX) Sundarì (Therì. 153)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Benares (Ba-la-nại), con cái của Sujata, một Bà-la-môn. Vì thân nàng đẹp đẽ, nàng được gọi là Sundarì, khi nàng lớn, em trai nàng chết. Cha nàng quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni Vasitthi. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha nàng bị đau khổ gì, cha nàng trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khổ, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp, và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của nàng. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy. Vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và quy y. Khi được biết bậc Đạo Sư nay ở Mithilà, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilà, yết kiến đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán, sau khi tinh tấn, tinh cần phát triển thiền quán.

Người đánh xe, đánh xe về nhà Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. Sundarì nghe vậy, nàng xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản đều thuộc của nàng, hãy thọ hưởng tài sản ấy. Sundarì nói tài sản không có nghĩa gì đối với nàng, nàng chỉ muốn xuất gia. Sau khi được bà mẹ bằng lòng, nàng bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chủng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sống trong sự an lạc giải thoát, nàng nghĩ: 'Ta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử trước mặt bậc Đạo Sư!'. Sau khi xin phép bậc thầy của mình nàng rời khỏi Benares, với một số đông Tỷ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sàvatthi, yết kiến đức Phật, đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên. Nàng nói lên chánh trí của nàng, xem nàng như là con gái sanh ra từ miệng đức Bổn Sư. Và tất cả bà con nàng, bắt đầu từ mẹ nàng và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người cha, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng như sau:

Sujàta:

312. Hỡi nữ Bà-la-môn, Những con nàng đã chết,

Trong thời gian quá khứ,
Thần chết ăn nghiến chúng,
Cả ngày và cả đêm
Khổ đau nung nấu nàng.
313. Nay có đến bảy con
Bị thần chết vồ lấy,
Nhưng này Vàsitthi
Chính vì lý do gì?
Nàng không bị đau khổ,
Não hại và nung nấu?
Vàsitthi:

314. Nhiều trăm con trai ta
Hàng trăm chúng bà con,
Đã bị thần chết ăn,
Của ta và của ngươi!
315. Ta biết đường giải thoát,
Khỏi sanh và khỏi chết,
Ta không sầu, không khóc,
Ta không bị nung nấu.
Sujàta:

316. Hỡi nàng Vàsitthi
Vi diệu thay, lời người!
Nàng biết pháp của ai,
Nàng nói được như vậy?
Vàsitthi:

317. Hỡi này, Bà-la-môn,
Bậc Chánh Đẳng Giác này,
Ở thành Mithìla,

Ngài thuyết cho hữu tình,
Chánh pháp thật vi diệu,
Đoạn tận mọi khổ đau!
318. Hỡi này Bà-la-môn,
Ta nghe La-hán ấy,
Thuyết pháp không sanh y,
Ở đây nhờ hiểu rõ
Ta biết pháp vi diệu
Sầu vì con quét sạch.
Sujàta:

319. Con sẽ đi ngay đến

Thành phố Mithìla!
Mong bậc Thế Tôn ấy,
Giúp con thoát mọi khổ,
Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát mọi khổ.
320. Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát vô sanh
Bậc Mâu-ni, vượt khổ
Thuyết pháp cho vị ấy.
321. Thuyết khổ, khổ tập khởi,
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết Thánh đạo tám ngành,
Con đường lắng dịu khổ.
322. Ở đây, hiểu Diệu pháp,
Hoan hỷ chọn xuất gia,
Sujàta ba đêm,
Chứng đạt được Ba minh.
323. Hãy đi, người đánh xe,
Đánh xe này về nhà,
Chức nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm,
Chứng đạt được Ba minh.
324. Người đánh xe lấy xe,

Cùng với ngàn đồng tiền,
Chức nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm
Chứng đạt được Ba minh.
Mẹ của Sundarì:

325. Hỡi này người đánh xe,
Xe ngựa, ngàn tiền này,
Khi nghe vị Phạm chí
Đã đạt được Ba minh,
Ta cho người đầy bát
Cả xe và ngàn tiền.
326. Hỡi nữ Bà-la-môn! Hãy giữ lại cho người,

Xe ngựa và ngàn tiền,
Tôi sẽ đi xuất gia,
Sống thân cận gần gũi
Bậc trí tuệ tối thắng.
327. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên giàu có này,
Cha con đã xuất gia,
Đã bỏ lại tất cả....
Này con Sundarì,
Con thừa tự gia đình,
Hãy thọ hưởng tài sản,
Của đại gia đình này,
328. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên cám dỗ nàng;
Sầu khổ vì đứa con,
Cha con đã xuất gia,
Đã từ bỏ tất cả
Gia sản sự nghiệp này,

Con nay sẽ xuất gia,
Sầu khổ vì anh con
329. Hỡi này Sundarì
Nếu đấy ước nguyện con,
Mong rằng tâm tư ấy,
Được thành tựu viên mãn;
Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khất thực,
Y áo được tác thành,
Với miếng vải lượm lặt,
Những nếp sống như vậy,
Được thành tựu viên mãn,
Khiến lậu hoặc đoạn tận,
Trong thế giới đời sau.
Sundarì:

330. Kính thưa Trưởng lão Ni,
Con đã học, tu tập,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Con biết các đời trước,
Tại chỗ con được sống,
Trước kia như thế nào.
331. Nhờ Ni sư, con được Ôi, bạn lành của con!

Bậc sáng chói tốt đẹp,
Trong chúng Trưởng lão Ni!
Ba minh đã chứng đạt,
Lời Phật dạy, làm xong.
332. Ni sư hãy cho phép
Con đi đến Xá Vệ!
Con sẽ rống vang lên,
Tiếng rống con sư tử!
Trước mặt bậc Giác ngộ,
Phật-đà, bậc tối thượng.
333. Hỡi này Sundarì,
Nàng thấy bậc Đạo Sư,
Màu da, sắc màu vàng,
Như vàng ròng sáng chói!
Bậc Chánh Đẳng, Chánh giác,

Không điều gì sợ hãi,
Bậc đã điều phục được,
Kẻ chưa được điều phục.
334. Đang đi đến trước Ngài,
Ngài thấy Sundarì!
Ly tham không hệ lụy,
Giải thoát, không sanh y,
Đã làm việc phải làm,
Không còn các lậu hoặc.
335.Từ thành Ba-la-nại!
Con đã bước ra đi!
Con đến bậc Đại hùng.
Con là Sundarì,
Con chính đệ tử Ngài!
Con đảnh lễ chân Ngài.
336. Ngài là bậc Giác ngộ!
Ngài là bậc Đạo Sư!
Con là con gái Ngài
Ôi bậc Bà-la-môn!
Con sanh từ miệng Ngài!
Đã làm việc phải làm,
Không còn có lậu hoặc,
Con là Sundarì
337. Hiền nữ, Ta mừng con
Đường còn lại, không xa!
Như vậy, bậc Tự điều,
Đảnh lễ chân Đạo Sư!
Bậc ly tham, ly hệ,
Không hệ lụy trói buộc,
Đã làm việc phải làm,

Không còn các lậu hoặc.

(LXX) Subhà, Con Người Thợ Vàng (Therì. 156)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đảnh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thục của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về ly Bốn sự thật và nàng chứng được quả Dự lưu. Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới

sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát. Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi bệnh tham vọng. Rồi nàng phát triển thiền quán, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.
339. Nhờ vậy đối mọi dục,
Không còn tham muốn lớn,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Ta mong muốn viễn ly.
340. Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Từ bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.
341. Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu
Vật gì thuận gia sản
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?
342. Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tịnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản thánh.
343. Chính vàng hay bạc này
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 329 of 353

Nguy hiểm nhiều ưu não, Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối thù địch nhau

Rộng đường đấu tranh nhau.
345. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sầu, ưu tư
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.
346. Vì sao bà con ta
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.
347. Bạc, vàng không có thể
Đoạn được các lậu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.
348. Vì sao bà con ta
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.
349. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khất thực,
Y áo được tác thành
Với miếng vải lượm lặt
Sống vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhà.
350. Dục đại sĩ từ bỏ
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát
Không dao động an lạc.
351. Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân
Gây khổ, dụ đống lửa.

352. Đường hiểm, đầy sợ hãi,

Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.
353. Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lòa phàm phu.
354. Chúng sanh chìm bùn đục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.
355. Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phần nhiều đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.
356. Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.
357. Dục làm cho diên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.
358. Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.
359. Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.
360. Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mát, lắng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.
361. Ta đi theo đường ấy
Đường đại sĩ đi qua,
Không sầu, không cấu uế,
An ổn, thẳng, Tám ngành.

362. Hãy xem Subhà này,
An trú trên Chánh pháp,
Con gái một thợ vàng,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.
363. Hôm nay, ngày mồng tám
Từ khi nàng xuất gia,
Với lòng đầy tin tưởng,
Sáng chói chân Diệu pháp,
Up-pa-la-van-na,
Huấn luyện giảng dạy nàng,
Nàng chứng được Ba minh,
Vượt qua được thần chết.
364. Nàng tự mình giải thoát,
Không còn có nợ nần.
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.
365. Sakka đến với nàng,
Cùng với chúng chư Thiên,
Với thần thông diệu dụng,
Chúng đảnh lễ Subhà,
Nàng chỉ là con gái,
Con một người thợ vàng,
Nhưng nay là hội chủ,
Của mọi loài chúng sanh.
Vào ngày thứ tám, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ- kheo thêm vào để tán dương Sakka đã đến đảnh lễ nàng.

PHẨM XIV TẬP BA MƯƠI KỆ

(LXXI) Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka (Therì. 150)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng. Nàng được đặt tên là Subhà và thân nàng rất tuyệt đẹp, nhất là về tay chân. Do vậy nàng được gọi là Subhà (người đẹp). Khi bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), nàng khởi được lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, nàng lo nghĩ đến kiếp người, thấy sự nguy hiểm các dục lạc, và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly. Nàng xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati, và phát triển thiền quán, nàng chứng được quả Bất lai.

Một hôm, một thanh niên ăn chơi ở Ràjagaha, trong khi còn trẻ tuổi, đứng ở nơi vườn xoài ở Jivaka và thấy nàng đi vào rừng để nghỉ trưa. Nó chận đường nàng lại và xin thỏa mãn dục lạc. Nàng dạy cho nó biết, với nhiều bài kệ, sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của nàng về đời sống viễn ly, thuyết pháp cho chàng thanh niên ấy. Nhưng chàng thanh niên không có nghe nàng và vẫn đòi thỏa mãn các dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, không có dùng những lời khuyên nhủ của mình, thấy chàng ấy mê say con mắt của nàng, liền móc một con mắt của nàng và đưa con mắt ấy cho chàng và nói: 'Đây là con mắt có tội của nàng'. Chàng thanh niên hoảng sợ, khủng khiếp và xin lỗi nàng. Nàng đi đến trước mặt vị Đạo Sư, và khi thấy Ngài, con mắt của nàng được chữa lành như cũ. Do vậy, trước mặt Thế Tôn, nàng cảm xúc rung động, hoan hỷ sung sướng. Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng của nàng, dạy nàng và giúp nàng đạt được quả vị cao nhất. Dẫn lòng sự vui sướng của nàng, nàng phát triển thiền quán, chứng được quả A-la-hán, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu về pháp. Sau đó, an trú trong an lạc Niết bàn, nàng nghĩ đến những gì nàng chứng được và nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên ăn chơi bằng những câu kệ như sau:

366. Trong rừng xoài tươi đẹp,
Của ông Jivaka,
Tỷ-kheo-ni Subhà,
Đang bộ hành đi tới,
Có chàng trẻ ăn chơi
Ngăn chặn Subhà lại
Nàng nói lên người ấy
Những lời nói như sau.
367. Ta đã xúc phạm gì,
Để chàng đứng chận tôi?
Thật là không xứng đáng
Để một người đàn ông
Xúc phạm nữ xuất gia,
Hỡi Hiền giả, hiểu cho.
368. Bậc Tôn sư ta dạy,
Chính học pháp như vậy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Là con đường thanh tịnh,

Không có cấu uế nào.
Sao chàng đứng chận ta.
369. Tâm ta thật thanh tịnh, Tâm người không thanh tịnh,

Tâm người đầy tham ái,
Ta không tham, không uế,
Mọi nơi, ý giải thoát
Sao chàng đứng chận ta?
370. Nàng trẻ, không ác pháp,
Nàng xuất gia làm gì?
Hãy bỏ áo Cà sa!
Đến, lạc hưởng rừng hoa.
371. Toàn hoa tỏa hương ngạt,
Cây rưới bụi muôn hoa,
Xem tuổi xuân tuổi trẻ,
Là thời tiết hạnh phúc,
Hãy đến thọ hưởng lạc
Trong rừng nở trăm hoa.
372. Con đường dưới vòm hoa,
Xào xạc gió lay động,
Nàng được lạc thú gì,
Khi một mình vào rừng.
373. Trú xứ chúng thú dữ,
Vang tiếng voi rống dục,
Rừng lớn trống không người,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Nàng lại muốn đi vào,
Không một ai bạn đường?
374. Như búp bê vàng chói,
Giống tiên nữ vườn trời,
Nàng đắp vải Kàsi,
Đẹp mịn, sáng chói nàng.
375. Ta sống nô lệ nàng,
Nếu nàng sống ở rừng,
Không một sanh loại nào,
Mà ta yêu hơn nàng,
Hỡi nàng mắt dịu hiền,
Như mắt Kin-na-rì.
376. Nếu nàng theo lời ta,

Nàng sẽ được hạnh phúc,
Hạnh phúc sống gia đình,
Sống lâu đài che gió,
Sống có các nữ nhân,
Hầu hạ phục vụ nàng.
377. Mang lụa mịn Kàsi, Dùng vòng hoa, sáp đỏ,

Ta làm nhiều trang sức, Vàng châu báu ngọc ngà.

378. Nàng leo lên giường quý,
Gỗ chiên đàn, lỏi thơm,
Che màn đẹp tinh sạch,
Trải nệm mới lông dài.
379. Như sen vươn từ nước,
Phục vụ cho phi nhân,
Như vậy nàng Phạm hạnh,
Sống toàn hảo đến già.
380. Ở đây là cái gì,
Chàng xem là tuyệt diệu,
Trong nghĩa địa ứ đầy,
Tràn đầy những thân xác,
Chàng được thấy cái gì,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi chàng thốt ra lời,
Si mê, vô ý thức?
381. Chính mắt như sơn dương,
Như Kinri giữa rừng,
Ta thấy con mắt nàng,
Dục lạc liền tăng trưởng.
382. Trong gương mặt không uế,
Sáng chói như vàng ròng,
Chẳng khác gì hoa sen,
Đặt chính giữa đài sen,
Thấy con mắt của nàng,
Lòng dục liền tăng trưởng.
383. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Không gì ta yêu hơn,
Mắt Kinri của nàng.

384. Chàng muốn dùng phi đạo,
Tìm mặt trăng mà chơi,
Muốn nhảy qua Mê-ru,
Muốn tìm đến con Phật.
385. Trên đời này, cõi trời,
Ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 335 of 353
386. Quăng đi như hố than,
Than hừng đang cháy đỏ,
Đánh giá như thuốc độc,
Đang xâm nhập đến thân,
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại đến gốc rễ.
387. Hãy cám dỗ nữ nhân,
Không có biết quán sát,
Hay Đạo Sư người ấy,
Đang còn phải học tập,
Chàng mê hoặc người ấy,
Làm hại được người ấy.
388. Còn ta đã chánh niệm,
Đối khen chê lạc khổ,
Biết hữu vi bất tịnh,
Bám chặt tư tưởng ấy.
389. Ta là đệ tử Ni,
Của bậc đại Thiện Thệ,
Ta đã dấn thân bước
Trên đường đạo tám ngành,
Mũi tên đã nhổ lên
Không còn các lậu hoặc,
Ta đi đến nhà trống,
Tâm tư ta hoan hỷ.
390. Ta đã được thấy nó,
Một búp bê khéo vẽ,

Với trục quay gỗ mới,
Khéo cột với dây que,
Búp bê ấy nhảy múa,
Nhiều điệu múa khác nhau.
391. Dây que ấy được rút,
Mở lòng rời phân tán,
Thành trống không, miếng nhỏ,
Chỗ nào ý say đắm.
392. Thân ta ví dụ vậy,
Không bộ phận không động.
Không bộ phận, không động.
Chỗ này ý say đắm.
393. Như thấy một bức vẽ,
Tô màu đỏ trên tường,
Cái thấy chàng đảo lộn,
Vì trí người thiếu sót.

394. ảo thuật xem tối thượng,
Như cây vàng trong mộng,
Mù lòa ngươi chạy theo,
Cái trống không, không thực,
Như cái trò múa rối,
Được xem giữa quần chúng.
395. Mắt nàng như hòn bi,
Đặt lỗ trống của cây,
Như những bong bóng nước,
Đầy dẫy những nước mát,
Những con người đa dạng,
Sanh ra những mủ ghèn.
396. Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy,
Với tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt nàng.
Trao liền cho người ấy,
Và nói hãy cầm lấy,
Con mắt này của người.
397. Khi ấy tham liền diệt,
Chàng khẩn cầu xin lỗi,
Mong rằng Phạm hạnh ni,
Được an ổn trở lại,

Tôi sẽ không còn dám,
Xâm phạm thế này nữa.
398. Hai hạng người thế này,
Chẳng khác ôm lửa hừng,
Tôi như nắm rắn độc,
Mong an ổn tha thứ.
399. Thoát khỏi bị xúc phạm,
Vị Tỷ-kheo-ni ấy,
Từ đấy đi đến gần
Bậc Giác ngộ thù thắng,
Thấy được tướng công đức,
Tốt đẹp và thù thắng,
Mắt của nàng hồi phục,
Được trở lại như xưa.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 337 of 353

PHẨM XV TẬP BỐN MƯƠI KỆ

(LXXII) Isidàsi (Therì. 162)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì nghiệp đời trước của nàng, chồng nàng trở thành lạnh nhạt đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà. Sau khi tu học thiền quán, không bao lâu nàng chứng quả A-la- hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khất thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
'Pàtaliputta',
'Con của đóa bông kèn',
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.
401. Một I-xi-đa-xi,

Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưa thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.
402. Họ đi khất thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viễn ly,
Nói lên những lời này.
403. Hỡi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,
Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.
404. Như vậy sống viễn ly, Thiện xảo về thuyết pháp,

I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.
405. Tại thành phố thù thắng
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.
406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.
407. Sáng và chiều, ta đến
Đảnh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đảnh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.
408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,

Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.
409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.
410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.
411. Cầm theo lược trang liệu
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.
412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,
Ta hầu chồng như vậy.
413. Như vậy phục vụ chồng,

Với phục vụ tối thượng
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.
414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.
415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.
416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ
Có thể sống chung được
Với I-xi-đa-xi

Con ghét cay chán ngấy
Xin phép, con sẽ đi.
417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.
418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lợi ác cảm chống con.
419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.
420. Cha ta lại gả ta,
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền

Là tiền gả bán ta.
421. Ta chỉ sống một tháng,
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm có đức.
422. Cha ta nói khất sĩ,
Sống điều phục chế ngự,
Ngươi hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.
423. Vị ấy sống nửa tháng,
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,

Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khất sĩ của con.
424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liền nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.
425. Được nói vậy, vị ấy,
Liền trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!
426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.
427. Rồi Ji-na-đat-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khất thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.
428. Thấy Ni sư, chúng tôi, Đều đứng lên kính cẩn, Và ta liền sửa soạn,

Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đảnh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.
429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đấy, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thưa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:

'Này con hãy ở đây'.
430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.
431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.
432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lưỡng Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.
433. Ta đảnh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau bảy ngày xuất gia,
Ta chứng được Ba minh.
434. Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thục,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.
435. Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.
436. Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,

Ta bị đốt, nung nấu
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt
Ta sanh trong bụng khỉ.
437. Bảy ngày từ khi sanh,
Ta bị khỉ chúa thiến,
Đây là quả của nghiệp,

Do đi đến vợ người.
438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rừng Xin-đa,
Sanh trong bụng con dê,
Một mắt và què quặt.
439. Mười hai năm bị thiến,
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.
440. Từ đấy ta chết đi,
Sanh làm con bò cái,
Của một lái buôn bò,
Con nghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiến.
441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.
442. Từ đấy chết được sanh,
Nhà nữ tỳ gần đường,
Không là nữ không nam,
Do đi lại vợ người.
443. Đến tuổi ba mươi năm,
Bị chết, ta được sanh
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lữ đoàn bắt ta.
444. Kéo ta, dầu ta khóc, Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,

Lớn lên thành thiếu nữ, Con trai thương gia ấy, Bắt ta lấy làmvợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,

Chính ta tạo thù hằn.
447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dầu ta như nô tỳ,
Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 344 of 353

PHẨM XVI ĐẠI PHẨM

(LXXIII) Sumedhà (Therì. 167)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantàvatì con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà. Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vàranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: 'Bổn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia', cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: 'Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia', và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và dùng tóc ấy, theo phương pháp cắc Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền, Khi nàng ở trong định Sơ thiền cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập thiền quán, và giải thoát được chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.
449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: 'Thưa mẹ cha,

Cả hai, hãy nghe con!'.
450. Con hân hoan Niết-bàn,
Dầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.
451. Các dục thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.
Tiểu Bộ Kinh - Tập III Page 345 of 353
452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sầu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.
453. Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,
Không biết lo học hỏi,
Không giác tri Thánh đế.
454. Những sự thật, thưa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.
455. Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu không sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.
456. Bị sanh bốn đọa xứ,

Được sanh Thiên, Nhân giới
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.
457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của bậc chứng Mười lực,
Sống thong dong nhàn hạ,
Nỗ lực đoạn sanh tử.
458. Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lõi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.
459. Nay thời, Phật ra đời, Phi thời đã từ bỏ, Thời cơ nay đã đến,

Cho đến trọn đời con, Con không làm tổn thương, Giới luật và Phạm hạnh.

460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thưa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.
461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.
462. Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sầu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.
463. Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!

Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.
464. Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.
465. Sumedha thưa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lõi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,
Con chỉ cưới như vậy.
466. Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đồ bất tịnh.
467. Sá gì thân ta biết,

Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?
468. Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.
469. Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.
470. Họ mê thân không lõi,
Ràng buộc bởi gân xương,

Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.
471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lội nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.
472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?
473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dầu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.
474. Kẻ trí quyết bằng lòng
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,
Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.
475. Trong cảnh giới Trời, Người,

Bàng sanh, a-tu-la, Ngạ quỷ và Địa ngục, Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.
477. Những ai đạt Niết-bàn,
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thong dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.
478. Thưa cha ngày hôm nay

Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rỗng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,
Như thân cây Ta-la.
479. Nàng trả lời phụ thân,
Với lời nói như vậy.
Anikaratta
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.
480. Mái tóc đen, dày mịn,
Với gươm, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được Sơ thiền.
481. Nàng sống trong cảnh thiền,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập tưởng vô thường.
482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.
483. Hãy trị vì quốc độ, Với tiền của uy quyền, Với tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân, Hãy thọ hưởng các dục, Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.
Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tưy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.
486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.
487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy
Giống xương gậm trơn tru.
488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.
489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.
490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bướu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,
Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.
492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,

Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!
493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:
494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thỉ đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.
495. Hãy nhớ từ vô thỉ,
Nước mắt, sữa và máu,
Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đống.
496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.
497. Hãy nhớ từ vô thỉ,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nấm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.
498. Hãy nhớ từ vô thỉ,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.

499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,

Lỗ hổng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,
Được làm người khó vậy.
500. Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lõi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.
501. Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sanh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thuồng luồng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.
502. Nước bất tử có đây,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.
503. Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục não!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.
504. Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,
Thù chung thật là nhiều.
505. Ở đây có giải thoát!
Sao để dục giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.
506. Đuốc cỏ đang cháy rực,
Nắm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.
507. Chớ nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.
508. Hãy nhiếp dục trong dục,

Như chó bị dây cột, Chớ để dục ăn ngươi, Như dân đói ăn chó.

509. Khổ thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Ngươi hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.
510. Ở đây, không có già!
Sao theo dục bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phối,
511. Đây không già, không chết.
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trói buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.
512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chú tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.
513. Đứng dậy A-ni-ka
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,
Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.
514. Mẹ cha cho xuất gia, Thoát sầu, sợ, khiếp đảm, Sáu thắng trí chứng đạt.

515. Chứng luôn quả tối thượng. Dầu còn là học nữ.

516. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,

Thời trước đời cuối cùng.

517. Trong thời đức Thế Tôn,
Konàgamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.
518. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.
519. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta hoàng hậu, bảy báu!
Ta chính là nữ báu.
520. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất
Đấy chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.
521. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.
HẾT TẬP III - TIỂU BỘ KINH

-ooOoo-

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.